



CHỈ SỐ CAM KẾT GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG 2022

Jo Walker, Matthew Martin, Emma Seery, Nabil Abdo,
Anthony Kamande, Max Lawson

Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng (CRI) 2022 là báo cáo phân tích chi tiết đầu tiên được công bố đánh giá chính sách và hành động của các chính phủ nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng trong hai năm đầu đại dịch COVID-19 diễn ra. Chỉ số này đánh giá mức chi tiêu, thuế và chính sách lao động cũng như hành động của 161 quốc gia trong giai đoạn 2020-2022.

Đại dịch COVID-19 đã làm bất bình đẳng gia tăng trên khắp thế giới, trong đó những người nghèo và dễ bị tổn thương nhất chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch bệnh và những tác động kinh tế sâu sắc kéo theo. Tuy nhiên, Báo cáo Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng (CRI) 2022 cho thấy rõ hầu hết chính phủ các nước trên thế giới chưa thực hiện các biện pháp quyết liệt để giảm bớt tình trạng bất bình đẳng gia tăng đang gây tổn hại cho xã hội. Dù đối mặt với tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu lớn nhất thế kỷ, một nửa các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp đã giảm chi tiêu cho y tế trong thời gian đại dịch. Trong số các quốc gia nằm trong phạm vi đo lường của chỉ số CRI, một nửa đã cắt giảm chi tiêu cho an sinh xã hội, 70% đã giảm chi tiêu giáo dục, và hai phần ba không tăng mức lương tối thiểu tương xứng với tổng sản phẩm quốc nội (GDP). 95% các nước không tăng mức thuế của những người giàu có nhất và các tập đoàn. Tuy nhiên, trong thời điểm đó, một nhóm nhỏ các chính phủ trên thế giới đã đi ngược lại xu thế này, thực hiện các hành động cụ thể để giải quyết bất bình đẳng.

Lưu ý phương pháp luận

MỤC LỤC

TÓM TẮT	4
1. TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI BẤT BÌNH ĐẲNG, ỨNG PHÓ CỦA CHÍNH PHỦ VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	19
2. GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG THÔNG QUA DỊCH VỤ CÔNG: NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC?	26
3. CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỂ GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG	35
4. GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG THÔNG QUA QUYỀN LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	43
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	51
PHỤ LỤC: XẾP HẠNG QUỐC GIA THEO CHỈ SỐ CRI	54
NGUỒN THAM KHẢO	67

TÓM TẮT

CHỈ SỐ CAM KẾT GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG (CRI) 2022: HẦU HẾT CÁC QUỐC GIA HÀNH ĐỘNG KHÔNG ĐÁNG KỂ TRONG CÔNG CUỘC GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG BẤT BÌNH ĐẲNG CỰC ĐOAN HẬU COVID-19

Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng (CRI) xếp hạng 161 quốc gia trên thế giới về mức độ thực hiện các giải pháp nhằm giảm tình trạng bất bình đẳng. Chỉ số xếp hạng nỗ lực của các quốc gia dựa trên hành động trong ba lĩnh vực hay ba trụ cột đóng vai trò quan trọng đối với việc giảm bất bình đẳng: mức chi tiêu xã hội, thuế và lao động.

Báo cáo Chỉ số CRI năm 2022 là phân tích chi tiết đầu tiên được công bố về chính sách, hành động của chính phủ để giải quyết tình trạng bất bình đẳng trong hai năm đầu xảy ra đại dịch. Báo cáo đánh giá các chính sách, hành động về chi tiêu xã hội, thuế và lao động của 161 quốc gia trong giai đoạn 2020-2022. Kết quả rất đáng lo ngại.

Đại dịch COVID-19 đã làm bất bình đẳng gia tăng trên khắp thế giới, trong đó nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương chịu sự tác động nặng nề nhất từ dịch bệnh và ảnh hưởng kinh tế sâu sắc.¹ Tuy nhiên, Báo cáo CRI năm 2022 cho thấy hầu hết các chính phủ trên thế giới chưa thực hiện các biện pháp quyết liệt để giảm tình trạng bất bình đẳng gia tăng đang gây nguy hại cho xã hội.

- ❑ **Tuy đối mặt với tình trạng y tế khẩn cấp toàn cầu lớn nhất thế kỷ, một nửa trong số các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp đã cắt giảm chi tiêu cho y tế trong đại dịch.**
- ❑ Mặc dù xảy ra tình trạng nghèo đói trên diện rộng do hệ quả của đại dịch, **một nửa số quốc gia nằm danh sách đo lường về chỉ số CRI thậm chí đã cắt giảm chi tiêu cho an sinh xã hội, và 70% số quốc gia đã cắt giảm chi tiêu cho giáo dục.**
- ❑ Mặc dù thất thu lớn từ thuế, trong khi tài sản ở nhóm người giàu nhất và tập đoàn lại gia tăng khổng lồ trong thời gian đại dịch, nhưng **143 trên 161 quốc gia lại thất bại trong việc tăng mức thuế đối với nhóm người giàu nhất**, và thậm chí 11 quốc gia giảm thuế cho người giàu một cách vô lý.
- ❑ Hai phần ba số quốc gia đã thất bại trong việc tăng mức lương tối thiểu theo tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

Chỉ số CRI cũng cho thấy một số quốc gia có mức thu nhập khác nhau đã lựa chọn sử dụng dư địa chính sách của mình để thực hiện các biện pháp rõ ràng trong giải quyết bất bình đẳng. Những hành động đó là ví dụ minh chứng với thế giới rằng bất bình đẳng là một lựa chọn chính sách, và thật đáng buồn khi phần lớn các quốc gia không hành động. Sau đây là một số ví dụ:

- ❑ Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đã tăng chi tiêu xã hội từ 37% lên 47% ngân sách để giải quyết bất bình đẳng; và Nepal đã tăng hơn một nửa chi tiêu y tế trong giai đoạn từ 2019-2021.
- ❑ Costa Rica tăng mức thuế trần thêm 10 điểm phần trăm, Argentina và Bolivia áp dụng thuế tài sản và thuế đoàn kết đối với nhóm công dân giàu có nhất.
- ❑ Barbados ban hành bộ luật toàn diện nhất để nâng cao quyền lao động của phụ nữ, và Maldives lần đầu tiên áp dụng mức lương tối thiểu trên toàn quốc.

Đại dịch đang bị trầm trọng hóa bởi khủng hoảng chi phí sinh hoạt ảnh hưởng tới người dân trên khắp thế giới, khiến hàng triệu người rơi vào cảnh đói nghèo và gây thiệt hại tài chính cho các quốc gia trên thế giới. Lãi suất và giá trị đồng đô-la tăng đang khiến tình hình khủng hoảng nợ vốn đã nghiêm trọng ngày càng xấu đi. Năm 2021, các nước thu nhập thấp và trung bình dành 27,5% ngân sách để chi trả nợ, tỷ trọng này gấp đôi chi tiêu cho giáo dục, gấp bốn lần chi tiêu cho y tế, và gần 12 lần chi tiêu cho an sinh xã hội. Mỗi 1% tăng lên trong lãi suất tương đương với 35 tỷ USD tiền lãi mà các quốc gia thu nhập thấp và trung bình phải thanh toán cho các quốc gia chủ nợ giàu có.

Tình trạng bất bình đẳng trên thế giới đã rất cực đoan từ trước đại dịch, và hiện càng tồi tệ hơn. Nếu chính phủ các nước và cộng đồng quốc tế không khẩn trương hành động, tình trạng bất bình đẳng và đói nghèo gia tăng do đại dịch COVID-19 sẽ không thể đẩy lùi được và các nước sẽ mất cả một thập kỷ để giải quyết vấn đề này.

Khi đối mặt với cuộc khủng hoảng mới về bất bình đẳng vốn đang gây ra nhiều tổn hại trên toàn cầu, chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế cần phải nhanh chóng đúc kết bài học từ những thất bại trước đó khi đối phó với COVID-19, được báo cáo CRI 2022 ghi lại rất rõ ràng. Các nước cần phải hành động ngay để bảo toàn và tăng chi tiêu xã hội, thay vì cắt giảm. Chúng ta phải bảo vệ quyền của người lao động và đảm bảo mức lương đủ sống. Và quan trọng nhất, các nước phải nâng cao đáng kể mức thuế áp dụng với nhóm người giàu nhất và các tập đoàn. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể ngăn chặn sự bùng nổ bất bình đẳng và lật ngược tình thế.

Bất bình đẳng không phải là không thể tránh khỏi. Đó là một lựa chọn chính sách. Ngay cả khi đang gặp vô số cuộc khủng hoảng, một số quốc gia đã chứng minh rằng chúng ta có thể lựa chọn con đường khác. Con đường thúc đẩy bình đẳng là một hành trình thiết thực mà tất cả các quốc gia có thể lựa chọn. Quyết định này trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

CHỈ SỐ CRI NĂM 2022: PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾT QUẢ

Ấn bản lần 4 của Báo cáo Chỉ số CRI xếp hạng 161 quốc gia dựa trên cam kết giảm bất bình đẳng.² Chỉ số đánh giá chính sách, hành động của các quốc gia ở ba lĩnh vực đã được chứng minh là có tác động lớn tới việc giảm bất bình đẳng:³ 1) dịch vụ công (y tế, giáo dục và an sinh xã hội); 2) thuế; và 3) quyền người lao động. Kể từ năm 2020, mỗi lĩnh vực bao gồm ba cấp độ chỉ số đo lường: 1) cam kết chính sách; 2) mức độ bao phủ hoặc việc thực hiện các cam kết; và 3) tác động đối với giảm bất bình đẳng. Không có thay đổi về phương pháp ở các chỉ số năm 2020 và 2022, do đó, báo cáo này tập trung vào xem xét thay đổi trong xếp hạng quốc gia và chính sách ở hai năm, chủ yếu là so sánh chính sách ở giai đoạn trước và sau COVID-19.⁴

	CHI TIÊU CHO DỊCH VỤ CÔNG	TÍNH LŨY TIẾN CỦA THUẾ	QUYỀN LAO ĐỘNG VÀ LƯƠNG
Các chỉ số chính sách	• PS1a Giáo dục • PS1b Y tế • PS1c An sinh xã hội	• T1a-Thuế TNCN • T1a-Thuế TNDN • T1a-Thuế GTGT • T1b-Thực hành thuế có hại	• L1a Quyền lao động • L1b Quyền lao động của phụ nữ • L1c Mức lương tối thiểu
	Chi tiêu theo % tổng ngân sách	Cơ cấu thuế lũy tiến	Nỗ lực của chính phủ trong bảo vệ người lao động bằng pháp luật và thực hành
Các chỉ số thực hiện hoặc mức độ bao phủ	• PS2a Hoàn thành giáo dục trung học cơ sở ở nhóm nghèo nhất • PS2b Độ bao phủ dịch vụ y tế tự phát và chi tiêu từ tiền túi của bệnh nhân • PS2c Mức bao phủ lương hưu	• T2 Hiệu quả thu thuế GTGT, TNCN, TNDN	• L2a Thất nghiệp • L2b Công việc dễ tổn thương
Các chỉ số tác động	• PS3 Tác động của chi tiêu đối với bất bình đẳng (Gini)	• T3 Tác động của thuế đối với bất bình đẳng (Gini)	• L3 Tác động của thu nhập lao động (tiền lương) đối với bất bình đẳng (Gini)
Tổng điểm CRI	Điểm trung bình trên 3 lĩnh vực		

Hình 1: Cơ cấu của chỉ số CRI. Lưu ý: Thuế giá trị gia tăng (GTGT), thu nhập cá nhân (TNCN) và thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

KẾT QUẢ TỔNG THỂ

CÁC QUỐC GIA XẾP HẠNG CAO NHẤT VÀ THẤP NHẤT

Na-Uy dẫn đầu bảng xếp hạng chỉ số CRI như năm 2020, tiếp theo là Đức và Úc, tăng hạng từ thứ 16 lên thứ ba. Tất cả các nước trong top 10 đều là các quốc gia giàu có và là thành viên OECD. Nguyên nhân là do các quốc gia phát triển có phạm vi thu thuế rộng hơn do có nhiều công dân và doanh nghiệp với thu nhập cao hơn; điều này cũng giúp họ có khả năng chi tiêu nhiều hơn cho dịch vụ công và an sinh xã hội.

Tuy nhiên, ngay cả những quốc gia đứng đầu vẫn có thể cải thiện thêm. Na-Uy chỉ xếp thứ 12 về dịch vụ công: quốc gia này chi ít ngân sách hơn cho giáo dục và y tế so với hầu hết các quốc gia OECD, và chưa đạt được mục tiêu phổ cập trung học cơ sở và chăm sóc sức khỏe phổ quát. Na-Uy chỉ đứng thứ 15 về thuế, với mức cắt giảm mạnh đối với thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp vào những năm 2000 - mặc dù việc tạm thời giảm thuế suất GTGT đối với thực phẩm đã giúp hạn chế bất bình đẳng trong giai đoạn COVID-19. Đối với lĩnh vực lao động, Na-Uy từ vị trí thứ nhất xuống thứ ba vì mức lương tối thiểu tăng chậm hơn so với GDP. Đức đạt điểm khá cao về quyền lao động và gần đây có mức tăng lương tối thiểu khá mạnh; nhưng chi tiêu cho giáo dục vẫn thấp, còn thuế GTGT vẫn cao. Xếp hạng tăng đáng kể của Úc là nhờ các biện pháp mới mạnh mẽ chống trốn thuế, và mức lương tối thiểu tăng cao vào tháng 7/2022; nhưng thời gian nghỉ nuôi con ở đây ngắn và mức quyền lợi không cao, chỉ số của Úc chỉ đứng thứ 40 về khía cạnh lao động.

Mặt khác, các quốc gia đứng cuối bảng xếp hạng đều là những nước có thu nhập thấp, nhiều nước trong số đó đang (hoặc mới đây) chịu sự ảnh hưởng nặng nề từ xung đột nội bộ và bất ổn chính trị. Nam Sudan

tiếp tục đứng cuối về chỉ số CRI và Nigeria đứng thứ hai thứ dưới lên. Cả hai đều đạt kết quả không cao trên mọi lĩnh vực của chỉ số, tuy nhiên Nigeria có điểm số thuế tăng nhẹ nhờ bỏ những người buôn bán nhỏ ra khỏi nhóm đóng thuế GTGT. Guinea và Sierra Leone lọt vào nhóm 10 quốc gia xếp hạng thấp nhất do cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; Uganda cũng rơi vào nhóm này do sự giảm mạnh trong tỷ trọng ngân sách dành cho chi tiêu xã hội; Bờ Biển Ngà cũng nằm trong nhóm này do hiệu quả thu thuế giảm.

Bảng 1.0. Các quốc gia xếp hạng cao nhất và thấp nhất, tăng hạng và tụt hạng

10 nước đứng đầu		10 nước đứng cuối		Tăng hạng		Tụt hạng	
1	Na-Uy	161	Nam Sudan	Tajikistan	+37	Afghanistan	-36
2	Đức	160	Liberia	Maldives	+33	Togo	-35
3	Úc	159	Nigeria	Bhutan	+30	Honduras	-34
4	Bỉ	158	Haiti	Moldova	+29	CH Yemen	-32
5	Canada	157	Guinea	Morocco	+29	Guyana	-28
6	Nhật Bản	156	Madagascar	Singapore	+27	Georgia	-27
7	Đan Mạch	155	Bờ Biển Ngà	Âi Cập	+26	Eswatini	-26
8	New Zealand	154	CH Trung Phi	Mauritius	+25	Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	-26
9	Slovenia	153	Sierra Leone	Hàn Quốc	+22	Bolivia	-22
10	Phần Lan	152	Uganda	Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	+19	Seychelles	-22

Bảng trên cung cấp bức tranh rất đa dạng về những quốc gia tăng hạng, tụt hạng, với nhiều nhóm quốc gia có các mức thu nhập khác nhau, điều này đặc biệt cho thấy rằng chỉ số CRI của bất kỳ quốc gia nào cũng có thể tăng đáng kể bằng cách thực hiện các biện pháp chính sách giải quyết bất bình đẳng. Trong số các nước thăng hạng có một quốc gia thu nhập thấp (Tajikistan, do tăng mạnh thuế thu nhập cá nhân) và bốn quốc gia thu nhập trung bình thấp (Moldova do tăng chế độ nghỉ nuôi con hoặc nghỉ thai sản cho nam giới, giảm thất nghiệp và công việc bấp bênh; Bhutan do chuyển từ cơ chế thuế tiêu thụ lũy thoái sang cơ chế thuế GTGT trung lập hơn, và tăng mức trần thuế thu nhập cá nhân; Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng do tăng mạnh chi tiêu xã hội và mức lương tối thiểu; Ai Cập do lần đầu tiên đưa vào áp dụng mức lương tối thiểu trên toàn quốc). Ngoài ra còn những thay đổi về chính sách giải quyết bất bình đẳng then chốt, như cơ chế thuế thu nhập lũy tiến mới của Maldives, gia tăng chi tiêu xã hội và mức bao phủ hưu trí ở Hàn Quốc trong những năm gần đây.⁵

Trong số các quốc gia tụt hạng có một quốc gia thu nhập cao và một khu vực (Seychelles và Đặc khu hành chính Hồng Kông) và hai quốc gia thu nhập trung bình cao (Georgia và Guyana). Tám trong số 10 quốc gia tụt hạng nhiều nhất cho thấy sự sụt giảm trong nguồn thu thuế, chủ yếu là do tác động của COVID-19. Tuy nhiên, những thay đổi chính sách chủ chốt khác làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng, như suy giảm mạnh về quyền lao động của phụ nữ ở Afghanistan, thất bại của Togo trong việc tăng mức lương tối thiểu từ năm 2012, và giảm tỷ lệ ngân sách phân bổ cho chi tiêu xã hội (dẫn đến giảm mức độ bao phủ dịch vụ công) ở Eswatini, Honduras, Seychelles và Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc – trường hợp cuối cùng phản ánh mức chi trả nợ gia tăng nhanh chóng, dẫn đến sự sụt giảm trong chi tiêu xã hội.

Hộp 1: Các quốc gia đạt kết quả tốt và không tốt trong công cuộc giải quyết bất bình đẳng

Các nước tăng hạng

Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng tăng 19 bậc ngay cả trong tình trạng đất nước chịu nhiều bất ổn.

Trong thời gian đại dịch, nước này đã tăng tỷ trọng ngân sách y tế lên 1/3, an sinh xã hội tăng hơn một nửa và tỷ trọng giáo dục tăng lên 1/10. Trong những năm gần đây, tỷ lệ những công dân phải chi trả hơn 10% thu nhập của họ cho chăm sóc y tế đã giảm đi một nửa. Và lần đầu tiên trong 10 năm, nước này đã tăng mức lương tối thiểu thêm 33% GDP theo đầu người.

Hàn Quốc tăng 22 bậc về chỉ số năm nay, mức tăng cao nhất trong OECD. Nước này đã cải thiện mức chi tiêu cho các dịch vụ công, đẩy mạnh bao phủ dịch vụ (9 trong số 10 trẻ em nghèo hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, đây là tỷ lệ cao nhất toàn cầu), và giảm 45% chi phí y tế “thảm họa” từ tiền túi. Trong những giai đoạn đầu của đại dịch, Hàn Quốc đã tăng thuế đối với những người giàu nhất và chấm dứt các hành vi thiên đường thuế. Sự cải thiện này phản ánh cam kết của chính phủ trước, và vẫn còn phải xem liệu chính phủ mới có duy trì tiếp hay không.

Senegal tăng 10 bậc về chỉ số. Ngân sách cho giáo dục tăng 1/5 và an sinh xã hội tăng 1/3, điều này khiến cho Senegal trở thành quốc gia có mức chi cam kết cao nhất cho dịch vụ công nhằm chống bất bình đẳng ở Tây Phi. Tuy nhiên, chi phí cho y tế vẫn còn rất thấp – chỉ chiếm 5% ngân sách. Senegal là một trong số các nước quy định mức thuế cao nhất đối với người giàu nhất ở Tây Phi là 40% và đã tăng thu thuế lên 12% bằng việc loại bỏ việc miễn thuế và ngăn chặn trốn thuế.

Trong bài phát biểu vào tháng 9 năm 2022, Tổng thống Senegal Macky Sall đã một lần nữa khẳng định ý chí chính trị và cam kết của ông về việc giảm bất bình đẳng xã hội, kinh tế và địa lý, đặc biệt bằng việc cải thiện sự tiếp cận của người dân với các dịch vụ công như y tế, giáo dục, và vệ sinh. Trong bối cảnh ngày càng có nhiều sự phản đối đối với nhiệm kỳ thứ ba của ông, còn phải chờ xem liệu những tuyên bố này có chuyển thành hành động hay không, hay chỉ được đưa ra để xoa dịu lòng dân.

Các nước tụt hạng

Bulgaria tụt 20 bậc về chỉ số CRI và giảm ở cả ba trụ cột. Hệ thống thuế của Bulgaria là một trong những hệ thống thuế lũy thoái nhất trên thế giới. Mức thuế GTGT cao gấp hai lần mức thuế thu nhập của những người giàu nhất và các tập đoàn, những người chỉ nộp 10%, và không có biện pháp nào để làm giảm thuế suất GTGT. Tất cả các nhóm thu nhập đều chịu mức thuế thu nhập như nhau bất kể thu nhập có khác nhau. Bulgaria đã cắt giảm ngân sách cho an sinh xã hội. Tỷ lệ chi phí thảm họa từ tiền túi cho y tế đã tăng 75% và là nước có tỷ lệ cao thứ 9 trên thế giới. Mức lương tối thiểu của nước này cũng giảm 1/10 so với tỷ trọng GDP, và chỉ xếp thứ 88 về mức lương tối thiểu.

Sri Lanka, với sự bất ổn cả về chính trị lẫn kinh tế, đã giảm 17 bậc trong chỉ số năm nay. Về chi tiêu cho dịch vụ công, Sri Lanka xếp thứ 6 từ dưới lên trong tổng số 161 nước và đã cắt giảm 1/5 ngân sách cho y tế và giáo dục vốn đã thấp từ năm 2019, do cuộc khủng hoảng nợ ngày càng tăng, chiếm 60% ngân sách quốc gia. Sri Lanka chỉ thu được 16% từ doanh thu thuế tiềm năng, điều này phản ánh việc cắt giảm thuế suất và miễn thuế cho các dự án lớn trong những năm gần đây. Chỉ riêng đại dịch đã làm tăng 27% tỷ lệ nghèo đói.

Ghana, hiện tại đang trong tình trạng nền kinh tế bất ổn và nợ nần, tụt bảy bậc về chỉ số CRI và 25 bậc về lĩnh vực dịch vụ công. Tổng ngân sách dành cho giáo dục, y tế và an sinh xã hội, vốn đã nằm trong nhóm thấp nhất thế giới, bị cắt giảm đáng kể do nghĩa vụ nợ tăng cao. Năm 2022, khi đất nước đang đứng trước một cuộc khủng hoảng nợ toàn diện, nhiều biện pháp thắt lưng buộc bụng được công bố, điều này có thể dẫn đến nguy cơ các khoản đầu tư vào dịch vụ công và an sinh xã hội sẽ còn bị cắt giảm hơn nữa.⁶ Khoảng 17 triệu người dân Ghana không được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe dù là cơ bản nhất. Mức lương tối thiểu cũng giảm 1/10 so với tỷ trọng GDP, Ghana chỉ xếp thứ 130 về chỉ số này và xếp thứ 133 về lao động.

KẾT QUẢ Ở BA TRỤ CỘT

TRỤ CỘT 1: DỊCH VỤ CÔNG - TỶ TRỌNG CHI TIÊU CHO Y TẾ VÀ AN SINH XÃ HỘI GIẢM BẤT CHẤP BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Trụ cột này xem xét các hành động của chính phủ trong giải quyết bất bình đẳng thông qua dịch vụ công như giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Kể từ năm 2020, trụ cột này lần lượt xem xét chi tiêu theo tỷ lệ phần trăm trong ngân sách nhà nước; mức độ bao phủ và tính công bằng của dịch vụ được cung cấp; tầm ảnh hưởng của chi tiêu đối với tình trạng bất bình đẳng.

KẾT QUẢ TỔNG THỂ VỀ TRỤ CỘT DỊCH VỤ CÔNG

20 quốc gia đứng đầu trong trụ cột này đều là quốc gia có thu nhập cao. Dẫn đầu là Ba Lan đã hỗ trợ tài chính rất nhiều cho nhóm đối tượng nghèo nhất thông qua dịch vụ công, số tiền hỗ trợ tương đương với lợi nhuận họ thu được từ thị trường. Trước khi xảy ra chiến tranh, thứ hạng của Ukraine tăng từ 24 lên 21 do gia tăng đáng kể chi tiêu cho giáo dục và y tế, điều này cho thấy quốc gia thu nhập trung bình thấp có thể cạnh tranh với những quốc gia có thu nhập cao nhất trong tăng cường dịch vụ công giúp giảm bất bình đẳng. Hai quốc gia thu nhập thấp khác cũng có thứ hạng tăng rõ rệt kể từ thời điểm ra báo cáo CRI gần nhất: Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đã tăng mạnh chi tiêu xã hội và độ bao phủ hưu trí; và Mozambique đã tăng chi tiêu giáo dục lên rất nhiều kể từ năm 2019, trở thành quốc gia thu nhập thấp có xếp hạng cao nhất trong trụ cột này.

Đứng cuối bảng xếp hạng trong trụ cột này là các quốc gia thu nhập thấp với tỷ lệ phân bổ ngân sách cho dịch vụ xã hội còn ít, mức độ bao phủ thấp và chưa có tác dụng giảm bất bình đẳng. Quốc gia xếp cuối bảng, Nam Sudan đã giảm tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục và y tế từ năm 2019, còn Ghana, Honduras, Eswatini và Seychelles đều là những nước tụt nhiều bậc xếp hạng khi cắt giảm chi tiêu do gánh nặng nợ gia tăng và chính sách thắt lưng buộc bụng.

TỶ TRỌNG CHI TIÊU CHO DỊCH VỤ CÔNG TRÊN NGÂN SÁCH GIẢM DÙ ĐANG TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

Chỉ số CRI đo lường tỷ trọng ngân sách chính phủ chi tiêu cho công tác giải quyết bất bình đẳng. Thực tế là nhiều chính phủ còn không thể duy trì tỷ trọng ngân sách dành cho y tế và an sinh xã hội trong thời gian đại dịch, đây là một sự vi phạm nghiêm trọng tới cam kết bảo vệ người dân. Thay vào đó, lời biểu dương nên dành cho những quốc gia đã thực hiện mọi biện pháp để gia tăng chi tiêu nhằm giúp người dân vượt qua khoảng thời gian tồi tệ này.

Tính trung bình kể từ Báo cáo Chỉ số năm 2020 (và trong giai đoạn COVID-19), tỷ lệ tổng ngân sách phân bổ cho giáo dục, y tế và an sinh xã hội đã giảm gần 1 điểm phần trăm, với hơn một nửa số quốc gia cắt giảm những khoản chi đó, và chỉ có 19 nước tăng những khoản đó thêm hơn 5 điểm phần trăm. Costa Rica đứng đầu danh sách, dành 67% ngân sách cho những lĩnh vực này, ngoài ra có Iran, Uzbekistan, Argentina và Moldova là những quốc gia kém phát triển hơn nhưng có kết quả chỉ số thuộc nhóm dẫn đầu. Ở cuối bảng là những quốc gia nghèo ít có cam kết giải quyết bất bình đẳng, nổi bật là bốn quốc gia Nam Á, Uganda và Guinea-Bissau, rơi vào nhóm 10 quốc gia có chỉ số thấp nhất do cắt giảm mạnh chi tiêu. Đáng ngạc nhiên là gần một nửa (49%) các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp thậm chí đã giảm tỷ lệ ngân sách phân bổ cho y tế, mặc dù đối mặt với tình trạng y tế khẩn cấp toàn cầu do đại dịch COVID-19 gây ra. Hơn hai phần ba số quốc gia giảm tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục và giảm một nửa ngân sách cho an sinh xã hội. Tuy nhiên, các nước nghèo như Burkina Faso, Burundi, Ethiopia và Rwanda đã tăng tỷ lệ chi cho giáo dục; tỷ trọng ngân sách y tế ở Cyprus, Maldives và Cộng hòa Trung Phi tăng mạnh; tỷ trọng ngân sách cho an sinh xã hội ở Trung Quốc, Uzbekistan và Mông Cổ cũng gia tăng đáng kể.

MỨC ĐỘ BAO PHỦ HẦU NHƯ KHÔNG CẢI THIẾN, NGAY CẢ GIAI ĐOẠN TRƯỚC COVID-19

Dịch vụ công cho nhóm đối tượng nghèo nhất gần như không có tiến triển nào vào giai đoạn trước COVID-19, với tỷ lệ bao phủ ở cả ba lĩnh vực tăng thêm chưa đến 0,5 điểm phần trăm/năm kể từ khi công bố CRI năm 2020. Vào giai đoạn trước COVID-19, ở 40 quốc gia, dưới 10% trẻ em thuộc nhóm nghèo nhất hoàn thành chương trình giáo dục trung học; ở 35 quốc gia, hơn 50% dân số không được tiếp cận dịch vụ y tế; ở 51 quốc gia, hơn 10% dân số phải trả mức chi tiêu thảm họa cho dịch vụ y tế; và ở 66 quốc gia, chưa đến một nửa người cao tuổi có lương hưu.

Ở các nước nghèo, thậm chí tỷ trọng ngân sách nhà nước cao thường đồng nghĩa với chi tiêu trên đầu người thấp, khiến cho nhóm người nghèo nhất bị bỏ lại phía sau, và việc cắt giảm tỷ trọng chi tiêu trong giai đoạn 2020-2021 càng khiến tình hình trầm trọng hơn. Tuy vậy, một số quốc gia là ví dụ nổi bật cho việc mở rộng tỷ lệ bao phủ: Argentina, Armenia và Mông Cổ là điển hình trong việc mở rộng chi tiêu cho giáo dục; Thái Lan và El Salvador là ví dụ về sự cải thiện trong mức độ bao phủ y tế; Fiji, Mexico, Samoa và Tunisia là ví dụ về mức độ bao phủ hưu trí.

MỨC TĂNG NHẸ TRONG TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU ĐỐI VỚI BẤT BÌNH ĐẲNG

Trong chỉ số năm 2020, phần lớn các quốc gia có tác động cao nhất là những nước có kinh tế phát triển, dẫn đầu là Ba Lan (mức độ bất bình đẳng giảm 77% nhờ dịch vụ công), nhưng nổi bật là Ukraine và Kiribati vì là quốc gia nghèo nhưng giảm được đáng kể mức độ bất bình đẳng thông qua dịch vụ công. Ở cuối bảng, Nam Sudan chỉ giảm được 0,5% điểm phần trăm mức độ bất bình đẳng, còn Đặc khu hành chính Hồng Kông của Trung Quốc, Jordan và Barbados là các quốc gia giàu có hơn nhưng tạo ra ít tác động.

Hộp 2: Ukraine: Tiến trình giải quyết bất bình đẳng bị đảo ngược do chiến tranh

Trong số những quốc gia có thu nhập trung bình thấp, Ukraine là một trong những nước có kết quả tốt nhất trong việc sử dụng dịch vụ công để giảm bất bình đẳng. Giống như phần lớn các nước thuộc Liên Xô cũ, quốc gia này có một hệ thống phúc lợi lớn. Trước chiến tranh, Ukraine dành 60% ngân sách cho giáo dục, y tế và an sinh xã hội, và là quốc gia có chi tiêu cao thứ sáu, ngoại trừ các quốc gia thuộc nhóm thu nhập cao. Chỉ riêng an sinh xã hội đã chiếm 35% chi tiêu của chính phủ. Mức chi tiêu cao này đã gặt hái được phần lớn thành quả. Mức độ bao phủ y tế cơ bản và an sinh xã hội đang trên đà gia tăng trước khi xảy ra chiến tranh. Trẻ em, bà mẹ mới sinh con và người khuyết tật nặng được phổ cập an sinh xã hội. Tỷ lệ người cao tuổi có lương hưu ở mức gần như toàn dân, trong khi đó, 84% người thất nghiệp được đưa vào chương trình phúc lợi.⁷ Gần ba phần tư người Ukraine được hưởng chăm sóc y tế cơ bản trước chiến tranh, là một trong những nước có tỷ lệ cao nhất trong nhóm quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp.

Ukraine cũng thực hiện khá tốt việc thu thuế, thu được 57,5% nguồn thu tiềm năng, đứng thứ 10 trong số 161 quốc gia được đo lường bởi CRI. Tuy nhiên, hệ thống thuế ở đây có tính lũy thoái cao, làm gia tăng bất bình đẳng. Mức trần đối với thuế thu nhập cá nhân và doanh nghiệp chỉ ở mức 18%, một trong những mức thấp nhất thế giới, trong khi đó mức thuế GTGT là 20%.

Chiến tranh đang gây ra tác động kinh tế - xã hội nghiêm trọng, tác động lớn lên dịch vụ xã hội và tài chính công, làm đảo ngược những thành tựu đã đạt được về giảm nghèo và bất bình đẳng, chỉ trong vòng vài tháng. Một báo cáo do Ngân hàng Thế giới, Chính phủ Ukraine và Ủy ban Châu Âu đồng thực hiện đã vẽ nên bức tranh không mấy khả quan.⁸ Tỷ lệ đói nghèo (thu nhập dưới 5,5 USD một ngày) đã tăng gấp 10 lần, từ 2% trước chiến tranh lên 21%, và có thể nhảy vọt lên đến 58% vào năm 2023, đẩy 18 triệu người Ukraine xuống dưới chuẩn nghèo. Quốc gia này cần 45 tỷ USD để xây dựng lại cơ sở hạ tầng chăm sóc y tế, giáo dục và an sinh xã hội.

Chiến tranh đã khiến nguồn thu từ thuế giảm mạnh, ngay cả khi chi tiêu liên quan đến chiến tranh tăng vọt. Tính đến tháng 5, nguồn thu từ thuế thấp hơn 27% so với giai đoạn trước chiến tranh, còn chi tiêu tăng 40%, trong đó khoản chi quân sự chiếm 61% tăng trưởng trong chi tiêu. Mỗi ngày chiến tranh xảy ra đồng nghĩa với nghèo đói gia tăng, chất lượng sống suy giảm, thiệt hại về người và chi phí tái thiết leo thang.

Kể từ báo cáo CRI 2020, ước tính bình quân tác động của chi tiêu trong giải quyết bất bình đẳng tăng nhẹ từ 18,4% lên 19,4%. Điều này phản ánh hai yếu tố: về tổng thể, trong khi chi tiêu xã hội có thể giảm về tỷ lệ so với tổng ngân sách, ở nhiều quốc gia, khoản chi tiêu này không giảm nếu tính theo tỷ trọng so với GDP hay thu nhập người dân, vì GDP và thu nhập còn sụt giảm nhiều hơn; và đối với một số nước, những nghiên cứu hay phương pháp lập mô hình mới đã làm thay đổi các tính toán theo hướng tăng lên. Các quốc gia có sự tăng mạnh kể từ báo cáo CRI 2020 bao gồm Maldives, Timor-Leste và Cyprus do gia tăng chi tiêu tính theo tỷ trọng GDP; Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Zambia và Trung Quốc do những nghiên cứu mới về tác động, thực hiện bởi Học viện Cam kết Bình đẳng (CEQ) hoặc OECD. Những quốc gia có sự sụt giảm rõ rệt, do chi tiêu giảm nhanh hơn GDP, gồm có Seychelles, Cộng hòa Kyrgyz, Yemen và Djibouti.

TRỤ CỘT 2: THUẾ LŨY TIẾN - CÁC QUỐC GIA KHÔNG TĂNG THUẾ ĐỐI VỚI NHÓM GIÀU NHẤT DÙ TÀI SẢN CỦA NHÓM NÀY TĂNG MẠNH

Trụ cột thuế của chỉ số CRI xem xét khía cạnh chính sách (các loại thuế chính có được thiết kế để giảm bất bình đẳng hay không); thực thi (có thu thuế thành công hay không); và tác động của chính sách cũng như việc thực thi chính sách đối với bất bình đẳng. Trụ cột cũng cần nhắc xem các quốc gia có hành xử giống như những thiên đường thuế hay không thông qua các thực hành thuế có hại, khiến giảm thu ngân sách cho quốc gia mình và các quốc gia khác.

Từ trước đến nay, trong những thời điểm khủng hoảng, chính phủ thường tăng thuế đối với nhóm giàu nhất, để huy động nguồn lực phục vụ cho giải quyết khủng hoảng, đảm bảo duy trì cung cấp dịch vụ công miễn phí, đặc biệt hỗ trợ cho người nghèo, thu nhập thấp, đây chính là hành động đoàn kết xã hội.

Trong giai đoạn COVID-19, nguồn thu từ thuế tiêu thụ đã sụt giảm khi nền kinh tế đình trệ. Nhưng cùng lúc đó, tài sản của nhóm đối tượng giàu nhất trên thế giới tăng lên nhanh chóng, lợi nhuận của các tập đoàn cũng vậy. Tài sản của các tỷ phú đã gia tăng gần như theo cấp số nhân. Tuy nhiên, phân tích CRI cho thấy phần lớn chính phủ các nước, cụ thể là 143 trên 161 quốc gia, đã không tăng thuế đối với nhóm người giàu trong thời gian đại dịch; đáng ngạc nhiên là 11 nước còn giảm thuế đối với nhóm này. Chỉ có bảy nước lựa chọn làm điều đúng đắn, tăng thuế đối với nhóm người giàu để trợ giúp xã hội bất kể tác động của đại dịch và kinh tế.

KẾT QUẢ TỔNG THỂ CỦA TRỤ CỘT THUẾ

Úc đứng đầu về lĩnh vực thuế trong báo cáo CRI năm 2022, điều này phản ánh hệ thống thuế có tính lũy tiến về mặt lý thuyết, tổng thu từ thuế tiếp tục cao trong giai đoạn COVID-19 và tạo tác động lớn trong việc giảm bất bình đẳng. Chỉ số của Úc bắt đầu tăng từ năm 2020 thông qua việc bãi bỏ những thực hành theo cơ chế thiên đường thuế. Nhưng Úc vẫn có thể làm nhiều hơn thế để giảm bất bình đẳng bằng cách miễn thuế GTGT cho người buôn bán nhỏ, không cắt giảm mức thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), giảm miễn thuế cho những người có thu nhập cao và doanh nghiệp, và áp dụng thuế tài sản. Ở cuối của bảng xếp hạng đa phần là các quốc gia không có thuế thu nhập (hoặc thuế suất rất thấp hoặc chỉ có một mức thuế suất cố định đối với tất cả thu nhập chịu thuế), như Bắc Macedonia, Bahamas, Vanuatu, Bahrain và Oman, hay có điểm số rất thấp về các thực hành thuế có hại.

Kể từ báo cáo CRI gần nhất, phần lớn các quốc gia có thứ hạng tăng là những nơi đã bỏ các thực hành thuế có hại. Tuy nhiên, nổi bật nhất là hai quốc gia: Bhutan với cải cách thuế toàn diện, làm cho thuế GTGT trở nên trung lập và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) có tính lũy tiến hơn, dẫn đến gia tăng nguồn thu; và Maldives với việc đưa vào áp dụng thuế TNCN lũy tiến. Ở những quốc gia bị tụt hạng nhiều nhất, nguyên nhân phần lớn là sụt giảm trong thu thuế do COVID-19, xung đột vũ trang và giá dầu giảm. Nhưng có 11 quốc gia cắt giảm thuế đối với nhóm người giàu nhất và 22 nước giảm thuế đối với doanh nghiệp.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CÓ TÍNH LŨY TIẾN HƠN, THUẾ TÀI SẢN MỚI, NHƯNG MỨC GIẢM THUẾ TNDN GIA TĂNG

Những quốc gia có hệ thống thuế lũy tiến nhất về mặt lý thuyết tiếp tục là những quốc gia thu nhập thấp. Trong giai đoạn COVID-19, 21 quốc gia đã tăng mức thuế TNCN, dẫn đầu là Angola, Costa Rica và New Zealand. Số lượng quốc gia không có thuế TNCN giảm xuống còn bốn, vì Maldives áp dụng thuế thu nhập lũy tiến. Một xu hướng tích cực khác là thuế tài sản ngày càng được đưa vào áp dụng nhiều hơn, nổi bật là ở Mỹ Latinh (Argentina, Bolivia và dự kiến ở Chile), như một phần ứng phó với các cuộc biểu tình xã hội chống bất bình đẳng và chính phủ mới tiến bộ. Tuy nhiên vào thời điểm tài sản và thu nhập của nhóm giàu nhất đang tăng vọt, 143 trên 161 quốc gia không tăng thuế với nhóm đối tượng này; và thậm chí có 11 quốc gia đã cắt giảm thuế đối với họ, đứng đầu là Armenia, Barbados và Croatia.

Mặt khác, mức thuế TNDN đã giảm trung bình 0,4 điểm phần trăm, trong đó có 22 nước giảm thuế suất (nổi bật là Tunisia, Hy Lạp, Angola, Philippines và Sierra Leone), và chỉ có 5 nước tăng thuế suất. Những nước có thuế suất TNDN cao nhất phần lớn là quốc gia thu nhập thấp hoặc trung bình thấp. Bahamas, Bahrain và Vanuatu tiếp tục là những nơi không có thuế TNDN. Có rất ít thay đổi đối với thuế GTGT, thường là thuế lũy thoái, tức là sẽ dẫn đến gia tăng bất bình đẳng. Afghanistan và Bhutan ban hành thuế GTGT được điều chỉnh để không lũy thoái bằng cách miễn thuế đối với lương thực, thực phẩm và người buôn bán nhỏ; Albania và Jamaica làm cho thuế GTGT ít lũy thoái hơn; Angola và Nhật Bản làm thuế có tính lũy thoái nhiều hơn. Mức thuế GTGT trung bình toàn cầu giảm từ 15,7% xuống 15,6%.

CÁC THỰC HÀNH THUẾ CÓ HẠI GIẢM NHƯNG HÀNH VI CHUYỂN GIÁ/DỊCH CHUYỂN LỢI NHUẬN THÌ KHÔNG

Chỉ số CRI bao gồm đánh giá mức độ một quốc gia thực hiện các thực hành thuế có hại, tạo điều kiện cho tập đoàn chuyển lợi nhuận, xói mòn cơ sở thuế và khả năng giải quyết bất bình đẳng của các quốc gia khác. Chỉ số này có sự cải thiện rõ rệt kể từ năm 2020. Số quốc gia không áp dụng các thực hành thuế có hại đã tăng từ 26 lên 29, và điểm trung bình toàn cầu cải thiện, giảm từ 1,7 xuống 1,4 trên 9 (trong đó 9 là điểm thấp nhất). Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc đứng cuối bảng, tiếp theo là Barbados, Singapore và 5 quốc gia thành viên EU (Cyprus, Ireland, Luxembourg, Malta và Hà Lan) nằm trong nhóm 10 nước xếp cuối.

Tuy nhiên, chỉ số này chỉ thể hiện được những thực hành thuế có hại rõ rệt nhất, và những chỉ số phụ theo dõi tiền bản quyền, tiền lãi và cổ tức cho thấy sự chuyển đổi lợi nhuận đang gia tăng. Những nỗ lực chống lại thực hành thuế có hại thông qua thỏa thuận thuế TNDN tối thiểu 15% của OECD có thể giúp các quốc gia thuộc nhóm này có thêm nguồn thu, nhưng sẽ ít có lợi cho các quốc gia thu nhập thấp và trung bình, đặc biệt là khi ba quốc gia trong nhóm này đã có mức thuế TNDN từ 15% trở lên.

NGUỒN THU THUẾ GIẢM MẠNH

Đại dịch đã khiến nguồn thu thuế giảm thậm chí còn giảm nhiều hơn GDP, dẫn đến “hiệu quả thu thuế” giảm 6,3% (hiệu quả thu thuế là tỷ lệ thuế mỗi quốc gia thực tế thu được so với mức thu dựa trên thuế suất quy định). Nhìn chung, nguồn thu thuế GTGT giảm mạnh nhất, khiến cho hệ thống thuế quốc gia ít lũy thoái hơn. Mức độ ảnh hưởng tới các quốc gia là khác nhau, những nước tụt hạng nhiều nhất đồng thời cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác – ví dụ như chính trị bất ổn ở Afghanistan, Guyana, Haiti và Lebanon; giá dầu khí giảm ở Algeria, Bolivia và Cộng hòa Congo. Bhutan nổi bật là quốc gia thực hiện cải cách thuế giúp hiệu quả thu thuế gia tăng rõ rệt.

Sau khi tính toán mức độ sụt giảm, các quốc gia làm tốt nhất – thu thuế được trên hai phần ba mức cần thu – có thể kể đến Barbados, Mông Cổ, New Zealand, Bulgaria, Đan Mạch và Seychelles; còn các quốc gia có mức thuế thu được ít nhất (dưới 10%) là Nam Sudan, Oman, Cộng hòa Trung Phi, Chad, Lebanon và Guinea-Bissau.

HỆ THỐNG THUẾ ÍT GÂY RA BẤT BÌNH ĐẲNG HƠN

Trung bình, các hệ thống thuế quốc gia tiếp tục có tính lũy thoái, làm bất bình đẳng tăng thêm khoảng 1,5%. Điều này cho thấy nhiều quốc gia có sự lệ thuộc lớn vào nguồn thu thuế GTGT và mức thu thuế thu nhập lũy tiến rất thấp: hệ thống thuế có tính lũy thoái ở 97 quốc gia. Về mặt tích cực, do thay đổi chính sách và tỷ lệ thu thuế GTGT giảm trên tổng nguồn thu, hệ thống thuế tiếp tục giảm mức lũy thoái ở 96 quốc gia trong giai đoạn COVID-19, so với 58 quốc gia có hệ thống thuế cấp tiến hơn.

Các quốc gia có hệ thống thuế hướng đến giảm bất bình đẳng về thu nhập nhiều nhất là Ireland, Kenya, Tanzania, Lesotho và Argentina, theo phân tích mới nhất của CEQ và OECD. Tất cả đều giảm mức độ bất bình đẳng hơn 5% thông qua hệ thống thuế, do cơ cấu thuế lũy tiến đối với thu nhập và công tác thu thuế thu nhập được triển khai mạnh mẽ. Nơi có hệ thống thuế gia tăng bất bình đẳng nhất là các quốc gia Đông Âu và Trung Á, dẫn đầu là Serbia và Bulgaria, nơi chỉ có một mức thuế suất cố định đối với tất cả thu nhập chịu thuế và nơi có thuế suất ở mức thấp, và phụ thuộc vào thuế gián thu.

TRỤ CỘT 3: QUYỀN LAO ĐỘNG - MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU SỤT GIẢM TRONG GIAI ĐOẠN ĐẠI DỊCH, QUYỀN PHỤ NỮ ĐƯỢC NÂNG CAO

Trụ cột lao động của chỉ số CRI đánh giá chính sách về quyền lao động (tôn trọng quyền công đoàn, bảo vệ pháp lý cho lao động nữ và mức lương tối thiểu); độ bao phủ của các quyền đó (người thất nghiệp và người có việc làm dễ bị tổn thương); và tác động (đo lường bởi hệ số Gini về thu nhập lao động).

Đại dịch COVID-19 đã gây ảnh hưởng vô cùng lớn tới người lao động thu nhập thấp trên khắp thế giới, đặc biệt là phụ nữ. Hàng trăm triệu người rơi vào cảnh nghèo đói. Mặc dù các quốc gia giàu có đã chi hàng tỷ đô-la cho an sinh xã hội hay trợ cấp để các công ty hỗ trợ người lao động, kiểm soát tỷ lệ thất nghiệp, phần lớn các quốc gia thu nhập thấp và trung bình không làm được điều này.

Trong khi đó, báo cáo CRI năm 2022 cho thấy đại dịch đã gây thêm ảnh hưởng tới quyền của người lao động. Mức lương tối thiểu không thể theo kịp GDP bình quân đầu người ở hai phần ba số quốc gia, và Tổng Liên đoàn Lao động Quốc tế cho biết các quyền công đoàn đang bị đe dọa vì đại dịch. Một yếu tố tích cực là luật mới tiếp tục được ban hành để thúc đẩy quyền phụ nữ.

KẾT QUẢ TỔNG THỂ Ở TRỤ CỘT LAO ĐỘNG

Nằm trong top 10, dẫn đầu là Slovakia, đều là các quốc gia châu Âu có thu nhập cao cùng chính sách chặt chẽ, tỷ lệ thất nghiệp và việc làm bấp bênh ở mức thấp,⁹ bất bình đẳng tiền lương cũng ở mức thấp. 10 quốc gia cuối bảng, trong đó Nigeria đứng cuối cùng, là các nước châu Phi có thu nhập thấp, với tỷ lệ người làm công việc bấp bênh cao và quyền lao động kém. Từ năm 2020, các nước có chỉ số tăng nhiều nhất là Moldova (do nâng cao quyền phụ nữ và giảm tỷ lệ người làm công việc bấp bênh), Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng (do mức lương tối thiểu tăng mạnh), Ai Cập (nhờ mở rộng mức lương tối thiểu của khu vực công ra toàn bộ nền kinh tế). Tất cả các nước có chỉ số giảm đi đều có sự gia tăng trong tỷ lệ thất nghiệp, người làm công việc dễ bị tổn thương và bất bình đẳng thu nhập phát sinh do COVID-19.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG - QUYỀN PHỤ NỮ CẢI THIỆN VỀ MẶT LÝ THUYẾT, MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU GIẢM

Trên tất cả các chính sách, có sự cải thiện đáng kể về quyền phụ nữ và mức lương tối thiểu. Các quốc gia có sự tiến triển nhiều nhất kể từ báo cáo CRI năm 2020 là Barbados (nhờ gói luật mới và toàn diện về bảo vệ phụ nữ tại nơi làm việc), Samoa và Cộng hòa Trung Phi (nhờ mức lương tối thiểu tăng cao). Nepal tăng số ngày nghỉ nuôi con khá nhiều; còn Angola, Haiti và Jamaica ban hành luật chống quấy rối tình dục. Những nơi có kết quả kém hơn phần lớn là các nước không tăng mức lương tối thiểu để bắt kịp tăng trưởng GDP (xem bên dưới).

QUYỀN CÔNG ĐOÀN BỊ ĐE DỌA CĂN CỨ THEO TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (ITUC)

Dữ liệu nguồn cho chỉ số về quyền công đoàn vẫn đang được cập nhật, nên chúng tôi vẫn giữ nguyên điểm số trong chỉ số và tham chiếu tới phân tích của ITUC để có thông tin mới nhất. ITUC ghi nhận quyền của người lao động bị hạn chế nhiều hơn trong giai đoạn COVID-19, với 87% quốc gia vi phạm quyền đình công, 79% vi phạm quyền thương lượng tập thể, 74% vi phạm quyền thành lập hoặc tham gia công đoàn. Theo đề xuất của ITUC, các quốc gia có quyền công đoàn tốt nhất năm 2021 là Áo, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Iceland, Ireland, Ý, Hà Lan, Na-Uy, Thụy Điển và Uruguay; còn những quốc gia có quyền công đoàn kém nhất là Bangladesh, Belarus, Brazil, Ai Cập, Honduras, Myanmar, Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ và Zimbabwe.

QUYỀN PHỤ NỮ CẢI THIỆN ĐÁNG KỂ VỀ MẶT LÝ THUYẾT, ƯU TIÊN HIỆN TẠI LÀ THỰC THI QUYỀN

Điểm CRI về quyền phụ nữ tại nơi làm việc (luật về trả lương bình đẳng, không phân biệt đối xử, chống hiếp dâm và quấy rối tình dục, nghỉ nuôi con) đã tăng rất nhiều kể từ năm 2020. Nhờ những cải thiện này, 154 quốc gia đã có luật chống phân biệt đối xử, 145 nước có luật trả lương bình đẳng và 137 nước có luật chống quấy rối tình dục. Chênh lệch lớn giữa mức lương cho hai giới và mức độ quấy rối tình dục không được truy tố cho thấy vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực này là thực thi pháp luật. Mặt khác, không có mấy tiến triển trong việc cải thiện luật chống hiếp dâm để đảm bảo hiếp dâm trong hôn nhân được đưa vào trong quy định về hiếp dâm, và hành vi hiếp dâm được quy định dựa trên sự đồng thuận thay vì bằng chứng có hành vi bạo lực. Nổi bật nhất là Barbados, quốc gia đã cải thiện tất cả các luật, và Afghanistan, nơi các quy định pháp lý bảo vệ phụ nữ mất hiệu lực.

Chính sách nghỉ nuôi con cũng được cải thiện, với 17 quốc gia ban hành hoặc tăng ngày nghỉ nuôi con hoặc hoặc nghỉ thai sản cho nam giới, và tám quốc gia tăng ngày nghỉ thai sản cho lao động nữ. Ở đây, Liên minh Châu Âu (EU) nổi bật vì đã thực hiện những bước tích cực nhằm tuân thủ chỉ thị “cân bằng công việc -

cuộc sống”. Mặt khác, có năm quốc gia tiếp tục từ chối không áp dụng chế độ nghỉ nuôi con có lương và 58 quốc gia chưa có quy định 14 tuần nghỉ thai sản cho lao động nữ theo khuyến nghị của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).

TĂNG LƯƠNG TỐI THIỂU BỊ TRÌ HOÃN TRONG COVID-19, NHƯNG ĐANG ĐƯỢC ĐẨY MẠNH

Nhiều quốc gia vì lý do đại dịch để chưa tăng mức lương tối thiểu; do đó, mức lương giảm từ 50% xuống 47% GDP bình quân đầu người trong giai đoạn 2019-2022. 12 quốc gia không có mức lương tối thiểu quốc gia - trong đó, Ấn Độ có mặt trong danh sách này từ năm 2020 vì việc áp dụng mức lương tối thiểu quốc gia đã bị chia nhỏ. Ngoài ra, nhiều quốc gia không thể nâng mức lương theo kịp với GDP, trong đó, Bangladesh, Burundi, Georgia, Rwanda, Uganda và Zimbabwe đều có mức lương dưới 10% GDP bình quân đầu người. Năm 2022, mức lương tối thiểu bắt đầu tăng mạnh ở nhiều nước, đứng đầu là Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng và Mozambique, nhiều quốc gia EU hoặc ứng cử viên EU tăng mức lương theo như chỉ thị về “mức sống đảm bảo”.

MỨC ĐỘ BAO PHỦ QUYỀN LAO ĐỘNG

Như đã nhấn mạnh trong các báo cáo CRI trước đây, việc thực hiện quyền lao động ở các quốc gia nghèo còn hạn chế. Điều này có liên quan đến việc người dân tham gia lao động ở khu vực phi chính thức và không có hợp đồng tiêu chuẩn. Tỷ lệ thất nghiệp ở các quốc gia trong báo cáo CRI tăng trung bình từ 7% năm 2020 lên 8,2%, với mức tăng đột phá ở các nước như Cộng hòa Congo, Nam Phi, Panama và Lebanon. Tỷ lệ trung bình người lao động dễ bị tổn thương đã giảm nhẹ trong giai đoạn đại dịch (từ 37,3% xuống 36,5%), nhưng một số nước lại có sự gia tăng mạnh mẽ - ví dụ, lực lượng lao động dễ bị tổn thương của Lesotho tăng từ 16% lên 52%. Mặt khác, lao động dễ bị tổn thương ở Tajikistan và Moldova đều giảm mạnh, thông qua các chính sách có chủ ý nhằm thúc đẩy việc làm ở khu vực chính thức, điều chỉnh việc làm ở khu vực phi chính thức chặt chẽ hơn, giảm chi phí chính thức hóa cho doanh nghiệp, tăng quyền hạn thương lượng của nhân viên với chủ lao động. Ngoài ra, trong thời gian COVID-19 hoành hành, 14 triệu người lao động (đặc biệt là nhóm người nghèo) ở OECD bị mất quyền lao động do rơi vào trạng thái “không làm gì” thay vì đăng ký tình trạng thất nghiệp.

TÁC ĐỘNG: BẤT BÌNH ĐẲNG TIỀN LƯƠNG VẪN CỰC ĐOAN, ĐẶC BIỆT Ở CÁC QUỐC GIA THU NHẬP THẤP

Các chính sách lao động và mức độ bao phủ của những chính sách này nhằm mục đích thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Mục đích này chủ yếu hiệu ở các nước OECD thu nhập cao; ở đó, các quyền không chỉ được quy định bằng văn bản mà còn được áp dụng cho hầu hết người lao động và được thực thi. Trong khi đó, bất bình đẳng tiền lương lại ở mức cực đoan (với hệ số Gini vượt quá 0,8) tại bảy quốc gia thu nhập thấp, dẫn đầu là Liberia, Niger, Cộng hòa Trung Phi, Zimbabwe và Cộng hòa Dân chủ Congo - phản ánh sự yếu kém trong thực thi quyền của người lao động, và tỷ lệ cao người lao động làm công việc bấp bênh hoặc thất nghiệp không được hưởng quyền.

Cũng cần lưu ý rằng tỷ trọng tổng thu nhập quốc dân được phân bổ để trả cho người lao động (tiền công, tiền lương và các quyền lợi khác) đã giảm đều kể từ năm 1990, đặc biệt là ở châu Âu và Bắc Mỹ. Thay vào đó, thu nhập từ nguồn vốn (cổ tức, tiền lãi và lợi nhuận) đang tăng nhanh hơn, và thu nhập từ những nguồn này mang lại nhiều lợi ích cho nhóm người giàu hơn và làm gia tăng bất bình đẳng.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Sự bùng phát của đại dịch COVID-19 và cuộc khủng hoảng y tế, xã hội và kinh tế kéo theo đã làm tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng trầm trọng hơn. Lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ qua, thế giới chứng kiến tình trạng nghèo đói tăng mạnh, trong khi đó, tài sản của nhóm người giàu nhất và lợi nhuận tập đoàn cũng tăng vọt. Do đó, đại dịch đáng lẽ phải là một hồi chuông cảnh tỉnh cho các nhà lãnh đạo cấp quốc gia và trên toàn cầu ban hành các chính sách để giải quyết triệt để bất bình đẳng; nhưng như báo cáo này lại cho thấy, chính phủ các nước, dù có một số ngoại lệ, vẫn để tiếp diễn tình trạng “bất bình đẳng như thường lệ”.

Năm 2022, hành trình phục hồi sau đại dịch gặp trở ngại trước một cuộc khủng hoảng mới, dẫn đến giá lương thực và năng lượng tăng mạnh, đồng thời làm nghiêm trọng thêm vấn đề an ninh lương thực, ngân sách và nợ ở nhiều nước thu nhập thấp và trung bình. Cuộc khủng hoảng nợ đang bắt đầu nhen nhóm ở nhiều nơi trên Nam bán cầu, và trong bối cảnh không có đủ giải pháp miễn trừ nợ, nhiều quốc gia buộc phải áp dụng biện pháp thắt lưng buộc bụng, dẫn đến giảm chi tiêu cho công cuộc giảm bất bình đẳng. Đồng thời, các tập đoàn, đặc biệt là tập đoàn trong ngành thực phẩm và năng lượng, đang thu về những khoản thu nhập bất thường khổng lồ. Cùng lúc đó, khối lượng tài sản của nhóm người giàu trên khắp thế giới tăng đột biến trong giai đoạn COVID-19 và gần như không bị ảnh hưởng do không có bất kỳ biện pháp tăng thuế nào được đưa ra.

Người dân trên khắp thế giới đáng lẽ không phải chịu cảnh thắt lưng buộc bụng sau khi vừa vượt qua đại dịch. Chính phủ các nước trên khắp thế giới, với sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế và tài trợ toàn cầu, cần triển khai các chính sách giảm bất bình đẳng và bảo vệ thu nhập của người nghèo khỏi các cuộc suy thoái và lạm phát.

NGĂN CHẶN VÀ ĐẨY LÙI SỰ BÙNG NỔ BẤT BÌNH ĐẲNG: KHUYẾN NGHỊ CHO CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC

Ưu tiên hàng đầu là chính phủ các nước cần thực hiện hành động cấp bách để giảm thiểu bất bình đẳng một cách triệt để:

1. **Xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về Giảm Bất bình đẳng.** Điều này có nghĩa là từ bỏ biện pháp thắt lưng buộc bụng và tập trung nâng cao thu nhập cho nhóm người nghèo nhất bằng cách tăng chi tiêu cho giải quyết bất bình đẳng, thực hiện chính sách thuế lũy tiến hơn, cải thiện quyền và mức lương cho người lao động, đầu tư nhiều hơn vào việc giám sát hàng năm tiến trình giảm thiểu bất bình đẳng và tác động của chính sách. Kế hoạch cần bao gồm những nội dung sau:
2. **Chính sách thuế:**
 - a. Thực hiện thuế TNDN và TNCN có tính lũy tiến hơn, bằng cách quy định mức thuế cao hơn cho doanh nghiệp lớn và những người giàu nhất.
 - b. Giảm mạnh các khoản miễn thuế, ưu đãi và trợ cấp cho các cá nhân, công ty lớn.
 - c. Thường xuyên áp dụng “thuế đoàn kết” đối với nhóm người giàu nhất và áp dụng “thuế đối với siêu thu nhập bất thường” cho tất cả các công ty có lợi nhuận cao bất thường, đặc biệt là từ việc tăng giá dầu và lương thực mới đây.
 - d. Đảm bảo thuế GTGT và **thuế tiêu thụ** được miễn đối với lương thực, thực phẩm thiết yếu và áp dụng ngưỡng đăng ký thuế cao để giảm áp lực đóng thuế cho những người buôn bán nhỏ, từ đó giảm gánh nặng đối với người nghèo.
 - e. Ban hành thuế tài sản (bao gồm cả tài sản nắm giữ ở nước ngoài) đối với những doanh nghiệp, cá nhân giàu nhất.
 - f. Tăng thuế suất và mức lũy tiến của các loại thuế khác, như thuế đối với thặng dư vốn, tài sản, thừa kế, giao dịch tài chính và thu nhập.
 - g. Đảm bảo các doanh nghiệp đa quốc gia trả phần thuế công bằng thông qua giảm các thực hành thuế có hại và tăng cường các biện pháp chống trốn thuế.
 - h. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nguồn thu quốc gia trong công tác thu thuế và hạn chế dòng tài chính bất hợp pháp bằng cách chấm dứt hành vi bí mật thông qua đăng ký tài sản toàn cầu, tăng cường trao đổi thông tin về việc nắm giữ tài sản ở nước ngoài và thực hiện hiệu quả hơn việc yêu cầu báo cáo liên quốc gia về hoạt động tập đoàn.

3. Dịch vụ công:

- a. Mở rộng quy mô chi tiêu cho giáo dục công miễn phí, hướng tới việc các nước thu nhập thấp và trung bình đạt được mục tiêu Incheon là chi 20% ngân sách nhà nước, đặc biệt chú trọng đến giáo dục trung học cơ sở chất lượng cao cho nhóm người nghèo nhất.
- b. Tăng đáng kể chi tiêu cho dịch vụ chăm sóc y tế công nhằm đảm bảo người dân có thể tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng tốt, để họ được bảo vệ tốt hơn trước những đại dịch trong tương lai. Cần chú trọng đặc biệt đến cung cấp chăm sóc y tế ban đầu toàn diện và miễn phí cho tất cả mọi người.
- c. Ban hành các chương trình an sinh xã hội toàn dân, không chỉ dừng lại ở lương hưu, để đảm bảo người nghèo đang đi làm, trẻ em, người khuyết tật, người thất nghiệp, người chăm sóc không lương và các nhóm đối tượng dễ tổn thương khác được bảo vệ - đồng thời đảm bảo an toàn cho người dân một cách toàn diện hơn trước các đại dịch và khủng hoảng khí hậu trong tương lai.
- d. Xóa bỏ việc thu phí dịch vụ đối với dịch vụ giáo dục và y tế công nhằm đảm bảo người dân được sử dụng miễn phí, đẩy lùi bãi bỏ các chính sách tư nhân hóa dịch vụ công, đảm bảo hệ thống an sinh xã hội toàn dân, qua đó giảm gánh nặng đối với người nghèo.
- e. Đẩy nhanh tiến trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội toàn dân, thông qua ưu tiên đầu tư và chi công cho nhóm người nghèo nhất, và bị lệ hóa.

4. Quyền và lương của người lao động:

- a. Đảm bảo người lao động có quyền thành lập công đoàn, đình công và thương lượng tập thể, cho dù là người lao động chính thức, không chính thức, hay lao động không được trả lương bằng cách ban hành và thực thi tất cả các luật cần thiết để tuân thủ các công ước của ILO.
- b. Ban hành và cải thiện công tác thực thi pháp luật đối với quyền phụ nữ về trả lương công bằng, không phân biệt đối xử và chống quấy rối tình dục.
- c. Đưa hành vi hiếp dâm trong hôn nhân vào luật chống hiếp dâm ở tất cả các quốc gia, và định nghĩa hành vi hiếp dâm dựa trên việc không có sự đồng thuận thay vì dựa trên bằng chứng có hành vi sử dụng bạo lực.
- d. Tăng thời gian nghỉ nuôi con có trả lương bình đẳng cho tất cả các giới lên ít nhất 18 tuần, được trả 100% mức lương trước đó, theo khuyến nghị của ILO, để phân bổ lại thời gian, chi phí và trách nhiệm làm công việc chăm sóc không lương giữa nam và nữ, và từ gia đình sang nhà nước.
- e. Tăng mức lương tối thiểu để phù hợp với GDP bình quân đầu người, sau đó làm đánh giá hàng năm để tăng mức lương tối thiểu theo lạm phát. Đầu tư nhiều hơn vào các cơ chế quốc gia thực thi luật lao động, bao gồm cả vấn đề mức lương tối thiểu và quyền phụ nữ.
- f. Thiết lập hệ thống để đảm bảo khu vực phi chính thức tuân thủ các yêu cầu quy định về điều kiện làm việc và trả lương.
- g. Đảm bảo người lao động phi chính thức và dễ bị tổn thương (bao gồm các cơ chế bảo hiểm vi mô) thuộc hệ thống an sinh xã hội, và được hưởng lợi công bằng.

KHUYẾN NGHỊ CHO CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ

Để hỗ trợ chính phủ các nước, cộng đồng quốc tế cần thực hiện 5 hành động cấp bách sau:

1. Tăng cường giám sát trên quy mô toàn cầu tiến trình giảm bất bình đẳng thu nhập và tài sản theo Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) 10, và ban hành những chính sách về thuế, chi tiêu và lao động then chốt được xây dựng nhằm đạt mục tiêu này, đặt mục tiêu cho các biện pháp giúp tất cả các quốc gia đạt hệ số Gini sau tài khóa là 0,25 tới năm 2030.¹⁰
2. Giao trách nhiệm cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới đảm bảo tất cả các chương trình quốc gia và tư vấn chính sách từ bỏ biện pháp thắt lưng buộc bụng và tập trung vào giảm thiểu bất bình đẳng, và có những biện pháp cấp bách cụ thể để giúp các chính sách thuế, dịch vụ công và lao động đạt mục tiêu theo cách hiệu quả hơn.
3. Tăng cường viện trợ khẩn cấp có ưu đãi và không điều kiện từ các tổ chức tài chính quốc tế để giúp các quốc gia bảo vệ người dân trước tình hình giá năng lượng, lương thực, thực phẩm gia tăng. Các tổ chức cần nỗ lực hết sức để tối đa hóa việc tái phân bổ Quyền rút vốn đặc biệt (SDR) của IMF, ban hành

năm 2021 từ các nước có thu nhập cao đến các nước thu nhập thấp, theo hướng giảm thiểu nợ và điều kiện tài trợ. IMF nên phát hành thêm \$650 tỷ SDR, phân bổ lại để hướng tới các nước thu nhập thấp và trung bình, nhằm nâng cao khả năng quản lý và chi tiêu ngân sách một cách công bằng của các quốc gia này.

4. Đưa ra biện pháp giảm nợ toàn diện cho tất cả các nước, bao gồm hủy bỏ tất cả khoản nợ phải trả trong năm 2023 và 2024 cho các chủ nợ là chính phủ và khu vực tư nhân, để giảm nghĩa vụ trả nợ của các nước này xuống mức thấp và đảm bảo các nước có đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu SDG về cung cấp chăm sóc y tế, giáo dục và an sinh xã hội toàn dân.
5. Tăng đáng kể viện trợ cho các nước thu nhập thấp và trung bình thấp, tập trung vào hỗ trợ các khoản chi giải quyết bất bình đẳng về giáo dục, y tế và an sinh xã hội, bao gồm thông qua thành lập quỹ toàn cầu về an sinh xã hội để giúp các nước thu nhập thấp đảm bảo an sinh xã hội toàn dân vào năm 2030. Kinh phí cho hoạt động này có thể huy động thông qua ban hành thuế đoàn kết ở các nước thu nhập cao, áp dụng đối với tài sản, thu nhập, giao dịch tài chính và phát thải carbon, một phần nguồn thu sẽ được chuyển đến các nước thu nhập thấp.

1. TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI BẤT BÌNH ĐẲNG, ỨNG PHÓ CỦA CHÍNH PHỦ VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Đại dịch COVID-19 và khủng hoảng chi phí sinh hoạt đang khiến hàng triệu người trên khắp thế giới rơi vào cảnh đói nghèo và gây thiệt hại tài chính cho các quốc gia trên thế giới.

Chương này sẽ bàn về tác động của COVID-19 đối với tình trạng bất bình đẳng, sự thiếu vắng các biện pháp từ chính phủ để giải quyết bất bình đẳng, cũng như hành động của IMF và Ngân hàng Thế giới (WB). Nội dung chương này cũng sẽ đề cập đến cuộc khủng hoảng nợ và thời kỳ thất lung buộc bụng mới, càng trầm trọng hóa tình trạng bất bình đẳng vốn đang bùng nổ do COVID-19.

CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG ĐAN XEN ĐÃ KHIẾN BẤT BÌNH ĐẲNG GIA TĂNG

Đại dịch COVID-19 đã làm bộc lộ và gia tăng những bất bình đẳng vốn có, khiến tình trạng này lan rộng trong nước và giữa các quốc gia. Đại dịch đã ảnh hưởng đến tất cả mọi người, nhưng với tác động không đồng đều. Nhóm người nghèo nhất, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Trong khi hàng tỷ người bị giảm thu nhập và thêm hàng triệu người rơi vào cảnh nghèo đói cùng cực, tài sản của nhóm người giàu nhất thế giới lại gia tăng đến mức kỷ lục trong giai đoạn đại dịch.¹¹ Đối với người có thu nhập thấp, những tác động của đại dịch vẫn tiếp tục dai dẳng, có thể mất nhiều năm để thu nhập của họ trở lại mức trước khi đại dịch xảy ra. Bất bình đẳng về vắc-xin trên toàn cầu đồng nghĩa với hai tốc độ phục hồi khác nhau từ đại dịch COVID-19, từ đó khiến cho bất bình đẳng giữa quốc gia có mức thu nhập cao, thu nhập thấp, thu nhập trung bình lần đầu tiên gia tăng trong ba thập kỷ.

Khủng hoảng bất bình đẳng trong nước và giữa các nước gia tăng do đại dịch, đang trở nên ngày càng nghiêm trọng do lạm phát cao bắt đầu xuất hiện vào năm 2021, cộng thêm ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh ở Ukraine, đặc biệt là giá lương thực và năng lượng tăng đột biến. Điều này gây ra cuộc khủng hoảng về chi phí sinh hoạt toàn cầu, khiến hàng triệu người rơi vào cảnh khó khăn, nghèo đói và đẩy nhiều quốc gia đến bờ vực phá sản. Giá lương thực và nhiên liệu tăng đã đẩy khoảng 71 triệu người vào cảnh đói nghèo trong ba tháng từ tháng 3 đến tháng 6/2022.¹² Đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu và gần đây là chiến tranh ở Ukraine đã làm nạn đói, vốn đang trên đà gia tăng trong vài năm gần qua, trở nên nghiêm trọng hơn. Thế giới có khoảng 828 triệu người đói mặt với cuộc khủng hoảng lương thực nghiêm trọng vào năm 2021, và thêm 150 triệu người kể từ khi đại dịch bùng phát.¹³

Các nước thu nhập thấp vẫn đang vật lộn trong quá trình phục hồi sau đại dịch, trong khi các nước thu nhập cao đã phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, một số hành động mà các quốc gia giàu có thực hiện để bảo vệ nền kinh tế lại rất tốn kém đối với các quốc gia thu nhập thấp. Mức lãi suất cao, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, đã đẩy giá đồng đô-la lên, khiến việc nhập khẩu một số hàng hóa như lương thực, thực phẩm hay nhiên liệu càng trở nên tốn kém hơn. Nó cũng làm tăng chi phí trả nợ nước ngoài. Dù không phải lỗi của mình, nhưng nhóm các nước nghèo đang phải tìm kiếm thêm nhiều nguồn tài chính chỉ để tồn tại, khi các quốc gia này đã trở nên kiệt quệ sau suy thoái kinh tế do COVID-19. Thảm họa này vốn đã diễn ra trong nhiều năm, nay lại tồi tệ hơn bởi các chính sách của chính phủ và tổ chức tài chính quốc tế. Nhưng vẫn còn nhiều cơ hội để giảm bất bình đẳng, tình trạng dễ tổn thương và nghèo đói nếu chính phủ các nước và các tổ chức tài chính quốc tế hành động đúng đắn, và nếu toàn thế giới đoàn kết lại với nhau.

ỨNG PHÓ CỦA CÁC CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI BÙNG NỔ BẤT BÌNH ĐẲNG DO COVID-19

Đại dịch COVID-19 đã giáng một đòn xuống nhân loại vào thời điểm phần lớn các quốc gia chưa có sự chuẩn bị kỹ càng để đối mặt với khủng hoảng. Báo cáo CRI năm 2020 nhấn mạnh rằng chỉ có 26 trên 158 quốc gia đang chi 15% ngân sách cho y tế vào thời điểm trước đại dịch, và ở 103 quốc gia, khi đại dịch tấn công, ít nhất cứ ba người lao động thì có một người không được hưởng quyền lao động và an sinh cơ bản, ví dụ như nghỉ ốm có lương.¹⁴ Điều này đã dẫn tới sự gia tăng chưa từng có trong chi tiêu công trên thế giới, vì chính phủ các nước đã phải can thiệp thông qua giải pháp kích cầu tài khóa để bảo vệ người dân và hỗ trợ doanh nghiệp khi toàn thế giới phải phong tỏa.

Tuy nhiên, nỗ lực chi tiêu như vậy một lần nữa cho thấy mức độ bất bình đẳng đáng báo động trên toàn cầu. Trong khi các nước thu nhập cao có thể huy động hỗ trợ tài khóa lên tới 9,3% GDP, thì các nước thu nhập thấp chỉ huy động được 1,6% và các nền kinh tế mới nổi chỉ huy động được 3,5% GDP¹⁵ (không bao gồm các biện pháp chính sách công liên quan đến khoản vay và tỷ lệ cổ phần). Theo ước tính, chi tiêu cho gói kích cầu tính trên đầu người ở các nước thu nhập cao lên tới 9.836 USD, cao gấp 579 lần so với các nước kém phát triển nhất, nơi chỉ chi 17 USD/người, mặc dù thực tế là thu nhập bình quân đầu người của các nước thu nhập cao chỉ gấp 30 lần so với các nước kém phát triển nhất.¹⁶ Tất nhiên, sự chênh lệch vô cùng lớn này đã dẫn tới bất bình đẳng trong quá trình phục hồi. Khi các quốc gia thu nhập cao đã phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, thì các quốc gia thu nhập thấp vẫn chịu những thiệt hại do đại dịch năm 2021 và tình hình càng xấu đi vào năm 2022¹⁷, cộng thêm sự gia tăng đột biến trong giá lương thực, năng lượng, lạm phát và nợ.

Hỗ trợ tài khóa trong giai đoạn đại dịch có quy mô chưa từng có, tuy không đồng đều. Trong khi các nước thu nhập cao phụ thuộc nhiều vào dự trữ tài khóa sẵn có và quyền hạn của ngân hàng trung ương trong việc bơm thanh khoản cần thiết, thì các nước thu nhập thấp không có lựa chọn khác, phải nhờ đến các tổ chức tài chính quốc tế như IMF và Ngân hàng Thế giới để hỗ trợ nền kinh tế nước mình, đồng thời tránh suy thoái tài chính. Đáng ngạc nhiên là chi tiêu liên quan đến y tế không chiếm phần lớn trong ứng phó của các quốc gia. Thực tế, chi tiêu bổ sung cho y tế chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng chi tiêu bổ sung hoặc nguồn thu bị bỏ qua (đáng chú ý nhất là giảm, đình chỉ thuế và các biện pháp khác). Theo IMF, trong khi chi tiêu bổ sung và nguồn thu bị bỏ qua chiếm 10,2% GDP toàn cầu, các biện pháp liên quan đến ngành y tế chỉ chiếm 1,4% GDP, hay chỉ tương đương với 13,4% các biện pháp tài khóa.¹⁸

ỨNG PHÓ CỦA CÁC CHÍNH PHỦ VỚI COVID-19: BÁO CÁO CRI THỂ HIỆN ĐIỀU GÌ?

Báo cáo CRI năm 2022 là báo cáo phân tích chi tiết đầu tiên được công bố về các chính sách, hành động của các chính phủ trong giai đoạn đại dịch có tác động lớn tới tình trạng bất bình đẳng. Báo cáo đánh giá các chính sách, hành động về chi tiêu xã hội, thuế và lao động của 161 chính phủ trong năm 2020 và 2021.

Đại dịch COVID-19 đã làm gia tăng bất bình đẳng trên khắp thế giới, trong đó nhóm đối tượng nghèo và dễ bị tổn thương nhất chịu sự ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch bệnh và ảnh hưởng kinh tế sâu sắc kéo theo.¹⁹

Tuy nhiên, CRI năm 2022 cho thấy rõ trong giai đoạn đại dịch, hầu hết các chính phủ trên thế giới chưa thực hiện các biện pháp cụ thể để giảm bớt tình trạng bất bình đẳng gia tăng đang gây ra nguy hại cho xã hội.

- Một nửa số quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp cắt giảm chi tiêu y tế trong giai đoạn này.

- Ở 107 quốc gia có số liệu chi tiêu trước đại dịch, một nửa (49%) đã giảm chi tiêu an sinh xã hội, trong khi có 51% tăng chi tiêu cho lĩnh vực này. Chỉ có 35 quốc gia tăng chi tiêu thêm hơn 1 điểm phần trăm.
- 70% các nước giảm chi tiêu cho giáo dục trước tình hình đại dịch.
- 143 trên 161 nước không tăng thuế đối với nhóm người giàu nhất trong thời gian này, và thực tế có 11 nước giảm thuế với đối tượng trên.
- Hai phần ba số quốc gia không tăng mức lương tối thiểu cho phù hợp với GDP.

Tuy vậy, khi đối mặt với COVID-19, chính phủ một số nước cho thấy việc thực thi các chính sách quyết liệt có thể giải quyết bất bình đẳng. Hành động của chính phủ các quốc gia sau là ví dụ minh chứng với thế giới rằng bất bình đẳng là một lựa chọn chính sách, và thật đáng xấu hổ khi phần lớn các quốc gia không hành động.

- Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng tăng ngân sách cho y tế thêm một phần ba (34%), cho an sinh xã hội thêm hơn một nửa (53%) và cho giáo dục thêm 10%.
- Nepal tăng hơn một nửa ngân sách chi cho y tế trong giai đoạn 2019-2021.
- Costa Rica tăng mức trần thuế thu nhập thêm 10 điểm phần trăm, từ 15% lên 25%, Argentina và Bolivia áp dụng thuế tài sản và thuế đoàn kết cộng đồng đối với nhóm công dân giàu có nhất.
- Barbados ban hành bộ luật toàn diện nhất để nâng cao quyền lao động của phụ nữ, và Maldives lần đầu tiên áp dụng mức lương tối thiểu trên toàn quốc.

Chi tiêu y tế bị cắt giảm rõ rệt ngay trong tình trạng khẩn cấp y tế lớn nhất thế kỷ. Tính theo tỷ trọng trong chi tiêu công và so với thời điểm trước đại dịch, chi tiêu y tế giảm ở 42% số quốc gia trong thời gian đại dịch.²⁰ Đối với các nước thu nhập thấp và trung bình thấp, gần một nửa (49%) giảm tỷ trọng chi cho y tế trong thời gian dịch bệnh hoành hành. Chỉ có 26 nước tăng tỷ trọng chi tiêu y tế trong ngân sách công thêm hơn 1 điểm phần trăm trong khủng hoảng y tế do đại dịch.

Chi tiêu y tế giảm có thể được giải thích qua một số yếu tố, như dư địa tài khóa hạn hẹp trong bối cảnh các quốc gia đối mặt với đại dịch, buộc họ phải phân bổ lại chi tiêu thay vì tăng khoản chi. Ở một số quốc gia, bất kỳ khoản tăng chi y tế nào trong COVID-19 sẽ phải bù lại bằng cắt giảm chi y tế ở một mảng khác, dẫn tới hậu quả nghiêm trọng. Jordan đã cắt giảm tuyệt đối²¹ và tương đối trong chi tiêu y tế năm 2020 so với 2019, từ 12,2% xuống 9,9% tổng chi tiêu công. Đối với hầu hết quốc gia, tăng chi tiêu y tế tập trung vào chi cho thực hiện các biện pháp liên quan đến phòng chống COVID-19 thay vì xây dựng cơ sở hạ tầng y tế và mở rộng độ bao phủ. Nepal tăng hơn một nửa ngân sách chi y tế trong giai đoạn 2019-2021. Tuy nhiên, gần như tất cả khoản tăng đều dành cho hoạt động phòng chống COVID-19, chiếm 40% ngân sách y tế cấp trung ương trong năm tài chính 2021/2022.²² Mặc dù vậy, ngân sách y tế của đất nước này vẫn ở mức thấp, chỉ chiếm 7,8% tổng ngân sách vì mức chi tiêu trước đó vốn rất thấp.

Việc gia tăng chi tiêu ở các lĩnh vực khác cũng có thể giải thích cho việc giảm tỷ trọng chi tiêu y tế, đặc biệt là sự hỗ trợ dành cho khu vực doanh nghiệp. Bộ công cụ theo dõi sự Phục hồi của Người dân (The People's Recovery Tracker) xem xét các gói kích cầu phục hồi kinh tế ở Nepal, El Salvador, Nam Phi, Bangladesh, Kenya, Guatemala, Honduras và Sierra Leone, qua đó nhận thấy rằng 63% gói kích cầu phục hồi được công bố là dành cho doanh nghiệp lớn, không phải cho doanh nghiệp vừa, nhỏ và các biện pháp an sinh xã hội.²³ Rõ ràng giáo dục là lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều nhất khi bị cắt giảm chi tiêu trong thời gian đại dịch, với 89 trên 127 quốc gia (70%) giảm tỷ trọng phân bổ cho giáo dục trong tổng chi tiêu công.²⁴

Nguồn thu từ thuế giảm rõ rệt trong giai đoạn giữa hai báo cáo CRI năm 2020 và 2022; căn cứ theo phân tích của chúng tôi, nguồn thu này giảm ở 68% số quốc gia, chủ yếu do nguồn thu thuế GTGT giảm; nhưng rất ít chính phủ tận dụng cơ hội này để tăng thuế đối với nhóm người giàu nhất để bù đắp cho thất thoát này. Từ trước tới nay, thời kỳ khủng hoảng kinh tế và đoàn kết kinh tế là thời điểm chính phủ thực hiện các bước tăng thuế đối với nhóm giàu nhất, và có nhiều sự ủng hộ nhất để triển khai việc này về mặt chính trị.²⁵

Tuy nhiên, rất ít chính phủ tận dụng cơ hội này trong cuộc khủng hoảng COVID-19, 90% chính phủ các nước không tăng mức trần thuế TNCN, và thậm chí có 12 quốc gia giảm thuế cho nhóm người giàu.

Mặc dù người lao động ở một số ngành nghề có thu nhập thấp nhất như ngành dịch vụ, chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do đại dịch COVID-19, gần hai phần ba chính phủ các nước đã không đảm bảo mức lương tối thiểu theo kịp GDP. Ngoài ra, ITUC cũng báo cáo tỷ lệ chính phủ chặn đăng ký hoặc gia nhập công đoàn tăng từ 73% lên 77%, và tỷ lệ cản trở quyền đình công tăng từ 85% lên 87%.

SỰ HỖ TRỢ TỪ NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ IMF

Mặc dù có mức hỗ trợ tài khóa cao trong năm đầu đại dịch, sang năm 2021, sự trợ giúp nhanh chóng giảm dần ở hầu hết các nước, đặc biệt là ở khu vực Nam bán cầu. Các nước thu nhập cao tiếp tục thực hiện biện pháp hỗ trợ trong suốt năm 2021 và 2022, mức tăng thêm lần lượt là 6% và 2% GDP cho hai năm, cộng với 8% GDP đã chi cho năm 2020. Tuy nhiên, các quốc gia thu nhập thấp dự kiến chỉ tiêu 2% GDP tính tới cuối năm 2022, kể từ khi đại dịch bùng phát. Hầu hết đã rút lại hỗ trợ, một số duy trì một phần nhỏ trong năm 2021.²⁶ Đối với những quốc gia này, dự địa tài khóa ít ỏi được xây dựng trong năm đầu đại dịch phần lớn là thông qua sự giúp đỡ của nhà tài trợ, đình chỉ nghĩa vụ trả nợ và đi vay từ các tổ chức tài chính quốc tế. IMF đã cung cấp hơn 170 tỷ USD cho hơn 90 quốc gia²⁷ dưới hình thức khoản vay, nhiều trong số đó ban đầu là khoản vay khẩn cấp miễn phí, yêu cầu thấp nhưng đã chuyển sang các chương trình cho vay có yêu cầu cao hơn.²⁸ Nhóm Ngân hàng Thế giới đã tài trợ 204 tỷ USD để hỗ trợ các quốc gia hành động ứng phó.²⁹ Mặc dù IMF đã phát hành một lượng lớn SDR trị giá 650 tỷ USD, nhưng vì phân bổ không đồng đều, chỉ có 21 tỷ USD đi tới các nước thu nhập thấp, như vậy không đủ để ngăn chặn mức sụt giảm chi tiêu ở một số nước trong năm 2021. Việc rút lại các biện pháp đang thực hiện ở các nước thu nhập thấp và trung bình sẽ dẫn tới sự căng thẳng tài chính ở các nước này, đặc biệt khi nguồn thu từ thuế chưa phục hồi và vẫn thấp hơn nhiều so với mức trước đại dịch.

Các biện pháp an sinh xã hội trong năm đầu đại dịch đã có tác động lớn đối với giảm bất bình đẳng và nghèo đói ở một số quốc gia. Gói kích cầu khổng lồ do Chính phủ Hoa Kỳ thực hiện đã làm giảm bất bình đẳng trong thu nhập: thu nhập trung bình tăng thêm 4% từ 2019-2020 và tỷ trọng thu nhập của nhóm nghèo nhất tăng lên, trong khi nhóm 20% khá giả nhất thì giảm đi.³⁰ Tương tự, chương trình trợ giúp khẩn cấp ở Brazil lên tới 4% GDP năm 2020 đã giúp giảm số người nghèo từ 23 triệu vào năm 2019 xuống còn 9,8 triệu, tính đến tháng 9/2020. Tuy nhiên sang năm 2021, khi chính phủ rút lại hầu hết hỗ trợ, số người nghèo tăng nhanh chóng, vượt qua mức trước đại dịch và lên tới 27,7 triệu người.³¹

Ngân hàng Thế giới đã cảnh báo rằng nếu tài trợ bên ngoài cho y tế giảm đi hay không tăng, các nước thu nhập thấp và trung bình thấp sẽ không thể đáp ứng nhu cầu chi tiêu liên quan đến phòng chống đại dịch đang hoành hành, chứ chưa nói đến đạt được bao phủ y tế toàn dân.³² Lĩnh vực giáo dục đối mặt với nguy cơ tương tự khi hai phần ba số nước nghèo đã cắt giảm chi tiêu cho giáo dục.³³ Chi phí đi vay tăng, giá lương thực, năng lượng tăng đột biến và tình hình tài khóa vốn đã căng thẳng ở các nước thu nhập thấp buộc họ ngày càng tìm đến tài trợ của IMF nhiều hơn, và thường đi kèm với biện pháp thắt lưng buộc bụng gắt gao.

ỨNG PHÓ VÀ TÁC ĐỘNG CÓ YẾU TỐ GIỚI VỚI ĐẠI DỊCH

Đại dịch đã gia tăng tình trạng dễ tổn thương về kinh tế với phụ nữ và bạo lực trên cơ sở giới, cũng như đẩy lùi tiến bộ đã đạt được về công bằng giới trong hàng thập kỷ qua, mặc dù phụ nữ đã ở tuyến đầu trong ứng phó COVID-19. Đại dịch đã kéo dài thời gian dự kiến để nam và nữ được trả lương công bằng từ 99 lên 135 năm.³⁴ Những ngành nghề có phụ nữ chiếm đa số, như dịch vụ và khu vực phi chính thức, bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch, dẫn tới thiệt hại về thu nhập và sinh kế cho phụ nữ. Chỉ riêng năm 2020, ước tính phụ nữ mất khoảng 800 tỷ USD thu nhập.³⁵ Các biện pháp phong tỏa đã khiến bạo lực giới và công việc không lương gia tăng kỷ lục. Thậm chí giữa những người phụ nữ cũng tồn tại bất bình đẳng rõ rệt về mặt chủng tộc, tình trạng khuyết tật và thu nhập. Nhưng các biện pháp được triển khai để hỗ trợ phụ nữ còn rất ít và rời rạc, chỉ có một số ít quốc gia thực hiện các biện pháp tích cực. Trong số hơn 4.000 biện pháp về tài

khóa, kinh tế, an sinh xã hội và thị trường lao động được triển khai trên toàn cầu nhằm ứng phó với đại dịch, chỉ 13% hướng tới trao quyền kinh tế cho phụ nữ và tập trung vào công việc chăm sóc không trả lương.³⁶ Trong số đó, chỉ 5,5% trực tiếp giải quyết vấn đề việc làm chăm sóc không trả lương.

PHỤC HỒI DỰA TRÊN BIỆN PHÁP THẮT LƯNG BUỘC BỤNG SẼ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ TỚI NHÓM NGƯỜI NGHÈO VÀ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG NHẤT

Mức tăng khiêm tốn trong chi tiêu công ở các nước thu nhập thấp chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn. Các quốc gia này không chỉ rút bớt các biện pháp tài khóa đối phó với COVID-19 trong năm 2021, mà còn đồng thời thắt giảm ngân sách, gây đe dọa tới chi tiêu vốn đã không đủ cho các dịch vụ công quan trọng. Trong khi những chi tiêu công cơ bản ở các nước thu nhập cao tiếp tục vượt mức trước đại dịch, và dự kiến duy trì như vậy ít nhất đến năm 2024, thì tình hình ở các nước thu nhập thấp lại khác. Các quốc gia thu nhập thấp và trung bình không những không thể giữ chi tiêu ở trên mức trước khi xảy ra đại dịch năm 2021, mà còn dự kiến sẽ cắt giảm chi tiêu (mặc dù ít hơn nhiều so với năm 2020), cụ thể là tới năm 2024, các nước thu nhập thấp và kém phát triển nhất sẽ giảm chi tiêu 1% GDP so với mức trước đại dịch, và các nước thu nhập trung bình giảm 1,5% GDP.³⁷ Thực tế, dự báo sẽ có 159 quốc gia phải áp dụng biện pháp thắt lưng buộc bụng trong năm 2022, ảnh hưởng tới 85% dân số thế giới.³⁸

Đa phần xu hướng thắt lưng buộc bụng được thúc đẩy bởi một mặt là sự sụt giảm nguồn thu từ thuế trong những năm đầu đại dịch, cùng với việc chính phủ các nước không thể áp thuế với nhóm người giàu và khoản thu nhập bất thường trong giai đoạn này, mặt khác là bởi gánh nặng nợ gia tăng ở các nước thu nhập thấp. Nghĩa vụ trả nợ ở các nước châu Phi cao gấp gần ba lần chi tiêu giáo dục, sáu lần chi tiêu y tế, 22 lần chi tiêu xã hội và 236 lần chi tiêu cho thích ứng với biến đổi khí hậu.³⁹ Tuy vậy, 40 quốc gia châu Phi dự kiến sẽ cắt giảm chi tiêu với mức tích lũy 3,8% GDP trong giai đoạn 2023-2027, với giá trị cắt giảm lên tới 111,6 tỷ USD.⁴⁰

IMF và Ngân hàng Thế giới, mặc dù lên tiếng kêu gọi tăng chi tiêu công trong giai đoạn đại dịch, đã lại ủng hộ các nước lấy chính sách thắt lưng buộc bụng làm khung chính sách kinh tế chủ đạo hậu COVID-19. Mặc dù IMF đã huy động tài trợ khẩn cấp không điều kiện, Quỹ này đã yêu cầu các nước nhận tài trợ cam kết theo đuổi mục tiêu củng cố tài khóa, một cách gọi khác của chính sách thắt lưng buộc bụng, khi cuộc khủng hoảng bớt căng thẳng. Phân tích của Oxfam cho thấy trong năm đầu đại dịch, 85% trong số 107 khoản vay COVID-19 được đàm phán giữa IMF và 85 chính phủ cho thấy các kế hoạch thực hiện biện pháp thắt lưng buộc bụng ngay khi cuộc khủng hoảng y tế dịu bớt.⁴¹ Khuyến nghị này được thực hiện khi IMF thu hẹp đáng kể viện trợ khẩn cấp và quay trở lại hình thức cho vay truyền thống thông qua cải cách có điều kiện. Oxfam nhận thấy 87% chương trình cho vay của IMF trong năm thứ hai của đại dịch có những điều kiện quy định tăng thuế gián thu, đóng băng tiền lương người lao động khu vực công và bỏ trợ cấp, cùng với các biện pháp khác.⁴² Ở Sudan, nơi gần một nửa dân số sống trong cảnh nghèo đói, chính phủ được yêu cầu bỏ trợ cấp nhiên liệu, điều này gây ảnh hưởng vô cùng nặng nề đến nhóm người nghèo nhất. Quốc gia này đã bắt đầu bất ổn vì cắt giảm viện trợ quốc tế, kinh tế biến động và giá cả tăng cao đối với hàng hóa thiết yếu hàng ngày như thực phẩm, thuốc men trước khi chiến tranh ở Ukraine nổ ra.⁴³ Kenya và tổ chức IMF đã thỏa thuận một chương trình cho vay trị giá 2,3 tỷ USD vào năm 2021, trong đó bao gồm việc đóng băng chi trả cho khu vực công kéo dài 3 năm và tăng thuế đối với khí đốt phục vụ nấu ăn, thực phẩm.

Việc quay trở lại chính sách thắt lưng buộc bụng cùng với dư âm cuộc chiến ở Ukraine chẳng khác nào công thức dẫn đến thảm họa. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ nghèo ở Tunisia tăng thêm 1,1 điểm phần trăm trong những tháng đầu năm 2022 do giá năng lượng và thực phẩm tăng vọt, tình hình sẽ tệ hơn nếu không có các khoản trợ cấp hiện tại về lương thực và năng lượng. Tuy nhiên, trong bối cảnh giá lương thực và năng lượng tăng chóng mặt, tỷ lệ nghèo có thể tăng thêm 2,2 điểm phần trăm vào năm 2022, ngay cả khi đã có trợ cấp.⁴⁴ Tunisia đang đàm phán chương trình cho vay mới với IMF, chương trình có thể yêu cầu bỏ trợ cấp năng lượng và lương thực, vốn là yêu cầu lâu nay của tổ chức.⁴⁵ Nếu điều này thành hiện thực, tình hình có thể sẽ tệ hơn.

Ngân hàng Thế giới cũng làm tương tự như IMF trong các khoản vay phục vụ phòng chống COVID-19. Các hành động trước đây trong một số Hoạt động Chính sách Phát triển của tổ chức quy định phải củng cố tài khóa, như thực hiện quy tắc và kỷ luật tài khóa ở Angola, Costa Rica và Ecuador, cùng các điều kiện khác.⁴⁶

Trong phần lớn giai đoạn đại dịch và sau đó là chiến tranh ở Ukraine, IMF đã thảo luận về tầm quan trọng của chi tiêu xã hội để tránh bất ổn xã hội và bảo vệ nhóm đối tượng dễ tổn thương nhất.⁴⁷ Trên thực tế, điều này được thực hiện bằng việc IMF ngày càng đưa thêm các chỉ tiêu sản về chi tiêu xã hội vào chương trình cho vay với các quốc gia. Tuy có mức sản về chi tiêu xã hội, nhưng chi tiêu vẫn ở mức không đủ, thay vì mở rộng thêm. Ví dụ, chi tiêu của Cộng hòa Congo cho an sinh xã hội chỉ chiếm 5,7% tổng chi tiêu năm 2021; tuy nhiên, chương trình cho vay thời hạn ba năm của IMF chỉ dự kiến tăng 10% chi tiêu cho an sinh xã hội và việc làm vào năm 2022 so với năm 2021.⁴⁸ Tương tự, chương trình cho vay với Kenya chỉ dự kiến tăng mức sản chi tiêu xã hội thêm 2,4% vào năm 2022 so với 2021, thời điểm đất nước đang vận hành kém hiệu quả về cả chi tiêu y tế và an sinh xã hội, với tỷ trọng tương ứng là 10,6% và 6,4% tổng chi tiêu.⁴⁹

Nhưng mức sản chi tiêu xã hội thường xuyên không đạt được vì các quốc gia gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu, đồng thời phải đạt được các chỉ tiêu thiếu hụt có điều kiện - và được ưu tiên trên thực tế - trong các chương trình cho vay. Cộng hòa Dân chủ Congo đã không đáp ứng mức sản chi tiêu xã hội, là 0,3% chi tiêu chính phủ dự kiến, đặt ra trong chương trình cho vay với IMF trong nửa đầu năm 2022.⁵⁰

Các mức sản chi tiêu xã hội gần như không có hiệu quả trong giảm thiểu tác động của nhiều cuộc khủng hoảng hay giảm bất bình đẳng. Năm 2020, khi nhiều quốc gia mở rộng hệ thống an sinh xã hội để ứng phó với đại dịch, IMF đã khuyến khích các quốc gia chỉ thực hiện biện pháp này một cách tạm thời thay vì nâng các chương trình xã hội mục tiêu thành phổ quát, và giữ khuyến nghị như vậy trong hơn 60% báo cáo của Quỹ này.⁵¹ Mông Cổ đã mở rộng rõ rệt các chương trình an sinh xã hội để ứng phó với đại dịch, bằng cách nâng độ bao phủ của Chương trình Trợ cấp tiền mặt cho trẻ em và Chương trình Tem phiếu Lương thực, cũng như nâng cao quyền lợi lên gấp năm lần cho chương trình thứ nhất và gấp đôi cho chương trình thứ hai.⁵² Cùng với các biện pháp khác, biện pháp này đã góp phần giảm đáng kể tác động của đại dịch. Tuy nhiên, IMF đã kêu gọi chính phủ nước này thực hiện chính sách thắt chặt tài khóa, bao gồm cả củng cố tài khóa. IMF cũng cảnh báo hạn chế việc cung cấp thêm hỗ trợ, thể hiện mối quan ngại rằng chương trình Trợ cấp tiền cho Trẻ em mở rộng có khả năng châm ngòi lạm phát nếu người dân tiêu số tiền đó.⁵³

CUỘC KHỦNG HOẢNG NỢ THỨC ĐẨY CHÍNH SÁCH THẮT LƯNG BUỘC BỤNG VÀ LÀM GIẢM CHI TIÊU CHO GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG

Biện pháp thắt lưng buộc bụng càng được đẩy xa hơn do cuộc khủng hoảng nợ công trên toàn cầu. Nợ công trung bình trên toàn thế giới tăng 13 điểm phần trăm trong giai đoạn 2019-2021, lên 97% GDP toàn cầu. Các khoản nợ gia tăng rõ rệt nhất ở các quốc gia có khả năng vay kinh phí tài trợ cho ứng phó chống COVID-19: đồng nghĩa với việc nợ ở những nền kinh tế thu nhập cao tăng từ 16% lên 120%; trong khi đó, con số này ở các nước mới nổi tăng từ 11,5% lên 66%; còn ở các nước thu nhập thấp chỉ tăng từ 6,2% lên 50%.⁵⁴

Tuy nhiên, việc vay nợ ở thị trường mới nổi, đặc biệt là các nước thu nhập thấp, có chi phí tốn kém hơn (với lãi suất cao hơn và thời hạn trả nợ ngắn hơn) so với các nước OECD. Do đó, gánh nặng chi trả nợ sẽ cao hơn, lẫn cả những khoản chi quan trọng cho dịch vụ công có khả năng giải quyết tình trạng bất bình đẳng. Năm 2021, chi phí trả nợ trung bình (cho nợ trong và ngoài nước) chiếm tới 38% nguồn thu của chính phủ và 27,5% chi tiêu chính phủ các nước thu nhập thấp và trung bình. Tính trung bình, số tiền này cao hơn cả tổng số tiền chi cho giải quyết bất bình đẳng ở những quốc gia đó, và gấp đôi chi tiêu cho giáo dục, gấp bốn lần chi tiêu cho y tế và gấp gần 12 lần chi tiêu cho an sinh xã hội.⁵⁵

Trong cùng năm đó, các quốc gia thu nhập thấp và trung bình đã chi gần một ngàn tỷ USD để trả nợ cho các bên cho vay nước ngoài;⁵⁶ con số này cao gần gấp sáu lần tổng trợ giúp tài chính của IMF phục vụ chống COVID-19, và gấp 1,5 lần phân bổ SDR mới đây.

IMF đã cảnh báo rằng một phần ba các nền kinh tế mới nổi và hai phần ba các quốc gia thu nhập thấp đang rơi vào hoặc ở trên bờ vực kiệt quệ vì nợ nần.⁵⁷ Theo phân tích của DFI, hơn hai phần ba quốc gia thu nhập thấp và trung bình có chi phí trả nợ rất cao (hơn 15% nguồn thu), điều này đang cản trở họ chi tiêu nhiều hơn vào lĩnh vực giải quyết bất bình đẳng. Hơn 30 quốc gia đã chìm sâu trong khủng hoảng kinh tế, vỡ nợ và cần được miễn trừ nợ trong năm năm qua, trong đó quốc gia vỡ nợ nổi bật gần đây nhất là Sri Lanka, nơi đang rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Vẫn còn nhiều quốc gia tìm tới IMF để đề nghị được cứu trợ bằng các gói cho vay, thường dựa trên giải pháp thắt lưng buộc bụng, với hy vọng tránh vỡ nợ (ví dụ như Ai Cập, Ghana và Tunisia).⁵⁸

Để ứng phó với đại dịch, các nước G20 trong năm 2020 đã giới thiệu Sáng kiến Hoàn Thanh toán nợ (DSSI) cho 73 quốc gia thu nhập thấp và trung bình thấp. Tuy nhiên, sáng kiến chỉ trị hoãn được 12,9 tỷ USD giá trị các khoản nợ,⁵⁹ làm cho tiền lãi tiếp tục tích lũy. Sáng kiến này cũng bỏ qua những bên cho vay thương mại và đa quốc gia, thành phần chiếm 66% nợ công nước ngoài và 69% nghĩa vụ trả nợ ở các nước đủ điều kiện tham gia sáng kiến DSSI,⁶⁰ cũng như các bên cho vay trong nước. Chính vì thế, 25 quốc gia dự kiến hưởng lợi từ sáng kiến lại không lựa chọn tham gia, vì họ không tin rằng khoản cứu trợ đưa ra xứng đáng so với rủi ro mất quyền tiếp cận các khoản vay mới. Sáng kiến DSSI phải kết thúc sớm vào tháng 12/2021 vì lý do thời điểm COVID-19 tác động mạnh nhất đã qua đi. Trong khi đó, IMF có thể làm được nhiều hơn Sáng kiến DSSI và cấp viện trợ thông qua quỹ ủy thác với kinh phí từ nhà tài trợ để hủy bỏ 965 triệu USD nghĩa vụ trả nợ của 31 quốc gia nghèo nhất trong giai đoạn 2020-2021.⁶¹

Sáng kiến DSSI dự kiến sẽ được bổ sung bởi một “Khung hoạt động chung” để tái cơ cấu nợ đối với những quốc gia có mức nợ không bền vững, điều này sẽ cho phép tất cả chủ nợ liên quan giảm nợ một cách toàn diện và tương đương nhau. Tuy nhiên, dù rất được hoan nghênh vì cố gắng phối hợp tất cả các chủ nợ, Sáng kiến lại không đạt được kỳ vọng trong việc thực hiện miễn trừ nợ. Các bên cho vay tư nhân và đa quốc gia phần lớn không tham gia sáng kiến này và sáng kiến không bao gồm các khoản nợ trong nước. Do vậy, nhiều quốc gia đang có các khoản nợ lớn không đăng ký các chương trình có vẻ chỉ miễn trừ nợ một phần, trong khi những nước đăng ký tham gia nhận thấy quy trình này rất chậm, mất ít nhất một năm.

Cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng hơn do chiến tranh ở Ukraine. Tiền trả lãi vay nợ nước ngoài của các nước thu nhập thấp và trung bình, tính theo tỷ lệ phần trăm nguồn thu của chính phủ, đã tăng hơn gấp đôi trong giai đoạn 2010-2021, từ 6,8% lên 14,3%, mức cao nhất trong hai thập kỷ qua.⁶² Giờ đây để đối phó với lạm phát, các quốc gia có nền kinh tế mạnh đang tăng lãi suất, điều này càng đẩy cao chi phí đi vay đối với các nước nghèo. Ngoài ra, việc đồng đô-la Mỹ tăng giá gần đây do Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ nâng lãi suất đang khiến chi phí trả khoản nợ bằng đồng đô-la ngày càng cao hơn đối với ngân sách của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Tình hình chiến tranh ở Ukraine cũng càng đẩy giá nhiên liệu và nhập khẩu lương thực tăng vọt đối với hầu hết các quốc gia này, như vậy càng làm suy yếu thêm vị thế tài khóa và cán cân thanh toán ở đây.⁶³ Điều mà những quốc gia này cần là được hủy nghĩa vụ trả nợ hoặc cung cấp viện trợ, để họ có khả năng đối mặt với cuộc khủng hoảng lương thực và nhiên liệu, đồng thời chi nhiều hơn cho giải quyết bất bình đẳng.⁶⁴

2. GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG THÔNG QUA DỊCH VỤ CÔNG: NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC?

Trụ cột dịch vụ công của Chỉ số CRI tập trung vào ba mảng đã được chứng minh rộng rãi là có tác động đáng kể đến bất bình đẳng: giáo dục, y tế và an sinh xã hội.⁶⁵ Như trong Chỉ số của những năm trước, chúng tôi đánh giá hiệu quả hoạt động của ba bộ chỉ số:⁶⁶ 1) chi tiêu công, 2) tỷ lệ bao phủ (sự bình đẳng), và 3) tác động đến việc giảm bất bình đẳng kinh tế.

Rõ ràng đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến chính sách công và kết quả hoạt động của các lĩnh vực này kể từ khi công bố báo cáo Chỉ số năm 2020.⁶⁷ Tình trạng phong tỏa, mất việc làm, đóng cửa trường học và khủng hoảng y tế công cộng đã gây áp lực chưa từng có đối với các chính phủ về việc tăng quy mô đầu tư vào các dịch vụ công và an sinh xã hội.

Các gia đình chịu cảnh nghèo đói, đặc biệt là phụ nữ và các nhóm bị phân biệt chủng tộc, là những người phải đối mặt với các thách thức lớn nhất. Họ vừa phải vất vả với công việc được trả lương và chịu cảnh mất thu nhập, vừa phải gánh vác công việc chăm sóc không lương đã tăng lên đáng kể. Các nhóm này cũng phụ thuộc nhiều hơn vào hệ thống y tế công cộng đã bị quá tải do COVID-19; một khảo sát của Liên Hợp Quốc vào cuối năm 2021 cho thấy cho thấy dịch vụ y tế bị gián đoạn liên tục tại 119 trên 129 quốc gia.⁶⁸ Phụ nữ và trẻ em gái đang chịu tác động tồi tệ; số ca bà mẹ tử vong năm 2020 tăng 8-39% mỗi tháng ở các quốc gia có thu nhập trung bình do tình trạng giảm các dịch vụ chăm sóc trước và sau sinh do COVID-19.⁶⁹ Mọi việc càng trầm trọng hơn do các dịch vụ tránh thai bị gián đoạn, tình trạng tảo hôn và mang thai sớm ngoài kế hoạch gia tăng.^{70 71}

Phụ nữ và các nhóm yếu thế cũng thường làm việc ở tuyến đầu trong cuộc chiến chống COVID-19, khiến họ có nguy cơ nhiễm bệnh cao hơn. Ví dụ như ở khu vực Nam Á, những người làm các công việc trình độ thấp nhưng rất cần thiết như dọn dẹp vệ sinh, thường không được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân,⁷² và 70% lực lượng lao động chăm sóc sức khỏe và xã hội trên toàn thế giới là phụ nữ.⁷³ Cũng chính những người này đang phải gánh vác phần lớn công việc chăm sóc phát sinh thêm trong thời gian đại dịch, và phải trả cái giá rất lớn về an ninh kinh tế, sức khỏe và phúc lợi của mình (xem **hộp 3**).⁷⁴ Các dịch vụ công phổ cập và hệ thống chăm sóc toàn diện còn phải đi một chặng đường dài mới có thể giải quyết những bất bình đẳng này trong xã hội. Đây cần phải là ưu tiên hàng đầu của chính phủ các nước.

Hộp 3: Trường hợp điển hình về hệ thống chăm sóc thay đổi toàn diện cốt lõi

Công việc chăm sóc - từ việc nhà hàng ngày cho đến chăm sóc trẻ em, người già và những người ốm đau, khuyết tật - là chất keo gắn kết xã hội và nền kinh tế của chúng ta. Hoạt động này đóng góp hàng nghìn tỷ đô-la cho nền kinh tế toàn cầu hàng năm.⁷⁵ Tuy nhiên, phần lớn công việc này không được trả lương hoặc được trả lương thấp⁷⁶, và nhân viên chăm sóc thường là nhóm bị lề hóa có tính hệ thống. Trên toàn thế giới, công việc chăm sóc đè nặng lên vai phụ nữ, trẻ em gái và các nhóm bị bóc lột trong cấu trúc xã hội có hệ thống như nhóm người thiểu số, người di cư và người da màu.⁷⁷ Phụ nữ đảm nhận hơn ba phần tư công việc chăm sóc không được trả lương và chiếm hai phần ba lực lượng chăm sóc được trả lương.⁷⁸ Con số này không phải vô tình mà có; đó là hệ quả của một hệ thống kinh tế bóc lột và phân biệt đối xử.

Để đạt được hệ thống kinh tế công bằng hơn đòi hỏi phải đầu tư thích đáng vào các chính sách chăm sóc chuyển đổi nhằm tái phân bổ các nguồn lực như thời gian, tiền bạc và dịch vụ công, trong đó chính phủ là đơn vị chịu trách nhiệm chính. Các chính sách chuyển đổi cũng cần giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới và bất bình đẳng quyền lực khác, đảm bảo quyền của người chăm sóc và người tiếp nhận chăm sóc, và được xây dựng trên cơ sở đối thoại với họ. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ phải thay đổi chính sách tài khóa theo hướng ưu tiên phúc lợi hơn so với tăng trưởng GDP và tăng thuế đối với những người giàu nhất để tăng nguồn thu cho các hệ thống chăm sóc toàn diện. Mặc dù hầu hết các

quốc gia đều chưa thực hiện được điều này, nhưng cũng cần biểu dương một số chính sách đầy hứa hẹn,⁷⁹ bao gồm:

- Tại Argentina, Bộ Phụ nữ, Giới và Đa dạng đang thúc đẩy chương trình chăm sóc như một vấn đề công (thay vì mang tính tư nhân/gia đình) và xây dựng một hệ thống chăm sóc liên bang toàn diện. Việc này bao gồm ghi nhận công việc chăm sóc trẻ em thông qua hệ thống hưu trí; phụ nữ được công nhận khi chăm sóc mỗi đứa trẻ.⁸⁰
- Tại Philippines, ít nhất 28 cơ quan chính quyền địa phương đã ban hành luật cam kết ngân sách cụ thể dành cho các dịch vụ liên quan đến chăm sóc, như trung tâm chăm sóc ban ngày tại xã/phường, đường phố trong khu chợ và khu giặt là cộng đồng.⁸¹
- Tại Hawaii, Kế hoạch Khôi phục Kinh tế Bình quyền sau COVID-19 hỗ trợ sự độc lập kinh tế của phụ nữ thông qua tái phân bổ công việc chăm sóc không trả lương và yêu cầu cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em miễn phí cho người lao động thiết yếu, trong đó phần lớn là phụ nữ.⁸²

TRỤ CỘT DỊCH VỤ CÔNG: KẾT QUẢ TỔNG THỂ

Theo Chỉ số CRI năm 2020, những quốc gia đứng đầu bảng xếp hạng trong trụ cột này đều là các quốc gia OECD có thu nhập cao với khoản đầu tư công vào các dịch vụ thiết yếu và an sinh xã hội từ lâu đã đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng. **Bảng 2.1** ghi nhận 10 quốc gia đứng đầu danh sách, nhưng trên thực tế có 26 quốc gia nằm trong hạng mục này.

Bảng 2.1: Các quốc gia đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng trong trụ cột Dịch vụ công

10 QUỐC GIA ĐỨNG ĐẦU	Xếp hạng	10 QUỐC GIA ĐỨNG CUỐI	Xếp hạng
Ba Lan ⁸³	1	Nam Sudan	161
Phân Lan	2	Nigeria	160
Pháp	3	Chad	159
Nhật Bản	4	Afghanistan	158
Đan Mạch	5	Niger	157
Ireland	6	Guinea	156
Đức	7	Guinea-Bissau	155
Bỉ	8	Angola	154
Áo	9	Haiti	153
Slovenia	10	CH Yemen	152

Đáng chú ý, có một số quốc gia tăng hạng và một số quốc gia tụt hạng trong bảng xếp hạng về trụ cột dịch vụ công.

Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đã tăng 22 bậc lên vị trí thứ 75. Điều này đạt được là nhờ chính phủ tăng tỷ trọng chi tiêu trên ngân sách cho cả ba mảng trong giai đoạn 2019-2021, đồng thời cải thiện tỷ lệ bao phủ, đặc biệt là về mặt hưu trí. Đối với một quốc gia có thu nhập trung bình thấp với độ bất ổn cao, sự tiến bộ này là một dấu hiệu đáng hoan nghênh và đầy hứa hẹn. **Mozambique** xếp thứ 113, nhưng đây là quốc gia có thành tích tốt nhất trong số các quốc gia thu nhập thấp, đạt mức tăng 12 bậc so với Chỉ số năm 2020.

Sau một thời gian nợ nần chồng chất, chính phủ đã cố gắng tăng chi tiêu cho dịch vụ công và an sinh xã hội, và hiện xếp thứ 37 trên thế giới về chi tiêu cho giáo dục.

Ngược lại, **Ghana** đã tụt 25 bậc trong lĩnh vực dịch vụ công, từ thứ 113 xuống thứ 138. Trong giai đoạn 2019-2021, tỷ lệ chi tiêu phân bổ cho giáo dục đã giảm bốn điểm phần trăm, xuống còn 13,5%. Trong cùng thời kỳ đó, khi các ca nhiễm và tử vong do COVID-19 tăng lên và đại dịch ảnh hưởng nặng nề đến thu nhập của những người nghèo nhất, chính phủ cũng cắt giảm chi tiêu cho y tế và an sinh xã hội. Năm 2022, khi đất nước đang đứng trên bờ vực khủng hoảng nợ bao trùm, nhiều biện pháp hà khắc đã được công bố, dẫn tới nguy cơ tiếp tục làm giảm mức đầu tư vào dịch vụ công và an sinh xã hội.⁸⁴

Ở cuối bảng xếp hạng trong lĩnh vực dịch vụ công, chúng ta thấy một nhóm các quốc gia nghèo hơn; 10 quốc gia đứng cuối đều là các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp, hầu hết trong số đó là các quốc gia bất ổn hoặc chịu ảnh hưởng của xung đột. Tất cả các quốc gia này đều nằm trong nhóm xếp hạng thấp nhất về chi tiêu, mức độ bao phủ bình đẳng và trong việc sử dụng dịch vụ công để giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng. **Nam Sudan** một lần nữa có thứ hạng thấp nhất trong trụ cột này; với chi tiêu cho giáo dục và y tế vốn đã ở mức rất thấp lại tiếp tục bị cắt giảm mạnh, chiếm tỷ trọng lần lượt là 43% và 51% trong giai đoạn 2019-2020.

2.2 CHI TIÊU CÔNG CHO GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ AN SINH XÃ HỘI

Mức độ đầu tư của chính phủ cho chi tiêu cho giáo dục, y tế và an sinh xã hội là chỉ số rõ ràng về cam kết của chính phủ đối với các lĩnh vực này.

So với Chỉ số CRI năm 2020, tổng chi tiêu trung bình cho ba lĩnh vực này đã giảm 0,8 điểm phần trăm, xuống còn 43,7% tổng chi tiêu. Hơn một nửa số quốc gia được chấm điểm trong Chỉ số CRI 2020 và 2022 (87 trên 157 quốc gia) cho thấy tình trạng giảm tỷ lệ chi tiêu cho các lĩnh vực này và chỉ có 19 quốc gia có mức tăng hơn năm điểm phần trăm. Điều này đặc biệt đáng lo ngại khi tình trạng trên diễn ra trong khoảng thời gian các nước ứng phó với COVID-19.

Các quốc gia đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng được nêu trong **Bảng 2.2**. Một nửa trong số 10 quốc gia đứng đầu là các quốc gia có thu nhập cao, và nửa còn lại bao gồm các quốc gia có thu nhập trung bình cao và trung bình thấp. **Costa Rica** ở vị trí đầu tiên, cho thấy mức chi tiêu cao; tỷ lệ chi tiêu cho cả y tế và giáo dục đều đạt mức dẫn đầu trên thế giới. **Chile** ở vị trí thứ hai, đã ban hành một gói kích cầu tài chính lớn để ứng phó với đại dịch, bao gồm chương trình trợ cấp tiền mặt quy mô lớn với ba triệu người thụ hưởng.⁸⁵

Bảng 2.2: Các quốc gia đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng về chi tiêu cho dịch vụ công

10 QUỐC GIA ĐỨNG ĐẦU	Xếp hạng	10 QUỐC GIA ĐỨNG CUỐI	Xếp hạng
Costa Rica	1	Nam Sudan	161
Chile	2	Nigeria	160
Iran	3	Timor-Leste	159
Uzbekistan	4	Afghanistan	158
Argentina	5	Ấn Độ	157
Đan Mạch	6	Sri Lanka	156
Moldova	7	Uganda	155
Nhật Bản	8	Nepal	154

Ireland	9	Guinea-Bissau	153
Lithuania	10	CH Yemen	152

Các quốc gia ở cuối bảng xếp hạng về chỉ tiêu chủ yếu là các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp. Các quốc gia này thiếu hụt rất nhiều so với mức cần thiết để đáp ứng nhu cầu của công dân hoặc để giải quyết vấn đề bất bình đẳng thông qua dịch vụ công và an sinh xã hội. So với Chỉ số năm 2020, sáu trong số các quốc gia này đã cắt giảm chi tiêu xã hội và bốn trường hợp còn lại có sự thay đổi không đáng kể.

Uganda và **Guinea-Bissau** đã bị tụt hạng đáng kể trong bảng xếp hạng chi tiêu công so với Chỉ số năm 2020 và nằm trong 10 quốc gia đứng cuối danh sách.⁸⁶ Uganda đã tụt 22 bậc, chủ yếu là do cắt giảm mạnh chi tiêu cho an sinh xã hội, vốn đã bị cắt giảm từ 8,4% tổng chi tiêu vào năm 2019 xuống chỉ còn 1,2% vào năm 2021. Guinea-Bissau giảm 13 bậc, chủ yếu là do cắt giảm chi tiêu cho giáo dục, chỉ còn ở mức 9,3% tổng chi tiêu, còn một khoảng cách xa mới đạt đến tiêu chuẩn quốc tế đã được thống nhất.⁸⁷

CHI TIÊU CHO GIÁO DỤC

Hộp 4: Ngân sách giáo dục: hệ quả của đại dịch

Cuộc khủng hoảng giáo dục do COVID-19 gây ra trên khắp thế giới đã quá phổ biến và cần một thời gian dài nữa mới kết thúc. Vào cuối tháng 2/2022, sáu quốc gia đã phải đóng cửa trường học và 42 quốc gia khác đóng cửa một phần.⁸⁸ Trung bình, trẻ em gái ở các nước nghèo phải nghỉ học nhiều hơn 22% so với trẻ em trai trong năm đầu tiên của đại dịch.⁸⁹ Trẻ em nghèo bị ảnh hưởng nhiều hơn cả, vì việc học từ xa có lợi hơn đối với học sinh ở gia đình khá giả có internet và thiết bị kỹ thuật số. Việc học từ xa cũng không đáp ứng được những học sinh có nhu cầu đặc biệt. UNESCO ước tính 24 triệu học sinh sẽ bỏ học vì hậu quả của đại dịch,⁹⁰ và trẻ em gái dự kiến sẽ phải chịu ảnh hưởng nặng nề do sự gia tăng các trường hợp mang thai ngoài ý muốn, tảo hôn, bạo lực giới và phải làm công việc chăm sóc không được trả lương.

Chính phủ cần có các biện pháp mạnh mẽ hơn bao giờ hết để bảo toàn và tăng cường chi tiêu cho giáo dục. Nếu không có khoản đầu tư này, cả một thế hệ sẽ phải chịu thiệt thòi rất lớn, trong đó trẻ em gái và những người nghèo nhất, dễ bị tổn thương nhất sẽ bị bỏ lại xa nhất phía sau. Tuy nhiên, thật không may, ngân sách cho giáo dục lại chịu nhiều tác động của đại dịch. Báo cáo Giám sát Tài chính Giáo dục năm 2022 cho thấy chi tiêu cho giáo dục ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp đã giảm xuống dưới con số của năm 2019.⁹¹

Trung bình, ngân sách giáo dục đã bị cắt giảm đáng kể từ 14,8% xuống còn 14,0% tổng chi tiêu so với Chỉ số năm 2020. Hơn hai phần ba số quốc gia được xem xét trong cả hai Chỉ số (104 trên 157 nước) đã thực hiện cắt giảm, trong khi đó chỉ có 26 quốc gia tăng chi tiêu từ 1 điểm phần trăm trở lên.

Bảng 2.3: Các quốc gia tăng và giảm ngân sách giáo dục nhiều nhất (% ngân sách)⁹²

Quốc gia	% tăng	Quốc gia/Khu vực	% giảm
Kazakhstan	5,47	Morocco	-11,41
Vanuatu	4,92	Eswatini	-6,74
Algeria	4,78	Guatemala	-5,88
Rwanda	4,40	Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	-5,03
Belarus	4,26	Djibouti	-4,89

Có thể thấy trong **Bảng 2.3**, một số quốc gia đã giảm mạnh chỉ tiêu cho giáo dục. **Guatemala** và **Eswatini** là hai trong số các quốc gia có mức cắt giảm lớn nhất trong thời kỳ COVID-19 và là hai trong số những quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới. Guatemala đã ra khỏi danh sách 10 quốc gia chi tiêu nhiều nhất trong Chỉ số năm 2020, tụt xuống vị trí thứ 48 và Eswatini tụt 67 bậc, từ vị trí thứ 12 xuống vị trí thứ 79. Quốc gia chi tiêu ít nhất cho giáo dục là **Nam Sudan**, với mức cắt giảm đáng kể trong cùng thời kỳ, từ 9,4% xuống còn 5,3% tổng chi tiêu.

Trên thực tế, có rủi ro rằng đây mới chỉ là mở đầu cho một giai đoạn thắt lưng buộc bụng hà khắc, khi mà các quốc gia chịu áp lực phải ưu tiên “củng cố tài khóa” bằng mọi giá. Ví dụ: Eswatini là một trong những quốc gia gần đây được IMF khuyến nghị cắt giảm tiền lương⁹³ và trong giai đoạn 2021-2022, quốc gia này đã chi 58,6% nguồn thu từ thuế để trả nợ.⁹⁴ Nam Sudan cũng có gánh nặng trả nợ lớn ở mức 72,2% nguồn thu từ thuế của cả nước.⁹⁵

Mặc dù vậy, vẫn có một số dấu hiệu đáng hy vọng. Chỉ số năm nay có hai quốc gia thu nhập thấp được xếp trong danh sách 10 quốc gia chi tiêu nhiều nhất cho giáo dục; **Burkina Faso** ở vị trí thứ năm và **Ethiopia** xếp thứ chín. **Rwanda** cũng đạt được những tiến bộ ấn tượng nhờ vào cam kết lâu dài của chính phủ đối với giáo dục; trong giai đoạn 2019-2021, chính phủ đã tăng chi tiêu cho giáo dục từ 10,8% lên 15,2% ngân sách, đưa quốc gia này tăng thêm 60 bậc (xếp thứ 68).

CHI TIÊU CHO Y TẾ

Trung bình, ngân sách y tế đã tăng nhẹ so với Chỉ số năm 2020, từ 10,9 lên 11,1% tổng chi tiêu. Tuy nhiên, 69 trên 157 quốc gia được xem xét trong cả hai Chỉ số CRI năm 2020 và 2022 đã cắt giảm ngân sách y tế, trong khi 36 quốc gia tăng ngân sách y tế thêm một điểm phần trăm. Điều này rõ ràng là không phù hợp trong bối cảnh đại dịch đang tạo ra áp lực chưa từng có đối với hệ thống y tế toàn cầu.

Một số quốc gia đã cắt giảm đáng kể **Bảng 2.4** liệt kê những quốc gia có mức cắt giảm cao nhất. Xét về chi tiêu cho giáo dục, **Eswatini** có mức cắt giảm lớn thứ hai, từ 15,9% chi tiêu vào năm 2019 (trên mức Cam kết Abuja tối thiểu) xuống chỉ còn 9,9% vào năm 2021. Có vẻ như đây cũng là ảnh hưởng của chính sách thắt lưng buộc bụng hà khắc sau đại dịch đối với các quốc gia vốn đã có nguồn lực hạn chế.

Bảng 2.4: Các quốc gia tăng và giảm ngân sách y tế nhiều nhất (% ngân sách)

Quốc gia	% tăng	Quốc gia	% giảm
Cyprus	6,90	Seychelles	-7,71
Maldives	6,17	Eswatini	-5,48
Honduras	3,96	Cộng hoà Kyrgyz	-4,06
Morocco	3,92	Cộng hoà Slovakia	-3,76
Cộng hoà Trung Phi	3,81	Djibouti	-3,35

Một điều đáng chú ý nữa là **Ấn Độ** nằm trong số những quốc gia có chi tiêu ít nhất cho y tế; tụt thêm hai bậc trong bảng xếp hạng, xuống thứ 157 (thấp thứ năm trên thế giới), và nước này đã thực hiện các đợt cắt giảm nhẹ trong giai đoạn 2019-2021 - vào thời kỳ khủng hoảng và nhu cầu y tế cao chưa từng có. Bất kể nhiều chỉ trích về cách ứng phó tệ hại của chính phủ đối với COVID-19, và nhu cầu của người dân tăng cao đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng, thật đáng thất vọng khi thấy rằng mọi thứ vẫn đang đi sai hướng.

Một số quốc gia đáng được ghi nhận vì đã tăng đáng kể mức đầu tư vào y tế trong những năm gần đây. **Cộng hoà Síp** ghi nhận mức tăng lớn nhất so với CRI 2020, tăng hơn gấp đôi chi tiêu cho y tế từ 6,2 lên 13,1% tổng chi tiêu⁹⁶ và vào năm 2019, chính phủ đã cam kết Bao phủ Y tế Toàn dân. Dữ liệu của chúng tôi không tính đến toàn bộ quá trình ứng phó với đại dịch của chính phủ (vì dữ liệu mới nhất là từ năm 2020), nhưng những thay đổi đó đã giúp quốc gia này mạnh mẽ hơn để ứng phó với COVID-19.⁹⁷

Những tiến bộ đạt được ở **Cộng hòa Trung Phi** cũng xứng đáng được tuyên dương; đây là quốc gia có mức tăng ngân sách y tế lớn nhất trong số các quốc gia có thu nhập thấp với mức tăng cao thứ năm trên toàn thế giới. Trong giai đoạn 2019-2021,

đã tăng chi tiêu cho y tế từ 10,6 lên 14,9% tổng chi tiêu, gần đạt mức tối thiểu của Cam kết Abuja là 15%. Ở một trong những quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới, với một số chỉ số thấp nhất về y tế và phát triển con người, khoản đầu tư bổ sung này đóng vai trò vô cùng quan trọng, ngay cả khi không rõ là số tiền này đến từ quỹ kêu gọi nhân đạo (có khả năng cao) hay từ ngân sách quốc gia (sẽ bền vững hơn). Tương tự như vậy, Nepal đã tăng tỷ trọng ngân sách y tế thêm hơn một nửa trong thời kỳ đại dịch, mặc dù ngân sách y tế của quốc gia này vẫn ở mức thấp là 7,8% tổng chi tiêu.

Đầu tư dài hạn vào các hệ thống y tế công miễn phí, bao gồm lực lượng lao động khu vực công có trình độ và được trả lương, là yếu tố vô cùng quan trọng để tiến tới đạt được mục tiêu bao phủ y tế toàn dân và bình đẳng. Việc bảo vệ các quốc gia, đặc biệt là những người nghèo và dễ bị tổn thương trước các cuộc khủng hoảng y tế trong tương lai cũng là mục tiêu quan trọng. Năm 2020, Chính phủ **Việt Nam** đã nhận được sự khen ngợi vì giữ số ca mắc và tử vong do COVID-19 ở mức rất thấp; đến cuối năm, chưa đến 1.500 ca mắc và chỉ có 35 trường hợp tử vong được ghi nhận.⁹⁸ Điều này không phải ngẫu nhiên mà có; đó là kết quả của sự đầu tư bền vững vào hệ thống y tế công sau đợt bùng phát dịch SARS vào năm 2003. Trong giai đoạn 2003-2018, chi tiêu cho y tế đã tăng từ 22 USD lên 152 USD một người.⁹⁹ Ngược lại, nghiên cứu của Oxfam và DFI cho thấy nhiều quốc gia ở châu Phi đã giảm chi tiêu cho y tế “khẩn cấp”, với khoản đầu tư rất ít (**Benin, Ghana, Mali, Rwanda, Senegal và Togo**) vào hệ thống y tế và sự chuẩn bị sau năm 2021.¹⁰⁰ Đây là khoản đầu tư mà các chính phủ phải ưu tiên ngay trước sự bùng nổ của COVID-19.

CHI TIÊU CHO AN SINH XÃ HỘI

Trung bình, ngân sách an sinh xã hội đã bị cắt giảm nhẹ so với Chỉ số năm 2020, giảm từ 18,8% xuống 18,6% tổng chi tiêu. Điều này rất đáng lo ngại, do nhu cầu về phúc lợi xã hội là rất lớn kể từ khi bắt đầu đại dịch.

Bảng 2.5: Các quốc gia tăng và giảm ngân sách an sinh xã hội nhiều nhất

Quốc gia	% tăng	Quốc gia	% giảm
Trung Quốc	13,50	CH Yemen	-15,35
Uzbekistan	12,57	Honduras	-14,19
Malaysia	12,28	Tanzania	-13,39
Algeria	11,20	Zambia	-12,92
Ecuador	8,93	Panama	-11,78

Gần một nửa số quốc gia có dữ liệu so sánh (77 trên 157 nước) đã cắt giảm tỷ trọng chi tiêu cho an sinh xã hội trên tổng chi tiêu kể từ khi công bố Chỉ số năm 2020. Trong hơn một thập kỷ, **Zambia** đã cắt giảm từ 17% xuống còn 4% tổng chi tiêu (vào năm 2021). Đây là cách ứng phó hoàn toàn không thỏa đáng ở một quốc gia với 60% công dân cho biết đã bị mất thu nhập và việc làm do COVID-19¹⁰¹, và đáng lo ngại là 93% người trả lời khảo sát Afrobarometer ở Zambia cho biết họ không nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của chính phủ trong suốt thời gian đại dịch hoành hành.¹⁰²

Ở khía cạnh tích cực, 51 trên 157 quốc gia được đánh giá trong Chỉ số năm 2020 và năm nay đã tăng hơn 1 điểm phần trăm chi tiêu cho an sinh xã hội. **Uzbekistan** là một trong những quốc gia có mức tăng ngân sách lớn nhất (xem **Bảng 2.5**). Trong giai đoạn 2018-2020, chính phủ đã tăng chi tiêu cho an sinh xã hội từ 25,5% lên 38,1% tổng chi tiêu, giúp đất nước tăng hạng từ thứ 54 lên thứ 16 trong số các quốc gia có mức chi tiêu cao nhất. Con số này còn chưa thể hiện đầy đủ biện pháp ứng phó rất đáng kể của chính phủ đối với đại dịch. Việc này làm tăng số lượng gia đình có thu nhập thấp và người khuyết tật được nhận trợ cấp tiền mặt, mở rộng phạm vi trẻ em trong nước được hưởng lợi (ví dụ: bằng cách tăng giới hạn trần về độ tuổi từ 14 lên 18 tuổi) và tăng mức hưu trí vĩnh viễn.¹⁰³

Mông Cổ cũng là một trong những nước có mức tăng ngân sách lớn nhất. Quốc gia này đã tăng chi tiêu từ 21,27% lên 29,24% tổng chi tiêu trong giai đoạn 2018-2020, giúp đất nước tăng 21 bậc trong bảng xếp hạng chi tiêu cho an sinh xã hội. Chính phủ đã mở rộng đáng kể quy mô an sinh xã hội để ứng phó với COVID-19; mở rộng các chương trình an sinh xã hội được đánh giá cao (và gần như đã phổ cập) như Chương trình Trợ cấp tiền mặt cho Trẻ em và Chương trình Tem phiếu Lương thực, cũng như tăng số tiền trợ cấp đã chi trả lần lượt là 400% và 100%.¹⁰⁴

TỶ LỆ BAO PHỦ CỦA CÁC QUỐC GIA ĐANG Ở MỨC NÀO?

TỶ LỆ BAO PHỦ GIÁO DỤC

Chỉ số này đo lường tỷ lệ hoàn thành bậc giáo dục trung học của nhóm nghèo nhất. Chỉ số này tập trung vào câu hỏi liệu hệ thống giáo dục của một quốc gia có tiếp cận đến những công dân nghèo nhất hay không, đây là yếu tố cơ bản để đảm bảo đáp ứng quyền được học tập của mọi người cũng như đảm bảo nền giáo dục đó giải quyết được vấn đề bất bình đẳng và thúc đẩy dịch chuyển xã hội.

Số liệu về tỷ lệ bao phủ giáo dục được sử dụng trong CRI 2022 đo lường giai đoạn trước COVID-19 và cho thấy có sự tiến bộ nhỏ đáng quý so với CRI 2020. Tỷ lệ bao phủ trung bình toàn cầu đối với trẻ em nghèo nhất chỉ tăng nhẹ từ 38,9% lên 40%. **Argentina, Armenia** và **Mông Cổ** là các quốc gia nổi bật đạt được những tiến bộ lớn trong việc đảm bảo những trẻ em nghèo nhất hoàn thành bậc giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn trước COVID-19, trong đó Argentina và Armenia đạt tỷ lệ bao phủ hơn 70% và Mông Cổ có tỷ lệ bao phủ tăng hơn gấp đôi, đạt 50%.

Tỷ lệ hoàn thành giáo dục trung học cơ sở có sự dao động từ mức ấn tượng 92% ở **Hàn Quốc** đến chỉ có 0,09% ở **Cộng hòa Trung Phi**. Thật đáng tiếc, có quá nhiều quốc gia không đạt tỷ lệ bao phủ cho nhóm trẻ em nghèo nhất; trong kết quả của năm nay, có 40 quốc gia đạt tỷ lệ hoàn thành giáo dục trung học cơ sở dưới 10% cho nhóm nghèo nhất.

Kể từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng do COVID-19, một số chính phủ đã có những nỗ lực đáng biểu dương về việc tiếp cận trẻ em ở các cộng đồng nghèo và thiệt thòi trong thời gian đóng cửa trường học gần đây và về việc đưa học sinh – đặc biệt là trẻ em gái – trở lại trường học. **Sierra Leone** đã xây dựng chương trình học qua radio được áp dụng trong cuộc khủng hoảng Ebola, giảng dạy các bài học qua 12 đài phát thanh cộng đồng.¹⁰⁵ **Togo** đạt tỷ lệ tái nhập học ở cấp tiểu học và trung học cơ sở là 98% thông qua các chiến dịch truyền thông về “tự trường” và huy động ở cấp cộng đồng.¹⁰⁶ Chính phủ **Kenya** đã triệu tập một lực lượng đặc nhiệm liên bộ để giải quyết vấn đề tỷ lệ tái nhập học thấp và sau một chiến dịch dựa vào cộng đồng, quốc gia này cũng đã đưa được 96% học sinh trở lại học tập.¹⁰⁷ Một số quốc gia châu Phi cũng hành động để giúp đảm bảo học sinh mang thai và các bà mẹ ở độ tuổi vị thành niên có thể trở lại trường học.¹⁰⁸ Các biện pháp khuyến khích trẻ em gái đi học trở lại đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới.

TỶ LỆ BAO PHỦ Y TẾ

Tương tự như trong Báo cáo CRI năm 2020, chỉ số này bao gồm hai thành phần.

Thành phần thứ nhất là tỷ lệ dân số được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu. Nhìn chung, các số liệu của CRI 2022 đo lường giai đoạn trước COVID-19 cho thấy rất ít tiến bộ, chỉ tăng trung bình 0,4 điểm phần trăm lên mức 64,7% trong giai đoạn 2017-2019. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ ở nhiều quốc gia vẫn thấp ở mức đáng lo ngại. Trong số 35 quốc gia có tỷ lệ thấp nhất (tất cả đều là quốc gia có thu nhập thấp hoặc trung bình thấp), hơn 50% người dân vẫn không có bảo hiểm. Ở ba quốc gia (**Chad, Nam Sudan** và **Cộng hòa Trung Phi**), hai phần ba dân số không được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu.

Thành phần thứ hai là tỷ lệ dân số phải chi tiêu ở mức thảm họa cho y tế (mức chiếm hơn 10% chi tiêu hộ gia đình). Trong chỉ số này, mức trung bình toàn cầu là 8,3% cho thấy có sự thay đổi rất nhỏ trong giai đoạn

2017-2019. Tại 51 quốc gia, hơn 10% dân số đang phải chi tiêu thảm họa cho y tế. Đáng lo ngại là ở 11 quốc gia trong số đó, tỷ lệ này chiếm hơn 20% dân số. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nghèo đói và kiệt quệ tài chính, đồng nghĩa với việc quá nhiều người không tìm đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe khi cần thiết.

Thái Lan có tỷ lệ bao phủ y tế lớn nhất trong số các quốc gia có thu nhập trung bình cao, đồng thời là quốc gia có thu nhập trung bình cao duy nhất trong 20 dẫn đầu. Quốc gia này xếp thứ tám về tổng thể, tính cả tỷ lệ bao phủ và chi tiêu người dân tự trả. Đất nước này đã đạt được những tiến bộ đáng kể từ khi cam kết Bao phủ Y tế Toàn dân vào năm 2002 và đã đạt được tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu cho 83% dân số. Mọi công dân đều được hưởng các dịch vụ y tế phòng ngừa, cứu chữa và giảm nhẹ thiết yếu trong mọi giai đoạn của cuộc đời.¹⁰⁹ Thái Lan cũng đảm bảo chi tiêu thảm họa cho y tế ở mức cực thấp, chỉ 1,9%, nằm trong số 20 quốc gia có tỷ lệ thấp nhất. **El Salvador** là quốc gia có thu nhập trung bình thấp xếp hạng cao nhất (ở vị trí thứ 32). Chính phủ đã cam kết Bao phủ Y tế Toàn dân từ năm 2010, cung cấp miễn phí các dịch vụ y tế ban đầu và hệ thống bảo hiểm y tế được tài trợ công khai. Hơn ba phần tư dân số được tiếp cận với các dịch vụ y tế và chỉ 1,7% người dân phải chi tiền túi ở mức thảm họa.

TỶ LỆ BAO PHỦ AN SINH XÃ HỘI

Đại dịch là minh chứng rõ ràng về sự cần thiết của việc các quốc gia phải ưu tiên thiết lập một Mức sàn An sinh Xã hội Toàn dân để bảo vệ tất cả người dân trước mọi rủi ro trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời. Tuy nhiên, do thiếu dữ liệu tin cậy bao gồm đầy đủ các chỉ số an sinh xã hội, như trong Chỉ số năm 2020, Chỉ số năm nay sử dụng tỷ lệ bao phủ hưu trí để đại diện cho tỷ lệ bao phủ an sinh xã hội chung.

Phân tích của chúng tôi cho thấy 39 quốc gia đã đạt tỷ lệ bao phủ toàn dân, nghĩa là 100% dân số trong độ tuổi hưu trí được hưởng lương hưu. Phần lớn trong số đó là các quốc gia có thu nhập cao, nhưng trong đó có sáu quốc gia có thu nhập trung bình thấp (**Bolivia, Eswatini, Cộng hòa Kyrgyzstan, Mông Cổ, Timor-Leste và Uzbekistan**). **Bolivia** đạt được tỷ lệ bao phủ hưu trí toàn dân chủ yếu là nhờ vào quỹ hưu trí không đóng góp, cung cấp phúc lợi cho 80% người hưởng lương hưu và chấm dứt tình trạng loại trừ người lao động phi chính thức.

Đáng tiếc là nhiều quốc gia vẫn không đảm bảo tất cả người cao tuổi đều được tiếp cận phúc lợi xã hội quan trọng này. Ở 67 quốc gia, chưa đến một nửa dân số người cao tuổi được hưởng lương hưu và ở 26 quốc gia có tỷ lệ bao phủ thấp nhất, chỉ có dưới 10% được bảo đảm quyền lợi.

2.4 TÁC ĐỘNG: CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐANG NỖ LỰC RA SAO ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG?

Nhiều bằng chứng cho thấy dịch vụ công và an sinh xã hội có khả năng giúp giảm tình trạng bất bình đẳng kinh tế ở cả các nước giàu và nghèo. Khi một chính phủ cung cấp dịch vụ y tế và giáo dục miễn phí, về cơ bản sẽ làm tăng thu nhập khả dụng của tất cả mọi người, nhưng sẽ mang lại nhiều lợi ích nhất cho nhóm người nghèo nhất.¹¹⁰ Các khoản trợ cấp an sinh xã hội toàn dân trên quy mô lớn cũng có tác động đáng kể trong việc tái phân bổ.

Giống như kết quả CRI năm 2020, Chỉ số năm nay cho thấy dịch vụ công giúp giảm bất bình đẳng ở mọi quốc gia - nhưng mức độ khác biệt lớn. Phần lớn các quốc gia đứng đầu bảng xếp hạng là những quốc gia có thu nhập cao và trung bình cao. Ba Lan là quốc gia đứng đầu trong chỉ số này, giảm bất bình đẳng tới 77% thông qua các dịch vụ công. Ukraine và Kiribati là hai quốc gia có thu nhập trung bình thấp nổi bật sử dụng dịch vụ công để giảm đáng kể tình trạng bất bình đẳng. Hầu hết các quốc gia đứng cuối bảng xếp hạng là các quốc gia có thu nhập thấp, với tỷ lệ chi tiêu chiếm phần nhỏ so với GDP - Nam Sudan có xếp hạng thấp nhất, chỉ giảm được 0,5% điểm phần trăm tình trạng bất bình đẳng. Tuy nhiên, Đặc khu hành chính Hồng Kông của Trung Quốc, Jordan và Barbados nổi bật là những lãnh thổ giàu có hơn, nhưng chi tiêu cộng cũng chỉ giảm bất bình đẳng ở mức thấp.

Điều này cho thấy chỉ riêng việc chi tiêu cao không đủ để đảm bảo các dịch vụ công sẽ có tác động tái phân bổ mạnh mẽ và giải quyết được vấn đề bất bình đẳng. Các chính phủ cũng cần đảm bảo chi tiêu tăng

lũy tiến và nên tránh các chính sách có thể làm suy yếu quá trình tăng lũy tiến này, chẳng hạn như phí sử dụng dịch vụ y tế và giáo dục, những thứ ảnh hưởng nặng nề nhất đến túi tiền của nhóm nghèo nhất, làm tăng sự bất bình đẳng về thu nhập. Chính phủ cũng cần đầu tư vào các phúc lợi an sinh xã hội toàn dân hoặc quy mô lớn; các biện pháp quy mô nhỏ và/hoặc tạm thời không đủ mạnh mẽ để làm công cụ tái phân bổ.

Kể từ báo cáo Chỉ số CRI năm 2020, tác động trung bình ước tính của chi tiêu cho giải quyết bất bình đẳng đến việc giảm bất bình đẳng đã tăng nhẹ từ 18,4% lên 19,4%. Tác động đến bất bình đẳng tăng ở 84 quốc gia và chỉ giảm ở 34 quốc gia. Điều này phản ánh hai điều: nhìn chung, mặc dù chi tiêu xã hội có thể giảm nếu tính theo tỷ lệ phần trăm trong tổng ngân sách, nhưng ở nhiều quốc gia, tỷ lệ phần trăm trên GDP hoặc thu nhập của người dân không giảm, vì GDP và thu nhập thậm chí còn giảm nhiều hơn; và đối với một số quốc gia, các nghiên cứu cụ thể hoặc phương pháp mô hình hóa mới đã làm thay đổi các con số tính toán theo hướng đi lên. Các quốc gia có mức tăng mạnh so với CRI 2020 bao gồm Maldives, Timor-Leste và Cyprus do tăng mức chi tiêu, và Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Zambia và Trung Quốc do các nghiên cứu mới về tác động do CEQ hoặc OECD thực hiện. Những quốc gia có mức giảm đáng kể - do chi tiêu thậm chí còn giảm nhanh hơn GDP - bao gồm Seychelles, Cộng hòa Kyrgyzstan, Yemen và Djibouti.

3. CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỂ GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG

CHỈ SỐ CRI ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH THUẾ NHƯ THẾ NÀO?

Chỉ số CRI 2020 không thay đổi các chỉ số thành phần được sử dụng để đánh giá chính sách thuế so với các phiên bản trước đó.¹¹¹ Các chỉ số thành phần được sử dụng nêu lên vấn đề về chính sách, việc thực hiện và tác động của chính sách:

1. **Chính sách:** Các loại thuế chính (thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng hoặc thuế tiêu thụ tổng quát) có được tính lũy tiến không, nghĩa là những người có khả năng chi trả cao hơn sẽ chịu nhiều thuế hơn? Chỉ số này cũng đánh giá liệu một quốc gia có sử dụng các thực hành thuế có hại hay không, tức là hành xử như một thiên đường thuế và làm giảm mức thuế thu được ở quốc gia của họ và các quốc gia khác.
2. **Thực hiện:** Làm thế nào để quốc gia thu thành công các loại thuế chính?
3. **Tác động:** Thuế thu được có tác động như thế nào đến việc giảm bất bình đẳng thu nhập (được đo bằng hệ số Gini)?

KẾT QUẢ CỦA TRỤ CỘT THUẾ TRONG CHỈ SỐ CRI 2022

KẾT QUẢ TỔNG THỂ CỦA TRỤ CỘT THUẾ

Bảng 3.1 liệt kê các quốc gia đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng về trụ cột thuế trong Chỉ số CRI 2022, cũng như các quốc gia có hoạt động thuế cải thiện hoặc xấu đi so với kết quả CRI gần nhất vào năm 2020. Úc trở thành quốc gia đứng đầu nhờ vào các quy định chống trốn thuế mới và xóa bỏ chế độ thuế có hại, điều này đã bù đắp được những tác động tiêu cực đối với việc cắt giảm thuế suất TNDN từ 27,5% xuống 26%, và do quốc gia này đã rất nỗ lực để duy trì nguồn thu từ thuế trong thời kỳ đại dịch. Tuy nhiên, đất nước này có thể làm quyết liệt hơn nữa để khiến cho hệ thống thuế cấp tiến hơn, bằng cách nâng ngưỡng thuế GTGT, đẩy lùi việc cắt giảm thuế suất TNDN, giảm miễn thuế cho những người có thu nhập cao và các công ty, đồng thời áp dụng thuế tài sản.

Bắc Macedonia là quốc gia đứng cuối danh sách, cho thấy nước này ngày càng phụ thuộc vào nguồn từ thuế gián thu và thuế thu nhập ở mức rất thấp. Trong số các quốc gia đứng cuối danh sách khác, Bahamas và Vanuatu chưa có thuế thu nhập, Oman không có thuế TNCN còn Bahamas, Liberia và Panama áp dụng các thực hành thuế có hại hoặc các chỉ số cho thấy họ tham gia vào các cuộc cạnh tranh thuế có hại.

Các quốc gia có cải thiện, như Morocco,¹¹² St Vincent và Grenadines, Vương quốc Anh, Cộng hòa Séc, Estonia và Latvia, phần lớn là nhờ xóa bỏ các thực hành thuế mà trước đây OECD hoặc EU cho là có hại và nhờ áp dụng các quy định chống trốn thuế. Về mặt thay đổi chính sách trong nước, có hai quốc gia nổi bật: Bhutan đã áp dụng thuế tiêu thụ tổng quát (GST) trung lập để thay cho thuế tiêu thụ lũy thoái và tăng thuế TNCN với những người thu nhập cao nhất, từ đó tăng nguồn thu từ thuế;¹¹³ và Maldives đã áp dụng thuế TNCN lũy tiến.¹¹⁴

Giảm thu từ thuế và hiệu quả thu thuế sụt giảm là nguyên nhân của hầu hết các quốc gia tụt hạng (ở Benin, Bolivia, Costa Rica, Fiji, Georgia, Guyana và Malta, do đại dịch COVID-19; ở Afghanistan và Yemendo

có cả xung đột vũ trang; và ở Algeria, Congo và Bolivia¹¹⁵ do giảm giá dầu khí toàn cầu). Với Angola, sự tụt hạng phần lớn phản ánh những thay đổi chính sách mang tính lũy thoái - áp thuế GTGT cho thực phẩm và giảm thuế TNDN quá mức nên không thể bù lại mức tăng thuế TNCN với những người giàu có nhất của quốc gia này. Ở Georgia và Malta, các nghiên cứu mới cho thấy hệ thống thuế ít cấp tiến hơn; và ở Benin, Costa Rica, Malta và Yemen, điểm thực hành thuế có hại giảm sút.

Bảng 3.1: Các quốc gia đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng về thuế trong Chỉ số CRI 2022

10 quốc gia đứng đầu		10 quốc gia đứng cuối		Các quốc gia có mức tăng cao nhất		Các quốc gia có mức giảm cao nhất	
Úc	1	Oman	152	Morocco	116	Afghanistan	-109
Lesotho	2	Cộng hoà Congo	153	Bhutan	104	Malta	-89
Nam Phi	3	Panama	154	St. Vincent & Grenadines	93	Guyana	-88
Trung Quốc	4	Vanuatu	155	Zimbabwe	79	Fiji	-71
Canada	5	Liberia	156	Maldives	73	Georgia	-68
Kiribati MỚI	6	Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	157	Tajikistan	67	Angola	-58
New Zealand	7	Nam Sudan	158	Latvia	64	Benin	-55
Hàn Quốc	8	Serbia	159	Cộng hòa Séc	63	Bolivia	-55
Djibouti	9	Bahamas	160	Estonia	62	Yemen	-53
Đức	10	Bắc Macedonia	161	Vương quốc Anh	47	Costa Rica	-48

TÍNH LŨY TIẾN CỦA THUẾ TRÊN LÝ THUYẾT - (CHỈ SỐ T1)

Chỉ số CRI 2022 tiếp tục đánh giá tính lũy tiến của thuế bằng cách tập trung vào ba loại thuế chính tạo ra nguồn thu toàn cầu: thuế thu nhập cá nhân; thuế tiêu dùng như thuế GTGT hoặc thuế tiêu thụ tổng quát; và thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng các loại thuế này chiếm phần lớn nguồn thu thuế ở hầu hết các quốc gia, và do đó, có tác động đáng kể đến vấn đề bất bình đẳng. Tuy nhiên, CRI chưa xem xét toàn bộ hệ thống thuế, đặc biệt là loại trừ các loại thuế đánh mạnh vào người giàu như thuế tài sản ròng, thuế trên thặng dư vốn, thuế thừa kế và thuế nhà đất. Đánh giá này cũng không bao gồm các khoản thuế đối với khoản thu nhập bất thường đánh vào người giàu và các công ty mà IMF, OECD và các tổ chức khác đã khuyến nghị các quốc gia sử dụng trong quá trình ứng phó với COVID-19 (xem **Hộp 5**).

Hộp 5: Các loại thuế lũy tiến quan trọng khác - thuế tài sản, thuế đối với phần siêu thu nhập bất thường và thuế đoàn kết cộng đồng

252 nam giới sở hữu nhiều tài sản hơn 1 tỷ phụ nữ và trẻ em gái ở Châu Phi, Châu Mỹ Latinh và vùng Caribe. Tình trạng bất bình đẳng vô lý này là kết quả của một hệ thống kinh tế vô cùng bất bình đẳng, cho phép 1% người giàu nhất thế giới sở hữu lượng tài sản nhiều hơn gần 20 lần so với 50% người nghèo nhất kể từ năm 1995.¹¹⁶ Đánh thuế tài sản là một công cụ quan trọng để đảm bảo phân bổ nguồn lực bình đẳng hơn. Việc này có thể làm được (như đã thảo luận trong báo cáo CRI) thông qua các loại thuế đánh vào tài sản ròng, nhà đất, thặng dư vốn và tài sản thừa kế. Tuy nhiên, hầu hết các chính phủ không tận dụng tối đa thuế tài sản: ở hơn 100 quốc gia, chỉ có khoảng 4% nguồn thu đến từ thuế tài sản, so với 44% từ thuế tiêu dùng lũy thoái.¹¹⁷ Bất kỳ chính phủ nào muốn sử dụng thuế để giảm tình trạng bất bình đẳng cần phải tăng thuế tài sản.

Ngoài ra, khi giới tinh hoa toàn cầu tụ họp lần đầu tiên vào tháng 5/2022 tại Davos kể từ khi xảy ra đại dịch, họ có lý do để ăn mừng. Trong giai đoạn 2020 – 2021, tài sản của các tỷ phú đã tăng lên nhiều tương đương với 23 năm trước cộng lại, trong đó tài sản của 10 người giàu nhất thế giới đã tăng gấp đôi.

Trong khi hàng triệu người bị đẩy vào cảnh nghèo đói do giá lương thực tăng cao, 62 tỷ phú lương thực mới đã xuất hiện và các tập đoàn lớn đạt lợi nhuận kỷ lục.¹¹⁸ Đối với 1.000 công ty lớn nhất thế giới, lợi nhuận đã tăng gần 70% trong giai đoạn 2020-2021 so với thời kỳ trước đại dịch.¹¹⁹

Mức lợi nhuận cao chưa từng có của những người giàu nhất trong bối cảnh thế giới gặp quá nhiều biến động đã dẫn đến lời kêu gọi ngày càng cấp thiết cần áp dụng thuế đoàn kết đối với người giàu và thuế lợi tức phụ thu với các công ty, vốn cũng đã được các chính phủ sử dụng trong nhiều cuộc khủng hoảng trước đây. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF),¹²⁰ Liên Hợp Quốc (LHQ)¹²¹ và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)¹²² đều kêu gọi các chính phủ sử dụng những loại thuế này để hỗ trợ cho người dân trong và sau đại dịch.

Ngày càng nhiều chính phủ ban hành các loại thuế tài sản, thuế đoàn kết cộng đồng và thuế lợi tức phụ thu mới đối với các công ty năng lượng, đặc biệt là ở Mỹ Latinh (xem **Hộp 6**).¹²³ Các loại thuế đánh vào những người giàu nhất và những người có lợi nhuận cao nhất cần được áp dụng khẩn trương nếu các chính phủ nghiêm túc muốn hành động giảm bất bình đẳng.

CHỈ SỐ T1A: TÍNH LŨY TIẾN CỦA THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Chỉ số CRI 2022 tiếp tục tính toán tính lũy tiến của thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất và ngưỡng mà mỗi quốc gia sử dụng so với GDP bình quân đầu người.¹²⁴ Hầu hết các quốc gia có hệ thống thuế thu nhập cá nhân lũy tiến nhất trên lý thuyết vẫn là những quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp, dẫn đầu là Cộng hòa Trung Phi, Togo, Maldives và Pakistan. Ở đầu kia của bảng xếp hạng, 16 quốc gia (chủ yếu ở Đông Âu và Trung Á) có hệ thống “thuế phẳng” lũy thoái, tính cùng một tỷ lệ phần trăm cho tất cả người nộp thuế cho dù người giàu có khả năng nộp thuế cao hơn. Tuy nhiên, kể từ báo cáo CRI gần đây nhất, số quốc gia không có thuế TNCN đã giảm xuống còn 4 (Bahamas, Bahrain, Oman và Vanuatu) do Maldives đã áp dụng thuế thu nhập lũy tiến.

Trong giai đoạn 2020-2021, 21 quốc gia đã tăng mức đóng thuế TNCN trong khi 11 quốc gia cắt giảm thuế suất. **Bảng 3.2** liệt kê những quốc gia tăng và giảm thuế TNCN nhiều nhất. Angola, Costa Rica và New Zealand tăng nhiều nhất mức thuế với cá nhân có thu nhập cao, trong khi Armenia cắt giảm nhiều nhất, chuyển sang hệ thống thuế cố định, Barbados và Croatia cũng cắt giảm thuế mạnh. Hầu hết các quốc gia cắt giảm đã công bố từ trước COVID-19, trong khi các quốc gia tăng thuế công bố sau COVID-19, cho thấy mức độ chuyển đổi sau COVID-19 sang các chính sách lũy tiến hơn. Nhìn chung, mức trần thuế TNCN trung bình đã tăng nhanh hơn một chút so với báo cáo CRI 2020, tăng 0,2 điểm phần trăm so với 0,1 (và tăng 0,5 điểm phần trăm so với năm 2021).

Bảng 3.2: Mức thuế thu nhập với cá nhân có thu nhập cao – các quốc gia tăng và giảm thuế

10 quốc gia tăng thuế nhiều nhất, điểm phần trăm		10 quốc gia giảm thuế nhiều nhất, điểm phần trăm	
Maldives	+15	Armenia	-14
Costa Rica	+10	Barbados	-11,5
New Zealand	+8	Croatia	-7,1
Angola	+8		
Bhutan	+5	Sri Lanka	-6
Chile	+5		
Lithuania	+5	Thụy Điển	-5
Malawi	+5	Zimbabwe	-5
Nam Sudan	+5	Mali	-3
Thổ Nhĩ Kỳ	+5	Hà Lan	-2,25
Fiji	+5	Hy Lạp	-1

Hộp 6: Các chính sách thuế chống bất bình đẳng mới của Mỹ Latinh

Trên toàn cầu, phong trào hướng tới áp dụng các loại thuế lũy tiến hơn đều mang tính chấp vá, thiếu hệ thống, nhưng bức tranh có vẻ khả quan hơn ở Mỹ Latinh. Mỹ Latinh là khu vực bất bình đẳng nhất trên toàn thế giới về mức độ tập trung của cải, mức thu thuế vẫn còn thấp và nguồn thu thường không được sử dụng để cải thiện dịch vụ công. Kể từ năm 2020, các cuộc biểu tình rầm rộ đã diễn ra ở Chile và Ecuador chống lại các chính sách cải cách thuế làm gia tăng gánh nặng cho nhóm người nghèo nhất và tầng lớp trung lưu, trong khi đó lại bảo vệ quyền miễn thuế cho nhóm người giàu nhất và các tập đoàn lớn.¹²⁵ Kết quả là lần lượt vào năm 2020 và 2021, Chile và Costa Rica đã trở thành một trong những quốc gia tăng nhiều nhất mức thuế thu nhập với cá nhân có thu nhập cao, như trong **Bảng 3.2**. Quan trọng hơn, một loạt các chính phủ tiến bộ hơn đã được bầu ra trong khu vực và đang áp dụng các biện pháp táo bạo hơn để huy động nguồn thu từ thuế theo cách lũy tiến:

- Vào năm 2020, Chính phủ Argentina của ông Fernandez đã áp dụng thuế tài sản nộp một lần để bù đắp cho các khoản chi tiêu trong COVID-19, với thuế suất lũy tiến từ 2% đến 5,25%.¹²⁶ Năm 2021, chính phủ đã hủy bỏ ý định cắt giảm thuế TNDN từ 30% xuống 25% của người tiền nhiệm và áp dụng một hệ thống “phân cấp” trong đó các công ty nhỏ chỉ nộp 25% nhưng các công ty lớn hơn nộp tới 35%.¹²⁷ Năm 2022, chính phủ đang đề xuất áp dụng thuế lợi tức phụ thu đối với các công ty có lợi nhuận hơn 1 tỷ Peso do hậu quả của cuộc chiến tranh ở Ukraine.¹²⁸
- Chính phủ Bolivia của Tổng thống Arce đã áp dụng thuế tài sản cố định vào cuối năm 2020, với thuế suất lũy tiến từ 1,4% đến 2,4% đối với tài sản trên 4 triệu USD và thông báo hoàn 5% thuế GTGT cho những công dân nghèo nhất.¹²⁹
- Chính phủ Chile dưới sự lãnh đạo của ông Boric đã giới thiệu một dự luật cải cách thuế đề xuất áp dụng mức trần thuế TNCN mới ở mức cao nhất là 43%, tăng thuế trên thặng dư vốn để phù hợp với thuế thu nhập, áp dụng thuế tài sản từ 1-1,8% đối với tài sản lớn nhất và tăng thuế tài nguyên đối với các công ty khai thác đồng, nhằm tăng mức thu thuế thêm 4,1% GDP (hay 20% mức thuế hiện hành).¹³⁰

Bài học từ Mỹ Latinh rất rõ ràng: để tránh các cuộc biểu tình đang dần tăng lên, chính phủ các nước cần đảm bảo cải cách thuế đặt gánh nặng rõ ràng lên người giàu và các tập đoàn lớn, đồng thời nguồn thu từ thuế sẽ mang lại những cải thiện lớn trong việc cung cấp dịch vụ công.

CHỈ SỐ T1B: TÍNH LŨY TIẾN CỦA THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thường là một loại thuế lũy tiến được tính trên lợi nhuận. Phần lợi nhuận này nếu không đóng thuế thì sẽ được trả dưới dạng cổ tức hoặc lợi nhuận cho các chủ công ty tương đối giàu có. Các quốc gia có thuế suất TNDN cao nhất là Guyana (40%) và Argentina, Chad, Nhật Bản, Jordan, Malta và Zambia (tất cả đều ở mức 35%). Ở đầu kia của bảng xếp hạng, ba quốc gia (Bahamas, Bahrain và Vanuatu) tiếp tục không áp thuế TNDN¹³¹ và 11 quốc gia khác có thuế suất dưới 15%.

Xu hướng giảm thuế suất doanh nghiệp trung bình đã tăng lên đáng kể so với Báo cáo CRI 2020, với mức giảm 0,4 điểm phần trăm (so với 0,2 điểm phần trăm giữa CRI 2018 và 2020). Ít nhất 22 quốc gia đã giảm thuế suất, trong khi chỉ có 5 quốc gia tăng thuế suất. Bảng 3.3 cho thấy sự thay đổi của các quốc gia có mức cắt giảm lớn nhất (Tunisia, Hy Lạp, Angola, Philippines và Sierra Leone) cũng như các quốc gia tăng thuế. Kể từ ngày chốt dữ liệu để tính CRI 2022, Úc và Indonesia áp dụng mức cắt giảm lần lượt là 2% và 1%, và Thổ Nhĩ Kỳ đã loại bỏ 2% mức tăng “tạm thời” để tài trợ cho các hoạt động ứng phó với COVID-19.

Bảng 3.3: Thuế thu nhập doanh nghiệp – các quốc gia tăng và giảm thuế nhiều nhất

Các quốc gia tăng thuế nhiều nhất, tính theo điểm phần trăm		Các quốc gia giảm thuế nhiều nhất, tính theo điểm phần trăm	
Argentina	+5	Tunisia	-10
Uzbekistan	+3	Hy Lạp	-6
Thổ Nhĩ Kỳ	+3	Angola	-5
Nhật Bản	+1	Philippines	-5
Đức	+0,11	Sierra Leone	-5
		Bangladesh	-5
		Bỉ	-4,58
		CHDCND Lào	-4
		Sri Lanka	-4
		Indonesia	-3

Một thỏa thuận quốc tế giữa gần 140 quốc gia đã được thống nhất tại OECD vào tháng 10/2021 nhằm áp dụng mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu là 15%. Đây là bước đi đúng hướng nhưng vẫn chưa đủ, đặc biệt là đối với các nước thu nhập thấp, vì hai phần ba nguồn thu bổ sung sẽ do các nền kinh tế giàu có nắm giữ: Các quốc gia OECD có thể sẽ tăng nguồn thu từ thuế doanh nghiệp tới 19%, trong khi các quốc gia có thu nhập thấp chỉ tăng 1%. Đặc biệt, thỏa thuận về mức thuế tối thiểu 15% khó có thể giải quyết cuộc đua xuống đáy về thuế doanh nghiệp, vì chỉ có ba quốc gia không thuộc OECD có thuế suất TNDN 15% trở lên,¹³² và những kẻ hờ trong thỏa thuận này có thể cho phép các công ty tiếp tục nộp mức thuế dưới 15% trong nhiều trường hợp.¹³³

CHỈ SỐ T1C: TÍNH LŨY TIẾN CỦA THUẾ GTGT

Thuế GTGT thường là thuế lũy thoái, như vậy thuế suất càng cao thì càng gây ra bất bình đẳng. Tuy nhiên, khoảng 140 quốc gia đã thực hiện các biện pháp để giảm tác động lũy thoái của thuế GTGT bằng cách miễn thuế cho tất cả hoặc phần lớn các loại thực phẩm cơ bản mà người nghèo sử dụng, hoặc bằng cách áp dụng thuế suất thấp hơn đối với người nghèo (ở 127 nước), hoặc quy định ngưỡng doanh thu trả thuế cao để cho những người buôn bán nhỏ không phải nộp thuế GTGT hay tính thuế cho các khách hàng nghèo của họ (ở 60 nước). Đối với 40 quốc gia thực hiện cả hai biện pháp này, thuế GTGT có thể có tác động trung lập đến tình trạng bất bình đẳng, do đó, các quốc gia này được áp dụng thuế suất “điều chỉnh” bằng 0. Mặt khác, 22 quốc gia không có biện pháp nào để giảm thiểu tác động lũy thoái của thuế GTGT dù có thể áp dụng cả hai biện pháp này: sáu quốc gia (Đan Mạch, Hungary, Lithuania, Ukraine, Estonia và Bulgaria) - tăng thêm ba quốc gia so với năm 2020 - hiện có thuế suất trên 20% và không có biện pháp giảm thiểu thuế lũy thoái.

Thuế GTGT cũng rất hiệu quả trong việc thu ngân sách, đó là lý do tại sao loại thuế này trở nên phổ biến hơn trong những thập kỷ gần đây. Tuy nhiên, kể từ năm 2020, chỉ có Afghanistan và Oman còn áp dụng thuế GTGT. Mười sáu quốc gia khác trong chỉ số CRI tiếp tục áp dụng thuế tiêu thụ tổng quát hoặc thuế hàng hóa và dịch vụ.¹³⁴

Như trình bày trong **Bảng 3.4**, tương đối ít quốc gia áp dụng thuế GTGT hoặc thuế tiêu thụ theo hướng lũy thoái hoặc lũy tiến hơn kể từ Báo cáo CRI 2020. Chỉ có Trung Quốc và Jamaica giảm thuế suất GTGT, mặc dù có những cải cách thuế tiêu thụ lũy tiến ở Afghanistan và Bhutan, và Albania đã tăng mạnh ngưỡng doanh thu trả thuế. Mặt khác, Nhật Bản và Nigeria tăng thuế suất, Angola chấm dứt miễn thuế lương thực, năm quốc gia không tăng ngưỡng doanh thu trả thuế tương xứng với GDP và Oman áp dụng thuế GTGT ở ngưỡng thấp. Bốn quốc gia khác thay đổi thuế suất nhưng do miễn thuế lương thực và ngưỡng doanh thu trả thuế cao nên sẽ không làm tồi tệ hơn tình trạng bất bình đẳng. Nhìn chung, thuế suất trung bình toàn cầu mà CRI theo dõi đã giảm nhẹ từ 15,7% xuống 15,6%.

Bảng 3.4: Thuế GTGT: các diễn biến tích cực và tiêu cực chính trong giai đoạn 2020-2022

Giảm tính lũy thoái của thuế GTGT ¹³⁵		Tăng tính lũy thoái của thuế GTGT	
Bhutan	Thay thế nhiều loại thuế bằng thuế tiêu thụ tổng quát – miễn thuế cho thực phẩm và có ngưỡng doanh thu trả thuế cao (tháng 07/2022)	Angola	Chấm dứt miễn thuế cho thực phẩm
Albania	Tăng ngưỡng doanh thu trả thuế GTGT	Guyana, Serbia, Nam Phi, Tunisia, Ukraine	Thất bại trong việc tăng ngưỡng tương xứng với tốc độ tăng trưởng GDP
Jamaica	Giảm thuế suất thêm 1,5% và tăng ngưỡng		
Afghanistan	Chuyển từ thuế tiêu thụ sang thuế GTGT và tăng thuế suất thêm 8% nhưng miễn thuế cho thực phẩm và thiết lập ngưỡng cao	Nhật Bản	Tăng thuế suất thêm 2% (không tăng đối với thực phẩm)
Trung Quốc	Giảm thuế GTGT chung 3% và đánh thuế GTGT đối với thực phẩm	Oman	Áp dụng thuế GTGT 5% (miễn thuế cho thực phẩm nhưng ngưỡng doanh thu trả thuế thấp)
Tác động trung lập của biến động thuế GTGT			
Bahamas	Tăng thuế GTGT thêm 4,5% nhưng miễn thuế cho thực phẩm và đặt ngưỡng doanh thu trả thuế cao		
Botswana	Tăng thuế GTGT thêm 2% nhưng miễn thuế cho thực phẩm và đặt ngưỡng doanh thu trả thuế cao		
Nigeria	Tăng thuế GTGT thêm 2,5% nhưng tăng mạnh ngưỡng doanh thu trả thuế		
Sri Lanka	Giảm thuế suất từ 15% xuống 8% nhưng đã miễn thuế cho thực phẩm và đặt ngưỡng cao		

CHỈ SỐ T1D: CÁC THỰC HÀNH THUẾ CÓ HẠI

Một chỉ số tiêu cực trong CRI đánh giá mức độ một quốc gia áp dụng và thực hiện các thực hành thuế có hại (HTP), thu hút các tập đoàn kê khai lợi nhuận ở quốc gia mình và do đó làm xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và giảm khả năng giải quyết bất bình đẳng.¹³⁶

Chỉ số CRI đã có sự cải thiện tổng thể về điểm HTP so với năm 2020, trong đó 71 quốc gia cải thiện điểm HTP và 42 quốc gia có điểm xấu đi. Điểm trung bình đã cải thiện từ 1,7 lên 1,4 trên 9 và số quốc gia không có thực hành thuế có hại tăng từ 26 lên 29 quốc gia. Nhìn chung, Đặc khu hành chính Hồng Kông của Trung Quốc xếp cuối danh sách, tiếp theo là Barbados và Singapore, và 5 quốc gia thành viên EU (Cyprus, Ireland, Luxembourg, Malta và Hà Lan) nằm trong 10 quốc gia đứng cuối danh sách.

Tuy nhiên, xu hướng tích cực về điểm HTP này có thể không phản ánh việc giảm các thực hành thuế có hại trên toàn cầu. Nguyên nhân chủ yếu là do tiếp cận tốt hơn tới nguồn dữ liệu sẵn có và do tuân thủ một số tiêu chuẩn quốc tế vốn không còn hiệu quả để giảm tình trạng tránh thuế. Các chỉ số kinh tế phụ về HTP xác định mức tiền bản quyền, tiền lãi và cổ tức khi đến và/hoặc rời khỏi quốc gia, cho thấy ngày càng nhiều quốc gia có luồng tiền không cân đối so với GDP của họ, ví dụ: Luxembourg có mức cổ tức vào và ra vượt quá 150% GDP của đất nước. Đây là tín hiệu rõ ràng cho thấy các quốc gia đang áp dụng các thực hành thuế quyết liệt để thu hút lợi nhuận của các công ty, hoặc đưa lợi nhuận đến các trung tâm nước ngoài khác không nằm trong đánh giá của chỉ số HTP đang được OECD và EU sử dụng. Các nguồn dữ liệu cho thấy có lý do chính đáng để lo ngại rằng tình trạng trốn thuế của các công ty có sự gia tăng trong thời kỳ đại dịch.¹³⁷ Trong các kỳ báo cáo CRI trong tương lai, chúng tôi sẽ phát triển thêm chỉ số này để theo dõi

các thực hành có hại khác. Việc phát triển loại chỉ số này để theo dõi các thực hành thuế có hại mới hơn thậm chí còn quan trọng hơn trong khuôn khổ thỏa thuận do G20/OECD đi đầu nhằm thiết kế lại việc đánh thuế các tập đoàn lớn trong nền kinh tế số hóa (xem chỉ số phụ T1b ở trên).

THU THUẾ (CHỈ SỐ T2)

Chỉ số này xem xét “năng suất” thuế – là tỷ lệ phần trăm tiền thuế mà mỗi quốc gia đang thu được so với mức phải thu nếu thuế suất áp dụng cho tất cả các thành phần có liên quan của GDP. Do đó, chỉ số này phản ánh một số yếu tố của chính sách thuế (như miễn giảm và kẽ hở) cũng như mức độ thành công về mặt hành chính trong hoạt động thu thuế và giảm vấn đề tránh thuế ở từng quốc gia. Cách tính này được áp dụng cho ba loại thuế chính trên thế giới: Thuế TNDN, Thuế TNCN và Thuế GTGT.

Đại dịch COVID-19 khiến hiệu quả thu thuế trung bình trên toàn thế giới giảm mạnh trong giai đoạn 2020-2021. Tỷ lệ này giảm 6,3%, có nghĩa là nguồn thu thuế giảm nhiều hơn mức giảm của GDP. Điều này đặc biệt đúng đối với thuế GTGT và thuế tiêu thụ, với năng suất giảm 12%; và 7% đối với thuế TNDN, trong khi hiệu quả thu thuế TNCN nhìn chung vẫn giữ nguyên như thời kỳ trước COVID-19.

Tuy nhiên, việc giảm hiệu quả thu thuế có ảnh hưởng khác nhau đến các quốc gia, do đó, chỉ số này cho thấy những thay đổi lớn về điểm số và xếp hạng. Như trình bày trong Bảng 3.5, các quốc gia có mức giảm cao nhất là các quốc gia chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác ngoài COVID-19 – chẳng hạn như bất ổn chính trị ở Afghanistan, Guyana, Haiti và Lebanon; giá dầu giảm và khủng hoảng kinh tế ở Congo và Algeria; thiên tai ở Haiti. Các quốc gia phụ thuộc vào nguồn thu từ khách du lịch (như Fiji) cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Mặt khác, các quốc gia có mức tăng cao nhất chủ yếu phản ánh thực tế là có nhiều dữ liệu mới hơn thể hiện việc tăng thuế cho năm 2021 hoặc 2022 (Zimbabwe, Timor-Leste, Botswana, CHDC Congo, Eswatini, Barbados), hoặc năm được sử dụng để tính CRI 2020 là một trong những năm xảy ra suy thoái kinh tế trong nước (Zimbabwe, Timor-Leste) hoặc dữ liệu doanh thu cũ hơn trong CRI 2020 và do đó các mức tăng phản ánh nguồn thu tăng từ trước COVID-19 (Barbados, Cambodia). Bhutan là quốc gia duy nhất nằm trong số những quốc gia có mức tăng thuế cao nhất là nhờ vào các cải cách thuế dẫn đến sự gia tăng lớn về nguồn thu ngân sách (năm 2021).¹³⁸

Bảng 3.5: Năng suất thuế: Các quốc gia có mức tăng và giảm cao nhất

Các quốc gia có mức tăng cao nhất		Các quốc gia có mức giảm cao nhất	
Zimbabwe	+73%	Afghanistan	-69,6%
Burundi	+41%	Cộng hoà Congo	-64,0%
Timor-Leste	+35%	Lebanon	-60,3%
Bhutan	+30%	Haiti	-48,7%
Botswana	+24%	Fiji	-43,5%
CHDC Congo	+21,6%	Guyana	-43,3%
Eswatini	+20,1%	Sao Tome và Principe	-42,7%
Lithuania	+18,6%	Malawi	40,3%
Barbados	+18,3%	Bolivia	-34,8%
Cambodia	+18,3%	CH Yemen	-34,7%

TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ ĐẾN HỆ SỐ GINI - (CHỈ SỐ T3)

Chỉ số này vẫn giống như trong các báo cáo CRI trước đây, đo lường mức độ làm giảm hoặc tăng tình trạng bất bình đẳng của các chính sách và nguồn thu thuế của các quốc gia. Các quốc gia thu nhiều thuế GTGT và các loại thuế gián thu khác so với thuế trực thu, và không điều chỉnh thuế gián thu để có tác động trung lập đến bất bình đẳng (bằng cách miễn thuế cho những người buôn bán nhỏ và những sản phẩm tiêu dùng

cho những người có thu nhập thấp) sẽ có khả năng làm gia tăng bất bình đẳng. Mặt khác, các quốc gia thu phần lớn thuế thu nhập lũy tiến sẽ làm giảm tình trạng bất bình đẳng.

Nhìn chung, hệ thống thuế được cho là một phương tiện mạnh mẽ để giảm thiểu vấn đề bất bình đẳng, thu nhiều hơn từ những người có khả năng chi trả nhiều nhất. Tuy nhiên, trong thời kỳ đại dịch, các hệ thống thuế quốc gia tiếp tục có xu hướng lũy thoái nhẹ, làm gia tăng bất bình đẳng ở các quốc gia với tỷ lệ trung bình khoảng 1,5%. Chỉ có hệ thống thuế của 63 quốc gia làm giảm bất bình đẳng, trong khi 97 quốc gia làm tăng bất bình đẳng. Điều này cho thấy nhiều quốc gia phải phụ thuộc liên tục vào nguồn thu từ thuế GTGT và cũng phản ánh nguồn thu từ thuế thu nhập lũy tiến rất thấp ở các quốc gia này.

Như trong CRI của các năm trước, các hệ thống thuế tiếp tục giảm nhẹ tính lũy thoái, do các quốc gia áp dụng thuế TNCN lũy tiến hơn và hệ thống thuế GTGT ít lũy thoái hơn (xem chỉ số T1 ở trên), và thu thuế thu nhập lũy tiến ở mức cao hơn (xem chỉ số T2 ở trên). Ước tính ở báo cáo CRI năm nay, 96 quốc gia có chỉ số thuế ít lũy thoái hơn và 58 quốc gia có chỉ số thuế lũy thoái hơn, so với báo cáo CRI 2020.

Như trong **Bảng 3.6** dưới đây, các quốc gia có hệ thống thuế thu nhập làm giảm bất bình đẳng nhiều nhất là Ireland, Kenya, Tanzania, Lesotho và Argentina. Các quốc gia này có mức thu nhập rất khác nhau, cho thấy là các quốc gia từ giàu đến nghèo đều có thể sử dụng hệ thống thuế để giảm bất bình đẳng thành công. Mặt khác, các quốc gia có hệ thống thuế ít lũy tiến nhất là Serbia, Bulgaria, Bắc Macedonia, Moldova và Azerbaijan. Tất cả các quốc gia này đều có hệ thống thuế thu nhập áp dụng một thuế suất cố định cho tất cả các mức thu nhập hoặc chỉ chênh lệch 5-8 điểm phần trăm giữa thuế suất trần và sàn. Do đó, hầu như các quốc gia này gần như không hành động để đảm bảo những người nộp thuế giàu có nhất phải chịu gánh nặng thuế quốc gia cao hơn.

Bảng 3.6: Các quốc gia có tác động thuế lũy tiến và lũy thoái nhất

Các quốc gia giảm bất bình đẳng nhiều nhất			Các quốc gia tăng bất bình đẳng nhiều nhất		
	Thay đổi hệ số Gini	% thay đổi so với Gini trước thuế ¹³⁹		Thay đổi hệ số Gini	% thay đổi so với Gini trước thuế
Ireland	-0,0595	-12,9	Serbia	+0,1509	+31,5
Kenya	-0,0512	-8,5	Bulgaria	+0,1143	+21,2
Tanzania	-0,0431	-7,1	Bắc Macedonia	+0,1050	+24,4
Lesotho	-0,0423	-6,8	Moldova	+0,0733	+15,3
Argentina	-0,0405	-7,1	Azerbaijan	+0,0639	+13,3

4. GIẢI QUYẾT BẤT BÌNH ĐẲNG THÔNG QUA QUYỀN LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

GIỚI THIỆU

Đầu tiên, trụ cột lao động đánh giá ba khía cạnh của **chính sách quyền lao động** mà thông qua đó các chính phủ có thể giải quyết vấn đề bất bình đẳng: tôn trọng quyền lao động; bảo vệ pháp lý cho lao động nữ; và mức lương tối thiểu. Sau đó, trụ cột này xem xét **độ bao phủ quyền lao động** bằng cách theo dõi tỷ lệ dân số không được hưởng lợi hợp pháp từ các quyền này. Cuối cùng, lĩnh vực này phân tích các tác động (của các chính sách và mức độ bao phủ) đến sự bất bình đẳng về mức lương.

Dưới đây, chúng tôi xem xét chi tiết hơn từng lĩnh vực này, tập trung vào các xu hướng kể từ Báo cáo CRI 2020 và, nếu có thể, đào sâu vào tác động của COVID-19. Hầu hết các dữ liệu trong lĩnh vực lao động có từ thời kỳ hậu COVID-19: thông tin về các chính sách phần lớn từ năm 2022, phạm vi bao phủ và các chỉ số tác động từ năm 2021; tuy nhiên, chỉ số phụ về tôn trọng quyền lao động và công đoàn (L1a) vẫn không thay đổi do nguồn dữ liệu chưa được cập nhật.

TRỤ CỘT QUYỀN LAO ĐỘNG

Bảng 4.1 Xếp hạng chỉ số về quyền lao động

10 quốc gia đứng đầu		10 quốc gia đứng cuối	
Cộng Hòa Slovakia	1	Nigeria	161
Đan Mạch	2	Nam Sudan	160
Na-Uy	3	Cộng Hòa Trung Phi	159
Slovenia	4	Zimbabwe	158
Phần Lan	5	Burundi	157
Thụy Điển	6	Niger	156
Iceland	7	Guinea	155
Cộng hòa Séc	8	Uganda	154
Bỉ	9	Sierra Leone	153
Malta	10	Ethiopia	152

Tất cả các quốc gia đứng đầu đều là những quốc gia Châu Âu có thu nhập cao với chính sách tốt, tỷ lệ thất nghiệp và những công việc dễ bị tổn thương ở mức thấp, và tình trạng bất bình đẳng về lương ở mức thấp. Cộng hòa Slovakia đứng đầu, vươn lên từ vị trí thứ tư, do có những cải thiện nhỏ trên một vài chỉ số. Nhưng các báo cáo gần đây về việc thương lượng tập thể bị đình trệ đẩy lên những lo ngại (xem phần L1A). Xếp cuối là nhóm các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp ở châu Phi cận Sahara, với tỷ lệ những công việc dễ bị tổn thương ở mức cao và quyền lao động ở mức kém.

Bảng 4.2 cho thấy những biến động lớn kể từ báo cáo CRI 2020. Tajikistan đứng đầu danh sách các nước có sự tiến bộ, chủ yếu do tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương giảm nhiều. Moldova và Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đều đã tăng hạng để trở thành hai quốc gia có thu nhập trung bình thấp có kết quả tốt nhất. Moldova đã có những cải thiện về quyền của phụ nữ thông qua đạo luật mới quy định rõ ràng hơn về hành vi hiếp dâm trong hôn nhân, ban hành chế độ nghỉ thai sản cho nam giới và tăng ngày nghỉ nuôi con, cũng như giảm đáng kể tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương. Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đã cải thiện đáng kể mức lương tối thiểu. Một số quốc gia đã chuyển dịch từ tình trạng "tệ" sang "không quá tệ": Ví dụ, Ai Cập là nước đã tăng từ vị trí 148 lên vị trí 76, bằng cách mở rộng độ bao phủ của mức lương tối thiểu ở khu vực công ra toàn bộ nền kinh tế; Cambodia đã tăng từ vị trí 114 lên vị trí 101 do tình trạng bất bình đẳng tiền lương được cải thiện; và Haiti từ vị trí 149 lên 136 nhờ ban hành đạo luật mới về chống quấy rối tình dục.

Bảng 4.2. Các quốc gia có mức tăng và giảm lớn nhất về chỉ số lao động

Các quốc gia tăng hạng		Các quốc gia tụt hạng	
Tajikistan	+29	Lesotho	-27
Ai Cập, Cộng Hòa Ả Rập	+28	Botswana	-23
Jordan	+28	Honduras	-23
Bahamas	+25	Nam Phi	-23
Barbados	+24	Zimbabwe	-23
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	+20	Cộng hòa Dân chủ Congo	-22
Quần Đảo Solomon	+20	Cabo Verde	-21
Moldova	+16	Costa Rica	-21
Cambodia	+14	Argentina	-20
Haiti	+14	Bulgaria	-20

Các nước tụt hạng phần lớn là do có sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp, việc làm dễ bị tổn thương và bất bình đẳng trong thu nhập - hậu quả của đại dịch và khủng hoảng kinh tế - chứ không phải là các động thái thụ lùi về chính sách. Trong số này có thể kể đến một nhóm các quốc gia gồm Nam Phi, Honduras, Cabo Verde, Costa Rica, Argentina và Bulgaria.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG – L1

Bảng 4.3 cho thấy thứ hạng của các quốc gia trong chỉ số về chính sách lao động. Trong số 10 quốc gia xếp cuối, có sáu quốc gia cũng xếp cuối trong Chỉ số CRI 2020 - Uzbekistan, Nigeria, Belarus, Trung Quốc, Bangladesh và Oman.

Bảng 4.3. Chỉ số về chính sách lao động: các quốc gia đứng đầu và đứng cuối

10 quốc gia đứng đầu		10 quốc gia đứng cuối	
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng ¹⁴⁰	1	Tonga	161
Mozambique	2	Uzbekistan	0
Liberia	3	Nigeria	159
Kiribati	4	Iran	158
Timor-Leste	5	Belarus	157
Chad	6	Trung Quốc	156
Cộng Hòa Slovakia	7	Bangladesh	155
Đan Mạch	8	Tuvalu	154
Slovenia	9	Oman	153
Togo	10	Botswana	152

10 quốc gia đứng cuối cũng bao gồm ba trong số bốn quốc gia mới được đưa vào đánh giá Chỉ số: Tonga, Iran và Tuvalu. Iran có điểm số thấp nhất từ trước đến nay về quyền công đoàn và quyền lao động (vì các tổ chức công đoàn độc lập bị cấm), và bị đánh giá rất thấp về việc bảo vệ quyền hợp pháp của phụ nữ. Tonga và Tuvalu đều nhận số điểm khá tệ trong việc bảo vệ quyền phụ nữ.

10 quốc gia đứng đầu có một số gương mặt mới và cũ. Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng (được đề cập ở trên) đứng đầu và cũng mới lọt vào danh sách 10 quốc gia đứng đầu. Xếp ở thứ hạng tương tự lần trước, Mozambique đã làm tốt công việc chỉ đạo chính sách khi có các bộ luật tiến bộ "trên giấy tờ", ngay cả khi những bộ luật này dành trong thực tế bao phủ rất ít người lao động (do người lao động dễ bị tổn thương ở mức cao). Liberia đã tăng 4 bậc nhờ bộ luật về chống quấy rối tình dục mới của nước này. Cộng hòa Slovakia và Slovenia đều đã tăng mức lương tối thiểu lên đáng kể. Kiribati, quốc gia mới còn lại, lọt vào danh sách 10 quốc gia đứng đầu, đã có những hoạt động tốt về mặt chính sách lao động.

NHỮNG QUỐC GIA TĂNG HẠNG VÀ TỤT HẠNG

Trong số các quốc gia tăng hạng, Barbados nổi bật với việc ban hành một loạt các biện pháp mới để bảo vệ phụ nữ tại nơi làm việc - đưa ra các đạo luật mới về trả lương bình đẳng, chống quấy rối tình dục và hiếp dâm. Các quốc gia khác đã đưa ra những thay đổi ít toàn diện hơn: Nepal đã kéo dài thời gian nghỉ thai sản

cho lao động nữ và ban hành chế độ nghỉ thai sản cho nam giới; Samoa và Cộng hòa Trung Phi đưa ra mức lương tối thiểu mới; Angola, Haiti và Jamaica đưa ra bộ luật mới về chống quấy rối tình dục.¹⁴¹

Ở thái cực khác, hầu hết các quốc gia tụt hạng là do chỉ số đánh giá mức lương tối thiểu. Tại Guyana, CHDC Congo, Mauritania, Zambia, Bờ Biển Ngà và Yemen, mức lương tối thiểu đã không tăng trong vài năm và không theo kịp tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người. Tại Paraguay, mức lương tối thiểu đã giảm để phản ánh những đối tượng lao động nhận mức lương thấp nhất (công nhân trang trại chăn nuôi gia súc) và Ấn Độ đã được phân loại lại là quốc gia không có mức lương tối thiểu (xem LIC bên dưới).

Bảng 4.4. Những quốc gia tăng và tụt hạng trong chỉ số về chính sách lao động

Những quốc gia tăng hạng		Những quốc gia tụt hạng	
Barbados	+69	Paraguay	-42
Samoa	+64	Guyana	-38
Bahamas	+46	Thổ Nhĩ Kỳ	-22
Cộng hòa Trung Phi	+39	Cộng hòa Dân chủ Congo	-21
Nepal	+35	Mauritania	-20
Haiti	+28	Ấn Độ	-19
Jamaica	+28	Zambia	-18
St. Lucia	+27	Bờ Biển Ngà	-17
Angola	+26	Cộng hòa Yemen	-17
Uruguay	+26	Brazil	-17

L1A. QUYỀN LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CÔNG ĐOÀN

Chỉ số này chỉ ra những gì chính phủ đang làm để hỗ trợ quyền của người lao động và công đoàn thông qua luật pháp và việc thực thi. Điều này chưa được cập nhật bởi Đại học Bang Pennsylvania, vì vậy không có xu hướng nào được phân tích.¹⁴² Do không có dữ liệu mới, chỉ số này không phản ánh những bước phát triển mới nhất. Tuy nhiên, ITUC đã ghi nhận sự gia tăng về vấn đề đàn áp quyền của người lao động kể từ COVID-19, và một số quốc gia vốn nhận đánh giá thấp về mặt chính sách vẫn đang tiếp tục đàn áp quyền của người lao động, cụ thể là Bangladesh và Belarus (xem **Hộp 7**). Ở các quốc gia khác, tình trạng này kéo dài liên tục sẽ khiến quốc gia bị trừ nhiều điểm trong các cam kết chính sách đối với quyền của người lao động: ở Brazil, cải cách về lao động được thông qua gần đây đã làm giảm nguồn tài chính công đoàn,¹⁴³ và ITUC lưu ý rằng tình hình của người lao động ở Brazil tiếp tục trở nên tồi tệ hơn kể từ khi luật lao động mới được thông qua vào năm 2017, và giờ đây, toàn bộ hệ thống thương lượng tập thể đã sụp đổ.¹⁴⁴

Ngay cả quốc gia đứng đầu danh sách của chúng tôi về chỉ số lao động, Cộng hòa Slovakia, cũng đã tạm dừng các cuộc đàm phán ba bên do COVID-19,¹⁴⁵ và do đó, có thể đạt điểm thấp hơn nếu dùng số liệu cập nhật.

Hộp 7: Chỉ số Quyền Lao động Toàn cầu của ITUC
Sau đây là các phát hiện chính trong Báo cáo Chỉ số Quyền toàn cầu của ITUC năm 2021, xếp hạng 149 quốc gia về mức độ tôn trọng đối với quyền công đoàn: ☐ 87% các quốc gia vi phạm quyền đình công ☐ 79% các quốc gia vi phạm quyền thương lượng tập thể ☐ 74% các quốc gia loại bỏ quyền thành lập và gia nhập công đoàn của người lao động ☐ Số quốc gia cản trở việc đăng ký công đoàn đã tăng từ 89 vào năm 2020 lên 109 vào năm 2021. Những quốc gia đứng đầu và đứng cuối trong Chỉ số ITUC 2021 được nêu bên dưới, cùng với số điểm thấp nhất và cao nhất từ Báo cáo Chỉ số năm 2018 của Đại học Bang Pennsylvania (PSU) (được sử dụng trong Chỉ số CRI 2020). Mặc dù không thể so sánh trực tiếp nhưng nó cung cấp cái nhìn sơ bộ về một số thay

đổi quan trọng nhất. Dưới đây cũng là những xu hướng quan trọng ở các quốc gia được đánh giá trong Chỉ số CRI :

- ❑ Các quốc gia sau đây được phân loại là "không đảm bảo quyền do pháp quyền bị vô hiệu hóa": Cộng hòa Trung Phi, Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng, Nam Sudan và Yemen.
- ❑ Các quốc gia cải thiện xếp hạng: Hy Lạp, Bolivia, Mexico, Bắc Macedonia và Panama.
- ❑ Các quốc gia tụt hạng: Togo, Myanmar, Haiti, Jordan, Malaysia, El Salvador, Hungary, Bỉ, Canada và Slovakia.
- ❑ Quyền lao động bị hủy bỏ do các bộ luật áp chế mới: Honduras, Ấn Độ, Indonesia, Slovakia và Uruguay.

Điểm Chỉ số Toàn cầu năm 2021 của ITUC		Điểm Chỉ số Quyền Công đoàn năm 2018 của PSU	
Những nơi có quyền công đoàn tụt nhất vào năm 2021	Bangladesh, Belarus, Brazil, Ai Cập, Honduras, Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ, Zimbabwe, Myanmar	Điểm đánh giá thấp nhất từ trước đến nay	Belarus, Trung Quốc, Djibouti, Ai Cập, Iran, CHDCND Lào, Uzbekistan
Xếp hạng 1 (xếp hạng "tốt nhất" = hiếm khi vi phạm quyền lao động) ¹	Áo, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Iceland, Ireland, Ý, Hà Lan, Na-Uy, Thụy Điển, Uruguay	10 quốc gia đứng đầu	Iceland, Na-Uy, Cộng hòa Slovakia, Cyprus, Luxembourg, Ireland, Slovenia, Áo, Cabo Verde, Thụy Điển

¹ Quyền lao động tập thể thường được đảm bảo. Các công nhân có quyền tự do lập hội và cùng chính phủ và/hoặc công ty bảo vệ quyền của họ, và có thể cải thiện điều kiện làm việc của họ thông qua thương lượng tập thể. Việc vi phạm quyền không phải là không có nhưng hiếm khi xảy ra.

L1B. QUYỀN PHỤ NỮ

Chỉ số này cho điểm các quốc gia dựa trên việc họ có ban hành luật về trả công bình đẳng cho các công việc như nhau, chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc và bảo vệ người lao động khỏi hành vi hiếp dâm và quấy rối tình dục hay không. Chỉ số cũng đánh giá thời gian và mức lương trả theo luật định để khuyến khích cha và mẹ đều được nghỉ nuôi con.

Điểm số về pháp luật bảo vệ quyền phụ nữ đã cải thiện đáng kể kể từ báo cáo CRI gần đây nhất. Trong một số trường hợp, điều này phản ánh những thay đổi mới về luật pháp, mặt khác, nó cũng phản ánh mối quan tâm lớn hơn và sự tham gia cùng chính phủ để làm rõ khuôn khổ pháp lý, dẫn đến điểm số tích cực hơn trong đánh giá của chúng tôi.¹⁴⁶

Nhờ những cải tiến về chính sách và thông tin, điều đáng mừng là:

- ❑ Chỉ có bảy quốc gia không có luật quy định về trả lương bình đẳng và chống phân biệt đối xử trong công tác tuyển dụng: 145 quốc gia có luật quy định trả lương bình đẳng và 154 quốc gia có luật về không phân biệt đối xử.
- ❑ 137 quốc gia có luật chống quấy rối tình dục, với bảy quốc gia đã ban hành luật mới kể từ báo cáo CRI gần đây nhất và hai quốc gia khác hiện có luật đang được quốc hội thông qua. Chỉ có 22 quốc gia không có luật quy định.

Sau khi xếp những quốc gia không có luật liên quan vào nhóm ngoài cuộc, vấn đề quan trọng hiện nay là việc thực thi những luật đó. Vấn đề chênh lệch mức lương giữa hai giới đang diễn ra ở các quốc gia vốn đã có chính sách trả lương bình đẳng và không phân biệt đối xử từ hàng thập kỷ nay (và tỉ lệ quấy rối tình dục không bị khởi tố vẫn ở mức cao) cho thấy việc thực thi luật rất phức tạp.

Mặt khác, hầu như không có tiến bộ trong việc cải thiện luật chống hiếp dâm trong những năm gần đây. Tổng cộng có 91 quốc gia có luật chống hiếp dâm "hiệu quả" (mặc dù nhiều quốc gia vẫn yêu cầu nạn nhân chứng

minh có hành vi bạo lực thay vì xác định hành vi hiếp dâm dựa trên không có sự đồng thuận), nhưng có tới 70 quốc gia chưa có luật pháp thỏa đáng để loại bỏ hành vi hiếp dâm trong hôn nhân hoặc cho phép kẻ hiếp dâm không bị truy tố bằng cách kết hôn với nạn nhân. Cần phải có nhiều tiến triển hơn nữa trong công tác cải thiện luật, cũng như tập trung vào việc nâng cao tỷ lệ báo án và kết án.

Quốc gia thăng hạng đáng chú ý nhất là Barbados, đã ban hành đạo luật không phân biệt đối xử, trả lương bình đẳng và cải thiện luật chống hiếp dâm kể từ năm 2019. Ngược lại, thứ hạng của Afghanistan đã giảm, vì quyền phụ nữ đã bị ảnh hưởng dưới thời Taliban. Các báo cáo cho rằng phụ nữ hiện bị hạn chế làm việc bên ngoài,¹⁴⁷ và đạo luật Sharia đã được ban hành trở lại, đồng nghĩa với việc điều luật quy định về vấn đề hiếp dâm hoàn toàn không thỏa đáng.

Chính sách nghỉ thai sản đã được cải thiện mạnh mẽ kể từ khi công bố báo cáo CRI 2020. Chế độ nghỉ thai sản cho nam giới và/hoặc nghỉ nuôi con đã được ban hành hoặc cải thiện ở 17 quốc gia, và sáu quốc gia đã áp dụng hoặc tăng thời gian nghỉ thai sản cho nữ giới. Điều này đã được thúc đẩy bởi một số quốc gia (Hy Lạp, Bỉ, Luxembourg, Malta và Moldova) ban hành hoặc tăng ngày nghỉ thai sản cho nam giới để phù hợp với chỉ thị "cân bằng giữa công việc và cuộc sống" của EU.¹⁴⁸ Đáng thất vọng là vẫn có bốn quốc gia (Lesotho, Papua New Guinea, Tonga và Hoa Kỳ) tiếp tục từ chối chính sách nghỉ chăm con có lương, và 58 quốc gia vẫn chưa tham gia công ước của ILO về thời gian nghỉ thai sản tối thiểu 14 tuần cho lao động nữ.¹⁴⁹

L1C. MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CÔNG BẰNG

Chỉ số này đánh giá độ thỏa đáng tương đối của mức lương tối thiểu do chính phủ (hoặc công đoàn và tổ chức sử dụng lao động) đặt ra, bằng cách đo lường mức lương tối thiểu theo tỷ lệ GDP bình quân đầu người - vừa để đo lường mức lương này so với thu nhập trung bình, vừa để phản ánh tỷ trọng thu nhập của lao động trong GDP (xem **Hộp 8**).

Bảng 4.5. Các quốc gia không có mức lương tối thiểu toàn quốc

Bahrain	Oman
Cambodia	Singapore
Ethiopia	Nam Sudan
Ấn Độ	St. Lucia
Jordan	Tonga
Lebanon	Tuvalu

Kể từ Chỉ số năm 2020, 116 nước đã cập nhật mức lương tối thiểu quốc gia của họ và nhìn chung, tỷ lệ này tồn tại ở 93% các quốc gia. Chỉ có 12 nước không có mức lương tối thiểu quốc gia. Một số trong đó có mức lương từng phần nhưng không bao gồm một số nhóm lao động nhất định - thường là người lao động có nguy cơ bị trả lương thấp nhất. Ví dụ, ở Jordan, mức lương tối thiểu không bao gồm người giúp việc gia đình. Tại các hệ thống khác, chúng được quy định theo từng khu vực, chẳng hạn như ở Ấn Độ, nơi mức lương liên bang không bao phủ tất cả các bang¹⁵⁰ và có một mạng lưới quy định mức lương tối thiểu phức tạp, khiến 1/3 công nhân không được hưởng mức lương tối thiểu.¹⁵¹

Bảng 4.6. Mức lương tối thiểu theo % GDP - 10 quốc gia đứng đầu và 10 quốc gia đứng cuối

10 quốc gia đứng đầu		10 quốc gia đứng cuối	
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	196%	Eswatini	16%
Mozambique	154%	Guyana	15%
Chad	144%	Botswana	15%
Liberia	141%	Kazakhstan	15%
Cộng hòa Dân chủ Congo	141%	Bangladesh	9%
Afghanistan	141%	Burundi	5%
Guinea-Bissau	139%	Zimbabwe	4%

Madagascar	130%	Rwanda	3%
Honduras	121%	Georgia	1%
Vanuatu	121%	Uganda	0% ¹⁵²

Sự thỏa đáng trong mức lương đóng vai trò rất quan trọng trong việc giảm bất bình đẳng. Một số quốc gia châu Âu đã tăng mức lương của họ để phù hợp với chỉ thị mới về "mức sống đảm bảo" của EU - trong đó đưa ra hướng dẫn là 60% mức lương trung bình và 50% mức lương bình quân.¹⁵³ Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng có mức lương tối thiểu bình quân đầu người cao nhất trong báo cáo CRI, và đã nâng mức lương này lên đáng kể từ năm 2020. Trong một số trường hợp, điều này cũng có thể phản ánh GDP bình quân đầu người đang ở mức thấp tại một số quốc gia thuộc top 10 và có thể chỉ áp dụng cho lao động chính thức, nhưng các quốc gia này lại đặt ra mức lương tối thiểu cao. Ở khía cạnh khác, nhiều quốc gia đã không tăng lương theo mức tăng GDP bình quân đầu người, và lấy đại dịch như một cái cớ để giữ nguyên tiền lương tối thiểu trong năm 2020 và thậm chí cả năm 2021.¹⁵⁴ Nhìn chung, mức lương tối thiểu trung bình trên toàn cầu đã giảm từ 51% xuống 47% GDP bình quân đầu người trong giai đoạn 2019-2022 - và có rất nhiều mức lương khác nhau (xem danh sách 10 quốc gia đứng đầu và 10 quốc gia đứng cuối trong **Bảng 4.6**).

MỨC ĐỘ BAO PHỦ QUYỀN LAO ĐỘNG - L2

Chỉ số này đo lường tỷ lệ dân số không được đảm bảo quyền lao động - bao gồm cả lao động không có việc làm và lao động dễ bị tổn thương¹⁵⁵ không có hợp đồng lao động chính thức.

10 quốc gia đứng cuối là các quốc gia châu Phi cận Sahara có tỷ lệ lao động dễ bị tổn thương ở mức rất cao - một số quốc gia xếp hạng thấp nhất có các chính sách tương đối tốt nhưng chỉ áp dụng cho một phần nhỏ lực lượng lao động.

Bảng 4.7. Chỉ số về mức độ bao phủ quyền lao động: các quốc gia xếp hạng đầu và cuối; % không được bảo đảm quyền lao động

L2. 10 quốc gia đứng đầu		% không được bảo đảm	L2. 10 quốc gia đứng cuối		% không được bảo đảm
Belarus	1	7,5	Niger	161	94,4
Đức	2	7,8	Cộng hòa Trung Phi	160	94
Na-Uy	3	8,5	Guinea	159	91,8
Hoa Kỳ	4	9,5	Nam Sudan	158	91,3
Đan Mạch	5	9,8	Chad	157	90,8
Liên bang Nga	6	9,9	Sierra Leone	156	88,7
Nhật Bản	7	10,7	Benin	155	88,6
Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	8	10,9	Burundi	154	87,2
Luxembourg	9	11,3	Burkina Faso	153	87,1
Singapore	10	11,8	Ethiopia	152	85,7

Tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19: hiện tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu là 6,2%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ trước đại dịch là 5,4%.¹⁵⁶ Tại khắp các quốc gia trong báo cáo CRI, tỷ lệ thất nghiệp cũng tăng lên - từ 6,9% vào năm 2020 lên trung bình 8,2%. Có một vài sự gia tăng đột biến ở một số quốc gia. Ví dụ, Cộng hòa Congo chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 9% lên 23%. Ở Nam Phi, tỷ lệ thất nghiệp trước COVID-19 cao nhất trong báo cáo CRI vẫn đang tăng thêm - một phần ba dân số của quốc gia này không có việc làm. Sự chuyển hạng của các quốc gia phần lớn là do tỷ lệ thất nghiệp tăng mạnh; ví dụ tỷ lệ thất nghiệp của Panama tăng gấp ba lần lên 12% và của Lebanon tăng từ 6% lên 14%.

Bên cạnh đó, nhìn chung tỷ lệ người lao động dễ bị tổn thương trung bình đã giảm nhẹ từ 37,3% xuống 36,5%. Một số quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề trước sự gia tăng mạnh về tính dễ bị tổn thương của người lao động. Ví dụ, Lesotho đã chứng kiến các con số gia tăng chóng mặt - từ 16% lên 52% - khiến quốc gia này tụt hạng nhiều nhất trong chỉ số này. Ngành công nghiệp may mặc đã sụp đổ sau đại dịch, kéo theo rất nhiều người bị mất công việc chính thức.¹⁵⁷

Bảng 4.8. Chỉ số về mức độ bao phủ quyền lao động: những quốc gia xuống hạng và tăng hạng nhiều nhất

10 quốc gia tăng hạng nhiều nhất	Số vị trí thay đổi	10 quốc gia xuống hạng nhiều nhất	Thứ bậc thay đổi
Tajikistan	35	Lesotho	-49
Moldova	29	Panama	-24
Fiji	24	Lebanon	-20
St. Lucia	15	Djibouti	-18
Romania	13	Guinea-Bissau	-18
Cyprus	11	Sao Tome và Principe	-16
Singapore	11	Kenya	-14
Armenia	8	Paraguay	-13
Hy Lạp	8	Botswana	-13
Guatemala	8	Costa Rica	-13

Ở khía cạnh khác (và tích cực hơn), Tajikistan đang gặt hái được những lợi ích từ việc chính phủ quyết tâm tập trung tăng số lượng việc làm chính thức – thông qua việc mở rộng và điều tiết khu vực dịch vụ cũng như xuất khẩu nhôm và bông.¹⁵⁸ Điều tương tự cũng đang xảy ra ở Moldova, nhờ chính phủ quyết tâm hành động.¹⁵⁹ Kết quả là cả hai đều tăng hạng.

Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng, hoặc một số thay đổi quan sát được về tỷ lệ dễ bị tổn thương, không thể hiện hết các tác động của COVID-19, vì nhiều người rời bỏ lực lượng lao động đã không quay lại, và thậm chí nhiều người còn bị giảm giờ làm. Trong số các quốc gia thành viên của OECD, tỷ lệ “lao động thiếu hụt” đang tăng nhanh và với số lượng lớn – vào giữa năm 2021, thêm 14 triệu người đăng ký trạng thái không hoạt động, so với chỉ thêm 8 triệu người thất nghiệp.¹⁶⁰ Người nghèo tiếp tục là những người chịu ảnh hưởng nặng nề nhất; ví dụ như ở Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, những người lao động nghèo nhất bị mất việc làm và gia tăng tỷ lệ ngừng hoạt động, trong khi những công việc mang lại thu nhập cao hơn hầu như không bị ảnh hưởng. Không thể phủ nhận rằng những người không có quyền lao động chính thức đã bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi COVID-19 – đặc biệt là những người lao động khu vực phi chính thức dễ bị tổn thương nhất, cho thấy sự cấp thiết cần phải mở rộng phạm vi của quyền lao động. Nếu không có nỗ lực phối hợp để ngăn chặn những xu hướng này, bất bình đẳng sẽ trở nên trầm trọng hơn.

ĐO LƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN TIỀN LƯƠNG THEO HỆ SỐ GINI -L3

Chỉ số cuối cùng này nhằm mục đích đo lường xem các chính sách lao động chống bất bình đẳng và mức độ bao phủ có đang làm giảm vấn đề bất bình đẳng về thu nhập tiền lương, giúp thu hẹp khoảng cách về tiền lương trước thuế giữa người giàu và người nghèo hay không.

Đối với điều này, chúng tôi sử dụng ước tính của ILO đối với hệ số Gini cho tiền lương, hệ số này đo lường sự bất bình đẳng trên thị trường lao động (một phần do các chính sách và phạm vi bao phủ ở trên, nhưng cũng do các yếu tố thị trường). Hệ số này hoạt động giống như hệ số Gini cho thu nhập, tức là từ 0 đến 1, hệ số càng cao thì mức lương giữa các mức thu nhập càng không bình đẳng.

Bảng 4.9. Chỉ số lao động đo lường tác động đối với bất bình đẳng tiền lương

10 quốc gia đứng đầu		Hệ số Gini đối với tiền lương	10 quốc gia đứng cuối		Hệ số Gini đối với tiền lương
Jordan	1	0,22	Liberia	157 ¹⁶¹	0,84
Cộng Hòa Slovakia	2	0,24	Niger	156	0,84
Myanmar	3	0,26	Cộng hòa Trung Phi	155	0,82
Phần Lan	4	0,28	Zimbabwe	154	0,82
Cộng hòa Séc	5	0,28	Cộng hòa Congo Dân chủ	153	0,81
Bỉ	6	0,29	Chad	152	0,8
Slovenia	7	0,29	Uganda	151	0,8
Đan Mạch	8	0,29	Bờ Biển Ngà	150	0,78

Malta	9	0,3	Nam Sudan	149	0,76
Thụy Điển	10	0,3	Guinea	148	0,76

Những quốc gia xếp cuối trong bảng xếp hạng này đều có hệ số trong khoảng 0,8–0,7 (tức là mức độ bất bình đẳng tiền lương rất cao). Hầu hết là các nước châu Phi cận Sahara; điều này phản ánh tỷ lệ rất cao người lao động dễ bị tổn thương và lao động phi chính thức, sự thất bại trong thực thi quyền lao động ngay cả trong khu vực chính thức. Chính phủ các nước sẽ hầu như không thể giảm mức độ bất bình đẳng cao do thị trường tạo ra nếu không có các chính sách chỉ dẫn hành động mạnh mẽ nhằm giảm việc làm phi chính thức và dễ bị tổn thương, cũng như để thực thi pháp luật về tiền lương tối thiểu. Mặt khác, mức tiền lương bình đẳng hơn ở các quốc gia thành viên của OECD, nơi mà tỉ lệ việc làm dễ bị tổn thương và phi chính thức thấp hơn nhiều, và quyền lao động được thực thi mạnh mẽ hơn trong khu vực chính thức.

Hộp 8: Tỷ trọng thu nhập quốc dân của lao động và bất bình đẳng

Đã có sự thay đổi đều đặn về cách thức phân bổ thu nhập quốc dân trong 30 năm qua, không theo các yếu tố lao động (tiền công, tiền lương và phúc lợi) mà theo các yếu tố vốn (cổ tức, tiền lãi và lợi nhuận). Điều này có tác động đến bất bình đẳng, vì thu nhập từ vốn đưa đến chênh lệch về lợi ích cho những người giàu hơn. Dữ liệu cho thấy tỷ trọng vốn cao hơn có liên quan đến bất bình đẳng thu nhập cao hơn.¹⁶²

Rất khó để có được một bức tranh xuyên quốc gia theo thời gian, nhưng hầu hết các nghiên cứu đều đồng ý rằng xu hướng chung là người lao động đang bị cắt đi một phần đáng kể trong miếng bánh lợi ích. Xu hướng toàn cầu này chủ yếu được thúc đẩy bởi các quốc gia giàu hơn – gần như tất cả các quốc gia thành viên của OECD đều chứng kiến lợi ích của người lao động giảm kể từ những năm 1990.¹⁶³ Nhưng điều này không chỉ giới hạn ở các quốc gia giàu có hơn. Một nghiên cứu được thực hiện cho 151 quốc gia, được rút ra từ các nhóm thu nhập của các quốc gia, cho thấy lợi ích của người lao động nói chung giảm, với hai phần ba số quốc gia nhận thấy lợi ích của lao động giảm từ năm 1990 đến năm 2010.¹⁶⁴ ILO cũng đang theo dõi những xu hướng này như một phần của quá trình giám sát SDG với mục tiêu giảm bất bình đẳng cực đoan – với dữ liệu có sẵn cho 189 quốc gia từ năm 2004 đến năm 2019. Dữ liệu của họ cho thấy, trên toàn cầu, con số này đã giảm từ khoảng 57% xuống còn 52% trong giai đoạn đó. Châu Âu và Bắc Mỹ phần lớn là nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm nói chung, nhưng khoảng một nửa số quốc gia cũng đã chứng kiến sự sụt giảm.¹⁶⁵

Vẫn chưa có số liệu phân tích sau COVID-19, nhưng bằng chứng ban đầu cho thấy sự gia tăng của các xu hướng trước đó – ít nhất là các quốc gia giàu có. Chắc chắn, ở các quốc gia giàu có, tư bản dường như đang chiếm một phần thậm chí còn lớn hơn nhiều trong miếng bánh lợi ích, sau sự sụt giảm nhẹ trong thời kỳ phong tỏa năm 2020 khi lợi ích tư bản giảm mạnh do GDP giảm nhưng tiền lương vẫn tiếp tục được trả (thường là do chính phủ trợ cấp).¹⁶⁶ Điều này diễn ra theo mô hình quan sát được từ các cú sốc kinh tế gần đây: lợi ích tư bản tạm thời giảm, trước khi các xu hướng tái định hình và tỉ trọng GDP dành cho lao động giảm hơn nữa.¹⁶⁷ Điều này cũng phù hợp với việc mức lương tối thiểu giảm mạnh tính theo tỷ lệ phần trăm GDP bình quân đầu người (được theo dõi bởi chỉ số LIC ở trên, nhằm mục đích cho thấy lựa chọn về chính sách mà các chính phủ có thể thực hiện để ngăn tỉ trọng lợi ích của lao động tiếp tục sụt giảm). Nhóm thực hiện Báo cáo CRI sẽ tiếp tục theo dõi các xu hướng và dữ liệu sẵn có để xem liệu chỉ số về bất bình đẳng đang gia tăng đối với người lao động có thể được lồng ghép trong tương lai hay không.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Sự bùng phát của đại dịch COVID-19 và cuộc khủng hoảng y tế, xã hội và kinh tế kéo theo đã làm tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng trầm trọng hơn. Lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ qua, thế giới chứng kiến tình trạng nghèo đói tăng mạnh, trong khi đó, tài sản của nhóm người giàu nhất và lợi nhuận tập đoàn cũng tăng vọt. Do đó, đại dịch đáng lẽ phải là một hồi chuông cảnh tỉnh cho các nhà lãnh đạo cấp quốc gia và trên toàn cầu ban hành các chính sách để giải quyết triệt để bất bình đẳng; nhưng như báo cáo này lại cho thấy, chính phủ các nước, dù có một số ngoại lệ, vẫn để tiếp diễn tình trạng “bất bình đẳng như thường lệ”.

Năm 2022, hành trình phục hồi sau đại dịch gặp trở ngại trước một cuộc khủng hoảng mới, dẫn đến giá lương thực và năng lượng tăng mạnh, đồng thời làm nghiêm trọng thêm vấn đề an ninh lương thực, ngân sách và nợ ở nhiều nước thu nhập thấp và trung bình. Cuộc khủng hoảng nợ đang bắt đầu nhen nhóm ở nhiều nơi trên Nam bán cầu, và trong bối cảnh không có đủ giải pháp miễn trừ nợ, nhiều quốc gia buộc phải áp dụng biện pháp thắt lưng buộc bụng, dẫn đến giảm chi tiêu cho công cuộc giảm bất bình đẳng. Đồng thời, các tập đoàn, đặc biệt là tập đoàn trong ngành thực phẩm và năng lượng, đang thu về những khoản thu nhập bất thường khổng lồ. Cùng lúc đó, khối lượng tài sản của nhóm người giàu trên khắp thế giới tăng đột biến trong giai đoạn COVID-19 và gần như không bị ảnh hưởng do không có bất kỳ biện pháp tăng thuế nào được đưa ra.

Người dân trên khắp thế giới đáng lẽ không phải chịu cảnh thắt lưng buộc bụng sau khi vừa vượt qua đại dịch. Chính phủ các nước trên khắp thế giới, với sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế và tài trợ toàn cầu, cần triển khai các chính sách giảm bất bình đẳng và bảo vệ thu nhập của người nghèo khỏi các cuộc suy thoái và lạm phát.

NGĂN CHẶN VÀ ĐẨY LÙI SỰ BÙNG NỔ BẤT BÌNH ĐẲNG: KHUYẾN NGHỊ CHO CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC

Ưu tiên hàng đầu là chính phủ các nước cần thực hiện hành động cấp bách để giảm thiểu bất bình đẳng một cách triệt để:

- 1. Xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về Giảm Bất bình đẳng.** Điều này có nghĩa là từ bỏ biện pháp thắt lưng buộc bụng và tập trung nâng cao thu nhập cho nhóm người nghèo nhất bằng cách tăng chi tiêu cho giải quyết bất bình đẳng, thực hiện chính sách thuế lũy tiến hơn, cải thiện quyền và mức lương cho người lao động, đầu tư nhiều hơn vào việc giám sát hàng năm tiến trình giảm thiểu bất bình đẳng và tác động của chính sách. Kế hoạch cần bao gồm những nội dung sau:
- 2. Chính sách thuế:**
 - a. Thực hiện thuế TNDN và TNCN có tính lũy tiến hơn, bằng cách quy định mức thuế cao hơn cho doanh nghiệp lớn và những người giàu nhất.
 - b. Giảm mạnh các khoản miễn thuế, ưu đãi và trợ cấp cho các cá nhân, công ty lớn.
 - c. Thường xuyên áp dụng “thuế đoàn kết” đối với nhóm người giàu nhất và áp dụng “thuế siêu thu nhập bất thường” cho tất cả các công ty có lợi nhuận cao bất thường, đặc biệt là từ việc tăng giá dầu và lương thực mới đây.
 - d. Đảm bảo thuế GTGT và thuế tiêu thụ được miễn đối với lương thực, thực phẩm thiết yếu và áp dụng ngưỡng đăng ký thuế cao để giảm áp lực đóng thuế cho những người buôn bán nhỏ, từ đó giảm gánh nặng đối với người nghèo.

- e. Ban hành thuế tài sản (bao gồm cả tài sản nắm giữ ở nước ngoài) đối với những doanh nghiệp, cá nhân giàu nhất.
- f. Tăng thuế suất và mức lũy tiến của các loại thuế khác, như thuế đối với thặng dư vốn, tài sản, thừa kế, giao dịch tài chính và thu nhập.
- g. Đảm bảo các doanh nghiệp đa quốc gia trả phần thuế công bằng thông qua giảm các thực hành thuế có hại và tăng cường các biện pháp chống trốn thuế.
- h. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nguồn thu quốc gia trong công tác thu thuế và hạn chế dòng tài chính bất hợp pháp bằng cách chấm dứt hành vi bí mật thông qua đăng ký tài sản toàn cầu, tăng cường trao đổi thông tin về việc nắm giữ tài sản ở nước ngoài và thực hiện hiệu quả hơn việc yêu cầu báo cáo liên quốc gia về hoạt động tập đoàn.

3. Dịch vụ công:

- a. Mở rộng quy mô chi tiêu cho giáo dục công miễn phí, hướng tới việc các nước thu nhập thấp và trung bình đạt được mục tiêu Incheon là chỉ 20% ngân sách nhà nước, đặc biệt chú trọng đến giáo dục trung học cơ sở chất lượng cao cho nhóm người nghèo nhất.
- b. Tăng đáng kể chi tiêu cho dịch vụ chăm sóc y tế công nhằm đảm bảo người dân có thể tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng tốt, để họ được bảo vệ tốt hơn trước những đại dịch trong tương lai. Cần chú trọng đặc biệt đến cung cấp chăm sóc y tế ban đầu toàn diện và miễn phí cho tất cả mọi người.
- c. Ban hành các chương trình an sinh xã hội toàn dân, không chỉ dừng lại ở lương hưu, để đảm bảo người nghèo đang đi làm, trẻ em, người khuyết tật, người thất nghiệp, người chăm sóc không lương và các nhóm đối tượng dễ tổn thương khác được bảo vệ - đồng thời đảm bảo an toàn cho người dân một cách toàn diện hơn trước các đại dịch và khủng hoảng khí hậu trong tương lai.
- d. Xóa bỏ việc thu phí dịch vụ đối với dịch vụ giáo dục và y tế công nhằm đảm bảo người dân được sử dụng miễn phí, đẩy lùi bãi bỏ các chính sách tư nhân hóa dịch vụ công, đảm bảo hệ thống an sinh xã hội toàn dân, qua đó giảm gánh nặng đối với người nghèo.
- e. Đẩy nhanh tiến trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội toàn dân, thông qua ưu tiên đầu tư và chi công cho nhóm người nghèo nhất, và bị lệ hóa.

4. Quyền và lương của người lao động:

- a. Đảm bảo người lao động có quyền thành lập công đoàn, đình công và thương lượng tập thể, cho dù là người lao động chính thức, không chính thức, hay lao động không được trả lương bằng cách ban hành và thực thi tất cả các luật cần thiết để tuân thủ các công ước của ILO.
- b. Ban hành và cải thiện công tác thực thi pháp luật đối với quyền phụ nữ về trả lương công bằng, không phân biệt đối xử và chống quấy rối tình dục.
- c. Đưa hành vi hiếp dâm trong hôn nhân vào luật chống hiếp dâm ở tất cả các quốc gia, và định nghĩa hành vi hiếp dâm dựa trên việc không có sự đồng thuận thay vì dựa trên bằng chứng có hành vi sử dụng bạo lực.
- d. Tăng thời gian nghỉ nuôi con có trả lương bình đẳng cho tất cả các giới lên ít nhất 18 tuần, được trả 100% mức lương trước đó, theo khuyến nghị của ILO, để phân bổ lại thời gian, chi phí và trách nhiệm làm công việc chăm sóc không lương giữa nam và nữ, và từ gia đình sang nhà nước.
- e. Tăng mức lương tối thiểu để phù hợp với GDP bình quân đầu người, sau đó làm đánh giá hàng năm để tăng mức lương tối thiểu theo lạm phát. Đầu tư nhiều hơn vào các cơ chế quốc gia thực thi luật lao động, bao gồm cả vấn đề mức lương tối thiểu và quyền phụ nữ.
- f. Thiết lập hệ thống để đảm bảo khu vực phi chính thức tuân thủ các yêu cầu quy định về điều kiện làm việc và trả lương.
- g. Đảm bảo người lao động phi chính thức và dễ bị tổn thương (bao gồm các cơ chế bảo hiểm vi mô) thuộc hệ thống an sinh xã hội, và được hưởng lợi công bằng.

KHUYẾN NGHỊ CHO CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ

Để hỗ trợ chính phủ các nước, cộng đồng quốc tế cần thực hiện 5 hành động cấp bách sau:

1. Tăng cường **giám sát trên quy mô toàn cầu** tiến trình giảm bất bình đẳng thu nhập và tài sản theo Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) 10, và ban hành những chính sách thuế, chi tiêu và lao động then chốt được xây dựng nhằm đạt mục tiêu này, đặt mục tiêu cho các biện pháp giúp tất cả các quốc gia đạt hệ số Gini sau tài khóa là 0,25 tới năm 2030.¹⁶⁸
2. Giao trách nhiệm cho **Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới** đảm bảo tất cả các chương trình quốc gia và tư vấn chính sách từ bỏ biện pháp thắt lưng buộc bụng và tập trung vào giảm thiểu bất bình đẳng, và có những biện pháp cấp bách cụ thể để giúp các chính sách thuế, dịch vụ công và lao động đạt mục tiêu theo cách hiệu quả hơn.
3. Tăng cường **viện trợ khẩn cấp có ưu đãi và không điều kiện** từ các tổ chức tài chính quốc tế để giúp các quốc gia bảo vệ người dân trước tình hình giá năng lượng, lương thực, thực phẩm gia tăng. Các tổ chức cần nỗ lực hết sức để tối đa hóa việc tái phân bổ **Quyền rút vốn đặc biệt (SDR) của IMF**, ban hành năm 2021 từ các nước có thu nhập cao đến các nước thu nhập thấp, theo hướng giảm thiểu nợ và điều kiện tài trợ. IMF nên phát hành thêm \$650 tỷ SDR, phân bổ lại để hướng tới các nước thu nhập thấp và trung bình, nhằm nâng cao khả năng quản lý và chi tiêu ngân sách một cách công bằng của các quốc gia này.
4. Đưa ra biện pháp **giảm nợ** toàn diện cho tất cả các nước, bao gồm hủy bỏ tất cả khoản nợ phải trả trong năm 2023 và 2024 cho các chủ nợ là chính phủ và khu vực tư nhân, để giảm nghĩa vụ trả nợ của các nước này xuống mức thấp và đảm bảo các nước có đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu SDG về cung cấp chăm sóc y tế, giáo dục và an sinh xã hội toàn dân.
5. Tăng đáng kể **viện trợ cho các nước thu nhập thấp và trung bình thấp**, tập trung vào hỗ trợ các khoản chi giải quyết bất bình đẳng về giáo dục, y tế và an sinh xã hội, bao gồm thông qua thành lập quỹ toàn cầu về an sinh xã hội để giúp các nước thu nhập thấp đảm bảo an sinh xã hội toàn dân vào năm 2030. Kinh phí cho hoạt động này có thể huy động thông qua ban hành thuế đoàn kết ở các nước thu nhập cao, áp dụng đối với tài sản, thu nhập, giao dịch tài chính và phát thải carbon, một phần nguồn thu sẽ được chuyển đến các nước thu nhập thấp.

PHỤ LỤC: XẾP HẠNG QUỐC GIA THEO CHỈ SỐ CRI

Bảng A1: Xếp hạng quốc gia/vùng theo chỉ số CRI 2022

Quốc gia/vùng	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI
Na-Uy	12	15	3	1
Đức	7	10	11	2
Úc	24	1	40	3
Bỉ	8	26	9	4
Canada	28	5	26	5
Nhật Bản	4	19	29	6
Đan Mạch	5	57	2	7
New Zealand	22	7	35	8
Slovenia	10	68	4	9
Phần Lan	2	90	5	10
Cộng hòa Séc	13	52	8	11
Pháp	3	70	14	12
Luxembourg	14	56	12	13
Vương quốc Anh	15	34	37	14
Iceland	30	48	7	15
Estonia	25	42	17	16
Ireland	6	84	16	17
Israel	33	33	15	18
Áo	9	76	19	19
Thụy Điển	11	103	6	20
Ba Lan	1	129	21	21
Croatia	16	88	13	22
Bồ Đào Nha	23	69	24	23
Hàn Quốc	37	8	57	24
Slovakia	27	128	1	25
Belarus	26	28	56	26
Nam Phi	38	3	76	27
Mỹ	18	74	45	28
Ý	20	71	41	29
Hà Lan	19	109	23	30
Thụy Sĩ	32	99	25	31
Argentina	29	29	68	32
Latvia	40	73	27	33
Ukraine	21	100	44	34
Lithuania	31	107	32	35
Liên bang Nga	46	50	43	36
Malta	43	118	10	37
Chile	39	41	60	38
Tây Ban Nha	45	87	33	39
Maldives	71	12	54	40
Kiribati	78	6	62	41

Hungary	36	143	18	42
Seychelles	82	63	28	43
Cộng Hòa Kyrgyz	58	31	63	44
Hy Lạp	17	149	39	45
Mông Cổ	56	23	81	46
Tajikistan	65	35	64	47
Namibia	34	20	106	48
Tunisia	83	24	65	49
Trung Quốc	52	4	111	50
Kazakhstan	41	122	55	51
Costa Rica	42	94	72	52
Cyprus	44	148	20	53
Jordan	99	65	36	54
Mauritius	55	106	48	55
Romania	61	139	22	56
Lesotho	91	2	103	57
Uruguay	49	124	52	58
El Salvador	94	43	59	59
Belize	95	38	61	60
Uzbekistan	35	49	108	61
Bulgaria	47	144	46	62
Moldova	62	142	30	63
Tuvalu	54	17	112	64
Azerbaijan	90	21	89	65
Mexico	50	86	87	66
Barbados	66	127	51	67
Cabo Verde	85	58	78	68
Guyana	73	126	50	69
Thái Lan	60	39	100	70
Bolivia	48	113	85	71
Georgia	53	72	90	72
Botswana	64	13	123	73
Turkiye	69	114	71	74
Ecuador	79	40	91	75
Albania	70	102	79	76
Brazil	51	112	84	77
Armenia	67	123	66	78
Singapore	80	132	53	79
Samoa	88	125	58	80
St. Vincent và Grenadines	104	61	75	81
Antigua và Barbuda	84	145	42	82
Algeria	86	53	96	83
Paraguay	77	116	80	84
Malaysia	89	119	67	85
Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	76	151	47	86
Ái Cập, Cộng Hòa Ả Rập	111	80	70	87
St. Lucia	101	110	73	88
Trinidad và Tobago	72	140	69	89
Serbia	59	159	31	90
Morocco	120	22	97	91

Việt Nam	102	37	104	92
Kenya	109	11	125	93
Cambodia	126	18	99	94
Peru	81	67	109	95
Fiji	68	137	82	96
Honduras	124	45	88	97
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	75	158	38	98
Jamaica	92	105	95	99
Myanmar	141	79	74	100
Indonesia	112	44	105	101
Philippines	106	104	92	102
Bắc Macedonia	63	161	34	103
Iran	57	130	115	104
Guatemala	118	108	83	105
Bahamas	74	160	49	106
Bangladesh	136	47	101	107
Quần Đảo Solomon	107	60	122	108
Zambia	117	14	139	109
Djibouti	130	9	135	110
Sri Lanka	128	85	93	111
Nepal	116	36	126	112
Cộng hòa Dominica	103	147	77	113
Sao Tome và Principe	98	117	107	114
Timor-Leste	110	111	102	115
Bhutan	114	27	140	116
Senegal	115	62	119	117
Togo	127	25	131	118
Malawi	142	75	98	119
Mozambique	113	59	128	120
Lebanon	108	150	86	121
Eswatini	96	134	114	122
Ấn Độ	129	16	151	123
Panama	93	154	94	124
Rwanda	135	46	132	125
Pakistan	151	77	113	126
Cộng hòa Yemen	152	66	120	127
Ghana	138	54	133	128
Mali	143	32	147	129
Tanzania	145	30	146	130
Angola	154	83	118	131
Gambia	131	101	127	132
Papua New Guinea	146	64	130	133
Tonga	87	141	138	134
Burkina Faso	123	78	143	135
Mauritania	134	131	116	136
Bahrain	97	146	129	137
Afghanistan	158	115	117	138
Zimbabwe	119	55	158	139
Vanuatu	100	155	121	140
Benin	122	97	149	141

Cộng hòa Dân chủ Congo	133	96	144	142
CHDCND Lào	144	95	141	143
Ethiopia	132	81	152	144
Burundi	121	93	157	145
Cộng hòa Congo	125	153	110	146
Oman	105	152	136	147
Cameroon	147	92	150	148
Niger	157	51	156	149
Chad	159	89	148	150
Guinea-Bissau	155	138	124	151
Uganda	150	91	154	152
Sierra Leone	137	120	153	153
Cộng Hòa Trung Phi	149	82	159	154
Bờ Biển Ngà	140	133	145	155
Madagascar	148	136	137	156
Guinea	156	98	155	157
Haiti	153	135	134	158
Nigeria	160	121	161	159
Liberia	139	156	142	160
Nam Sudan	161	157	160	161

XẾP HẠNG KHU VỰC

CHÂU Á

Mặc dù trải qua một thời kỳ tăng trưởng kinh tế bền vững, châu Á đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng về bất bình đẳng cực đoan, đang làm suy yếu tốc độ tăng trưởng và ngăn cản quá trình xóa đói giảm nghèo. COVID-19 đã đẩy số người châu Á sống trong cảnh nghèo đói lên 1,4 tỷ người và làm tăng bất bình đẳng lên 8%.¹⁶⁹ Đồng thời, các tỷ phú châu Á đã tăng tài sản của họ thêm 1,8 nghìn tỷ đô la Mỹ.¹⁷⁰ 1% người giàu nhất nắm giữ gần 25% tài sản của châu Á. Báo cáo CRI mới nhất cho thấy các quốc gia châu Á trong nhóm OECD vượt trội hơn các quốc gia châu Á khác trong việc giảm bất bình đẳng, tiếp theo là Bắc và Trung Á, còn Nam Á tụt lại phía sau.¹⁷¹ Một số quốc gia có thu nhập thấp hơn (Kyrgyzstan, Mông Cổ và Tajikistan) xếp hạng rất tốt, cho thấy giảm bất bình đẳng là một lựa chọn chính sách chứ không phải quốc gia đó có giàu có hay không.

Bảng A2: Đông Á và Thái Bình Dương

Quốc gia/Khu vực	Xếp hạng về dịch vụ công		Xếp hạng về lao động		Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
		Xếp hạng về thuế			
Úc	24	1	40		1
Nhật Bản	4	19	29		2
New Zealand	22	7	35		3
Hàn Quốc	37	8	57		4
Kiribati	78	6	62		5
Mông Cổ	56	23	81		6
Trung Quốc	52	4	111		7
Tuvalu	54	17	112		8
Thái Lan	60	39	100		9
Singapore	80	132	53		10
Samoa	88	125	58		11

Malaysia	89	119	67	12
Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	76	151	47	13
Việt Nam	102	37	104	14
Cambodia	126	18	99	15
Fiji	68	137	82	16
Myanmar	141	79	74	17
Indonesia	112	44	105	18
Philippines	106	104	92	19
Quần Đảo Solomon	107	60	122	20
Timor-Leste	110	111	102	21
Papua New Guinea	146	64	130	22
Tonga	87	141	138	23
Vanuatu	100	155	121	24
CHDCND Lào	144	95	141	25

Bảng A3: Nam Á

Quốc gia	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
Maldives	71	12	54	1
Bangladesh	136	47	101	2
Sri Lanka	128	85	93	3
Nepal	116	36	126	4
Bhutan	114	27	140	4
Ấn Độ	129	16	151	6
Pakistan	151	77	113	7
Afghanistan	158	115	117	8

CHÂU ÂU VÀ TRUNG Á

Bảng A4: Châu Âu và Trung Á

Quốc gia	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
Na-Uy	12	15	3	1
Đức	7	10	11	2
Bỉ	8	26	9	3
Đan Mạch	5	57	2	4
Slovenia	10	68	4	5
Phần Lan	2	90	5	6
Cộng hòa Séc	13	52	8	7
Pháp	3	70	14	8
Luxembourg	14	56	12	9
Vương quốc Anh	15	34	37	10
Iceland	30	48	7	11
Estonia	25	42	17	12
Ireland	6	84	16	13
Áo	9	76	19	14
Thụy Điển	11	103	6	15
Ba Lan	1	129	21	16

Croatia	16	88	13	17
Bồ Đào Nha	23	69	24	18
Slovakia	27	128	1	19
Belarus	26	28	56	20
Ý	20	71	41	21
Hà Lan	19	109	23	22
Thụy Sĩ	32	99	25	23
Latvia	40	73	27	24
Ukraine	21	100	44	25
Lithuania	31	107	32	26
Liên bang Nga	46	50	43	27
Malta	43	118	10	28
Tây Ban Nha	45	87	33	29
Hungary	36	143	18	30
Cộng hòa Kyrgyz	58	31	63	31
Hy Lạp	17	149	39	32
Tajikistan	65	35	64	33
Kazakhstan	41	122	55	34
Cyprus	44	148	20	35
Romania	61	139	22	36
Uzbekistan	35	49	108	38
Bulgaria	47	144	46	39
Moldova	62	142	30	40
Azerbaijan	90	21	89	41
Georgia	53	72	90	42
Turkiye	69	114	71	43
Albania	70	102	79	44
Armenia	67	123	66	45
Serbia	59	159	31	46
Bắc Macedonia	63	161	34	47

CHÂU PHI CẬN SAHARA

Châu Phi cận Sahara là một khu vực chịu bất bình đẳng cực đoan. Tỷ lệ thu nhập của 10% giàu nhất là 55,8%, trong khi tỷ lệ của 50% nghèo nhất chỉ là 9,1%. Khu vực này có bảy trong số mười quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới. Trong ấn bản này của Chỉ số CRI, 10 quốc gia đứng cuối đều thuộc khu vực châu Phi cận Sahara. Khu vực này đang xếp hạng rất thấp trong việc giảm bất bình đẳng thông qua các dịch vụ công, việc làm tử tế và thu thuế. Tuy nhiên, các quốc gia này có chính sách thuế lũy tiến rất tốt trên giấy tờ. Chi tiêu và mức độ bao phủ của các dịch vụ xã hội rất thấp, và khu vực này có 10 trong số các nước đứng cuối trong trụ cột lao động, chủ yếu là do tỷ lệ việc làm bấp bênh cao và bất bình đẳng cực đoan về tiền lương. Nếu không có những nỗ lực tăng tốc nhằm giảm bất bình đẳng, châu Phi sẽ không thể chấm dứt tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030.

Bảng A5: Châu Phi cận Sahara

Quốc gia	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
Nam Phi	38	3	76	1
Seychelles	82	63	28	2
Namibia	34	20	106	3
Mauritius	55	106	48	4
Lesotho	91	2	103	5

Cabo Verde	85	58	78	6
Botswana	64	13	123	7
Kenya	109	11	125	8
Zambia	117	14	139	9
Sao Tome và Principe	98	117	107	10
Senegal	115	62	119	11
Togo	127	25	131	12
Malawi	142	75	98	13
Mozambique	113	59	128	14
Eswatini	96	134	114	15
Rwanda	135	46	132	16
Ghana	138	54	133	17
Mali	143	32	147	18
Tanzania	145	30	146	19
Angola	154	83	118	20
Gambia	131	101	127	21
Burkina Faso	123	78	143	22
Mauritania	134	131	116	23
Zimbabwe	119	55	158	24
Benin	122	97	149	25
Cộng hòa Dân chủ Congo	133	96	144	26
Ethiopia	132	81	152	27
Burundi	121	93	157	28
Cộng hòa Congo	125	153	110	29
Cameroon	147	92	150	30
Niger	157	51	156	31
Chad	159	89	148	32
Guinea-Bissau	155	138	124	33
Uganda	150	91	154	34
Sierra Leone	137	120	153	35
Cộng Hòa Trung Phi	149	82	159	36
Bờ Biển Ngà	140	133	145	37
Madagascar	148	136	137	38
Guinea	156	98	155	39
Nigeria	160	121	161	40
Liberia	139	156	142	41
Nam Sudan	161	157	160	42

TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI

Trung Đông và Bắc Phi là khu vực bất bình đẳng nhất trên thế giới về thu nhập. Thu nhập trước thuế của 10% những người giàu nhất chiếm 58,1%, trong khi 50% những người nghèo nhất là 8,8%.¹⁷² Mặc dù đã có những làn sóng nổi dậy vào năm 2011, chính phủ vẫn chưa có nhiều hành động để giảm bất bình đẳng. Trung Đông và Bắc Phi là khu vực duy nhất trên thế giới có tỷ lệ nghèo đói cùng cực tăng trong suốt thập kỷ qua.¹⁷³ Khu vực này cũng có mức độ xung đột và di dân cao; cuộc xung đột giữa Syria và Yemen vẫn đang tiếp diễn, và tình trạng bất ổn ở các nước trong khu vực trở nên tồi tệ hơn trong giai đoạn đại dịch COVID-19 diễn ra và chiến tranh tại Ukraine.

Khu vực Trung Đông và Bắc Phi xếp hạng thấp trên báo cáo Chỉ số CRI, dù có một vài sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia. Mức thu thuế và chi tiêu xã hội thấp. Đứng trước tình trạng nợ nần, thắt chặt chi tiêu và

thuế lũy thoái trong nhiều thập kỷ, hàng triệu người dân khu vực này không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản hoặc an sinh xã hội. Chỉ tiêu cho xã hội tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi không nhằm đầu tư cho hệ thống an sinh xã hội toàn dân mà là những khoản chuyển tiền, hỗ trợ xã hội có mục tiêu, các chương trình bảo hiểm xã hội liên quan đến thu nhập, và trợ cấp lương thực và nhiên liệu.¹⁷⁴ Đặc điểm của khu vực này là mức chi tiêu công cho giáo dục và y tế thấp, còn mức chi tiêu cho y tế từ tiền túi của người dân lại ở mức cao. Đại dịch COVID-19 gần đây càng làm mọi việc tồi tệ hơn, dự kiến sẽ ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới kinh tế xã hội cho những thế hệ tương lai. Khu vực này cũng không được đánh giá cao về các chính sách quyền lao động khi không gian dân sự bị thu hẹp, và bị xếp vào nơi tồi tệ nhất dành cho người lao động theo đánh giá của Chỉ số Quyền Toàn cầu của Tổng Liên đoàn Lao động Quốc tế (ITUC).¹⁷⁵

Bảng A6: Trung Đông và Bắc Phi

Quốc gia/Khu vực	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
Tunisia	83	24	65	1
Jordan	99	65	36	2
Algeria	86	53	96	3
Âi Cập, Cộng Hòa Ả Rập	111	80	70	4
Morocco	120	22	97	5
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	75	158	38	6
Iran	57	130	115	7
Djibouti	130	9	135	8
Lebanon	108	150	86	9
Cộng hòa Yemen	152	66	120	10
Bahrain	97	146	129	11
Oman	105	152	136	12

CHÂU MỸ LATINH VÀ CARIBE

Châu Mỹ Latinh và Caribe: Ngay cả khi khủng hoảng về đại dịch và chi phí sinh hoạt, chỉ có 25% các quốc gia ở khu vực này cải thiện được chỉ tiêu xã hội lũy tiến. Điều tệ nhất là, nhiều quốc gia trong số đó đã chuyển sang chính sách thắt lưng buộc bụng giống hầu hết các quốc gia khác trong khu vực. Vấn đề quyền lao động không được đảm bảo và mức lương không công bằng vẫn tồn tại, với chỉ 33% các nước trong khu vực có cải thiện trong lĩnh vực lao động. Những nước có cam kết mạnh mẽ hơn về giảm bất bình đẳng có thể áp dụng những biện pháp khác, như chính sách thuế lũy tiến đang được áp dụng tại 16% các nước khu vực châu Mỹ Latinh và Caribe, ưu tiên ban hành thuế tài sản và thuế thu nhập mới, từ đó đem lại niềm hy vọng mới cho khu vực.

Bảng A7: Châu Mỹ Latinh và Caribe

Quốc gia	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng chỉ số CRI theo khu vực
Argentina	29	29	68	1
Chile	39	41	60	2
Costa Rica	42	94	72	3
Uruguay	49	124	52	4
El Salvador	94	43	59	5
Belize	95	38	61	6
Mexico	50	86	87	7
Barbados	66	127	51	8
Guyana	73	126	50	9
Bolivia	48	113	85	10
Ecuador	79	40	91	11

Brazil	51	112	84	12
St. Vincent và Grenadines	104	61	75	13
Antigua và Barbuda	84	145	42	14
Paraguay	77	116	80	15
St. Lucia	101	110	73	16
Trinidad và Tobago	72	140	69	17
Peru	81	67	109	18
Honduras	124	45	88	19
Jamaica	92	105	95	20
Guatemala	118	108	83	21
Bahamas	74	160	49	22
Cộng hòa Dominica	103	147	77	23
Panama	93	154	94	24
Haiti	153	135	134	25

CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN OECD

Bảng A8: Các quốc gia thành viên OECD

Quốc gia	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng về Chỉ số CRI của các quốc gia thành viên của OECD
Na-Uy	12	15	3	1
Đức	7	10	11	2
Úc	24	1	40	3
Bỉ	8	26	9	4
Canada	28	5	26	5
Nhật Bản	4	19	29	6
Đan Mạch	5	57	2	7
New Zealand	22	7	35	8
Slovenia	10	68	4	9
Phần Lan	2	90	5	10
Cộng hòa Séc	13	52	8	11
Pháp	3	70	14	12
Luxembourg	14	56	12	13
Vương quốc Anh	15	34	37	14
Iceland	30	48	7	15
Estonia	25	42	17	16
Ireland	6	84	16	17
Israel	33	33	15	18
Áo	9	76	19	19
Thụy Điển	11	103	6	20
Ba Lan	1	129	21	21
Bồ Đào Nha	23	69	24	22
Hàn Quốc	37	8	57	23
Slovakia	27	128	1	24
Hoa Kỳ	18	74	45	25

Ý	20	71	41	26
Hà Lan	19	109	23	27
Thụy Sĩ	32	99	25	28
Latvia	40	73	27	29
Chile	39	41	60	30
Tây Ban Nha	45	87	33	31
Hungary	36	143	18	32
Hy Lạp	17	149	39	33
Costa Rica	42	94	72	34
Mexico	50	86	87	35
Turkiye	69	114	71	36

XẾP HẠNG THEO NHÓM THU NHẬP

Các quốc gia OECD có thu nhập cao: Sau nhiều năm cải thiện, tình trạng bất bình đẳng kinh tế ở các quốc gia OECD đang tăng lên trong vòng 30 năm qua. Bất bình đẳng kinh tế đang ở mức cao nhất trong nửa thế kỷ nay. Thu nhập của 10% nhóm người giàu nhất cao gấp 10 lần so với 10% nhóm người nghèo nhất. Theo chỉ số CRI 2022, tất cả 10 nước đứng đầu đều là các nước OECD có thu nhập cao. Các nước này có các chính sách phúc lợi tốt mà họ đã xây dựng sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Chỉ tiêu cho các dịch vụ xã hội rất cao vì các nước này có nhiều tập đoàn và người giàu nộp thuế. Và họ thực hiện tốt việc bảo phủ quyền lao động bởi hầu hết người lao động làm việc trong khu vực chính thức. Tuy nhiên, không một đất nước nào đang làm đủ các biện pháp cần thiết để giảm bất bình đẳng.

Bảng A9

Các quốc gia có thu nhập thấp	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng toàn cầu	Xếp hạng theo thu nhập
Togo	127	25	131	118	1
Malawi	142	75	98	119	2
Mozambique	113	59	128	120	3
Rwanda	135	46	132	125	4
Cộng hòa Yemen	152	66	120	127	5
Mali	143	32	147	129	6
Gambia	131	101	127	132	7
Burkina Faso	123	78	143	135	8
Afghanistan	158	115	117	138	9
Cộng hòa Dân chủ Congo	133	96	144	142	10
Ethiopia	132	81	152	144	11
Burundi	121	93	157	145	12
Niger	157	51	156	149	13
Chad	159	89	148	150	14
Guinea-Bissau	155	138	124	151	15
Uganda	150	91	154	152	16
Sierra Leone	137	120	153	153	17
Cộng Hòa Trung Phi	149	82	159	154	18
Madagascar	148	136	137	156	19
Guinea	156	98	155	157	20
Liberia	139	156	142	160	21
Nam Sudan	161	157	160	161	22

Các quốc gia có thu nhập trung bình thấp	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng CRI chung	Xếp hạng theo thu nhập
Ukraine	21	100	44	34	1
Kiribati	78	6	62	41	2
Cộng hòa Kyrgyz	58	31	63	44	3
Mông Cổ	56	23	81	46	4
Tajikistan	65	35	64	47	5
Tunisia	83	24	65	49	6
Lesotho	91	2	103	57	7
El Salvador	94	43	59	59	8
Belize	95	38	61	60	9
Uzbekistan	35	49	108	61	10
Cabo Verde	85	58	78	68	11
Bolivia	48	113	85	71	12
Samoa	88	125	58	80	13
Algeria	86	53	96	83	14
Ai Cập, Cộng Hòa Ả Rập	111	80	70	87	15
Morocco	120	22	97	91	16
Việt Nam	102	37	104	92	17
Kenya	109	11	125	93	18
Cambodia	126	18	99	94	19
Honduras	124	45	88	97	20
Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng	75	158	38	98	21
Myanmar	141	79	74	100	22
Indonesia	112	44	105	101	23
Philippines	106	104	92	102	24
Iran	57	130	115	104	25
Bangladesh	136	47	101	107	26
Quần Đảo Solomon	107	60	122	108	27
Zambia	117	14	139	109	28
Djibouti	130	9	135	110	29
Sri Lanka	128	85	93	111	30
Nepal	116	36	126	112	31
Sao Tome và Principe	98	117	107	114	32
Timor-Leste	110	111	102	115	33
Bhutan	114	27	140	116	34
Senegal	115	62	119	117	35
Eswatini	96	134	114	122	36
Ấn Độ	129	16	151	123	37
Pakistan	151	77	113	126	38
Ghana	138	54	133	128	39
Tanzania	145	30	146	130	40
Angola	154	83	118	131	41
Papua New Guinea	146	64	130	133	42
Mauritania	134	131	116	136	43
Zimbabwe	119	55	158	139	44
Vanuatu	100	155	121	140	45
Benin	122	97	149	141	46
CHDCND Lào	144	95	141	143	47

Cộng hòa Congo	125	153	110	146	48
Cameroon	147	92	150	148	49
Bờ Biển Ngà	140	133	145	155	50
Haiti	153	135	134	158	51
Nigeria	160	121	161	159	52
Các quốc gia có thu nhập trung bình cao	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng CRI chung	Xếp hạng về thu nhập
Belarus	26	28	56	26	1
Nam Phi	38	3	76	27	2
Argentina	29	29	68	32	3
Liên bang Nga	46	50	43	36	4
Maldives	71	12	54	40	5
Namibia	34	20	106	48	6
Trung Quốc	52	4	111	50	7
Kazakhstan	41	122	55	51	8
Costa Rica	42	94	72	52	9
Jordan	99	65	36	54	10
Mauritius	55	106	48	55	11
Romania	61	139	22	56	12
Bulgaria	47	144	46	62	13
Moldova	62	142	30	63	14
Tuvalu	54	17	112	64	15
Azerbaijan	90	21	89	65	16
Mexico	50	86	87	66	17
Guyana	73	126	50	69	18
Thái Lan	60	39	100	70	19
Georgia	53	72	90	72	20
Botswana	64	13	123	73	21
Turkiye	69	114	71	74	22
Ecuador	79	40	91	75	23
Albania	70	102	79	76	24
Brazil	51	112	84	77	25
Armenia	67	123	66	78	26
St. Vincent và Grenadines	104	61	75	81	27
Paraguay	77	116	80	84	28
Malaysia	89	119	67	85	29
St. Lucia	101	110	73	88	30
Serbia	59	159	31	90	31
Peru	81	67	109	95	32
Fiji	68	137	82	96	33
Jamaica	92	105	95	99	34
Bắc Macedonia	63	161	34	103	35
Guatemala	118	108	83	105	36
Cộng hòa Dominica	103	147	77	113	37
Lebanon	108	150	86	121	38
Panama	93	154	94	124	39
Tonga	87	141	138	134	40

Các quốc gia có thu nhập cao	Xếp hạng về dịch vụ công	Xếp hạng về thuế	Xếp hạng về lao động	Xếp hạng CRI chung	Xếp hạng về thu nhập
Na-Uy	12	15	3	1	1
Đức	7	10	11	2	2
Úc	24	1	40	3	3
Bỉ	8	26	9	4	4
Canada	28	5	26	5	5
Nhật Bản	4	19	29	6	6
Đan Mạch	5	57	2	7	7
New Zealand	22	7	35	8	8
Slovenia	10	68	4	9	9
Phần Lan	2	90	5	10	10
Cộng hòa Séc	13	52	8	11	11
Pháp	3	70	14	12	12
Luxembourg	14	56	12	13	13
Vương quốc Anh	15	34	37	14	14
Iceland	30	48	7	15	15
Estonia	25	42	17	16	16
Ireland	6	84	16	17	17
Israel	33	33	15	18	18
Áo	9	76	19	19	19
Thụy Điển	11	103	6	20	20
Ba Lan	1	129	21	21	21
Croatia	16	88	13	22	22
Bồ Đào Nha	23	69	24	23	23
Hàn Quốc	37	8	57	24	24
Slovakia	27	128	1	25	25
Mỹ	18	74	45	28	26
Ý	20	71	41	29	27
Hà Lan	19	109	23	30	28
Thụy Sĩ	32	99	25	31	29
Latvia	40	73	27	33	30
Lithuania	31	107	32	35	31
Malta	43	118	10	37	32
Chile	39	41	60	38	33
Tây Ban Nha	45	87	33	39	34
Hungary	36	143	18	42	35
Seychelles	82	63	28	43	36
Hy Lạp	17	149	39	45	37
Cyprus	44	148	20	53	38
Uruguay	49	124	52	58	39
Barbados	66	127	51	67	40
Singapore	80	132	53	79	41
Antigua và Barbuda	84	145	42	82	42
Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc	76	151	47	86	43
Trinidad và Tobago	72	140	69	89	44
Bahamas	74	160	49	106	45
Bahrain	97	146	129	137	46
Oman	105	152	136	147	47

NGUỒN THAM KHẢO

- ¹ Oxfam. (Tháng 1/2022). *Vi-rút bất bình đẳng*. <https://www.oxfam.org/en/research/inequality-virus#:~:text=The%20virus%20has%20exposed%2C%20fed,individuals%20and%20corporations%20%E2%80%93%20are%20thriving>
- ² Iran, Kiribati, Tonga và Tuvalu được bổ sung vào danh sách các quốc gia nằm trong xếp hạng kể từ năm 2020. Phần Phụ lục trình bày bảng xếp hạng đầy đủ trên toàn cầu và khu vực, có thể xem thông tin chi tiết hơn tại www.inequalityindex.org.
- ³ Để xem phần thảo luận đầy đủ về bằng chứng rằng hành động trong 3 lĩnh vực này sẽ tác động đáng kể tới tình trạng bất bình đẳng, xem Báo cáo Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng 2018. <https://www.oxfam.org/en/research/commitment-reducing-inequality-index-2018>
- ⁴ Để biết thêm chi tiết về phương pháp, xem phần ghi chú phương pháp luận
- ⁵ Thứ hạng tăng lên của Mauritius, Morocco và Singapore phần lớn phản ánh việc giảm hành vi giống như nơi có thuế suất thấp chứ không phải do thay đổi chính sách trong nước.
- ⁶ Reuters. (25 tháng 3 năm 2022). *Ghana công bố cắt giảm chi tiêu để giải quyết thâm hụt*. <https://www.reuters.com/world/africa/ghana-announces-sweeping-spending-cuts-tackle-deficit-2022-03-25/>
- ⁷ Oxfam và DFI (tháng 10/2022). Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng.
- ⁸ ILO. (2022). Báo cáo Bảo trợ xã hội Thế giới giai đoạn 2020-2022 <https://www.social-protection.org/gimi/ShowWiki.action?id=629#stat>.
- ⁹ Đánh giá nhanh về thiệt hại và nhu cầu của Ukraine. (Tháng 8/2022). https://documents1.worldbank.org/curated/en/099445209072239810/pdf/P17884304837910630b9c6040ac12428d5c.pdf?utm_source=substack&utm_medium=email
- ¹⁰ Định nghĩa “công việc dễ bị tổn thương” của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được sử dụng như chỉ báo thể hiện người đi làm không được bảo vệ bởi quyền lao động. Việc này thường gắn liền với “lao động trong gia đình” và “lao động tự làm chủ” - dựa theo Phân loại quốc tế về vị thế công việc (ICSE) - bao gồm cả lao động khu vực phi chính thức và lao động không có hợp đồng. Xem ghi chú về phương pháp để biết thêm thông tin. Đây là bộ dữ liệu xuyên quốc gia tốt nhất về người đi làm không được hưởng quyền người lao động.
- ¹¹ Như LHQ đã làm trong Báo cáo Tiến trình đạt MTPTBV - xem https://unstats.un.org/sdgs/report/2022/Progress_Chart_Technical_Note_2022.pdf, trang 33-35.
- ¹² Oxfam. (Tháng 1/2022). *Bất bình đẳng đang giết chết chúng ta*. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/inequality-kills-the-unparalleled-action-needed-to-combat-unprecedented-inequal-621341/>
- ¹³ UNDP. (06/07/2022). *Khủng hoảng chi phí sinh hoạt toàn cầu do chiến tranh ở Ukraine khiến hàng vạn người rơi vào cảnh nghèo khổ, cảnh báo cho Chương trình Phát triển LHQ*. <https://www.undp.org/european-union/press-releases/global-cost-living-CRIs-catalyzed-war-ukraine-sending-tens-millions-poverty-warns-un-development-programme>
- ¹⁴ FAO, IFAD, UNICEF, WFP và WHO. (2022). *Tình hình an ninh lương thực và dinh dưỡng trên thế giới năm 2022. Định hướng lại chính sách lương thực và nông nghiệp để chỉ phí cho chế độ ăn lành mạnh hợp lý hơn*. Rome: FAO. <https://www.fao.org/3/cc0639en/cc0639en.pdf>
- ¹⁵ M. Martin, M. Lawson, N. Abdo, D. Waddock và Jo Walker. (2020). *Chiến đấu chống bất bình đẳng trong thời điểm COVID-19: Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng 2020*. <https://www.oxfam.org/en/research/fighting-inequality-time-covid-19-commitment-reducing-inequality-index-2020>
- ¹⁶ D. Benedek, E. Gemayel, A. Senhadji và A. Tieman. (2021). *Đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững hậu đại dịch*. IMF. <https://www.imf.org/en/Publications/Staff-Discussion-Notes/Issues/2021/04/27/A-Post-Pandemic-Assessment-of-the-Sustainable-Development-Goals-460076>
- ¹⁷ Viện Tư duy Kinh tế mới. (2021). *Đại dịch và khủng hoảng kinh tế: Chương trình nghị sự toàn cầu về hành động cấp bách*. <https://www.ineteconomics.org/uploads/papers/INET-Commission-Interim-Report.pdf>
- ¹⁸ IMF. (Tháng 4/2022). *Theo dõi tài khóa: Chính sách tài khóa từ đại dịch đến chiến tranh*. <https://www.imf.org/en/Publications/FM/Issues/2022/04/12/fiscal-monitor-april-2022>
- ¹⁹ IMF. (2021). Cơ sở dữ liệu theo dõi tài khóa của các biện pháp tài khóa quốc gia trong ứng phó với đại dịch COVID-19. <https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/Fiscal-Policies-Database-in-Response-to-COVID-19>
- ²⁰ Oxfam. (Tháng 1/2022). *Vi-rút bất bình đẳng*. <https://www.oxfam.org/en/research/inequality-virus#:~:text=The%20virus%20has%20exposed%2C%20fed,individuals%20and%20corporations%20%E2%80%93%20are%20thriving>
- ²¹ Ở đây, chúng tôi định nghĩa chi tiêu trước đại dịch là chi tiêu cho năm 2019 (ở 68 nước) hoặc 2018 (ở 48 nước). Có sẵn số liệu cho 116 nước.
- ²² Luật Ngân sách nhà nước của Jordan năm 2022. Xem thêm <http://gbd.gov.jo/Uploads/Files/gbd/law-min/2021/en/2.pdf>
- ²³ UNICEF. (2021). *Ngân sách y tế: Năm tài chính 2021/2022*. <https://www.unicef.org/nepal/media/14426/file/Budget%20Brief%20-%202021-22%20-%20Health.pdf>
- ²⁴ Liên minh Minh bạch Tài chính. (2021). *Hướng tới phục hồi con người: Theo dõi ứng phó về tài khóa và an sinh xã hội đối với COVID-19 ở khu vực bán cầu Nam*. <https://financialtransparency.org/wp-content/uploads/2021/04/FTC->

- ²⁴ Số liệu chi tiêu trước đại dịch là cho năm 2019 (ở 70 nước) hoặc 2018 (ở 57 nước).
- ²⁵ Xem Matthew Martin, *Tài trợ cho phục hồi hậu COVID-19: Vai trò của chính sách thuế lũy tiến*, báo cáo cho liên minh Thách thức bất bình đẳng và tình trạng loại trừ, Trung tâm Hợp tác Quốc tế của Đại học New York, tháng 6/2021.
- ²⁶ IMF. (Tháng 4/2021). *Theo dõi tài khóa: Đánh giá công bằng*. <https://www.imf.org/en/Publications/FM/Issues/2021/03/31/Fiscal-Monitor-April-2021-A-Fair-Shot-50156>
- ²⁷ Bộ theo dõi cho vay trong giai đoạn COVID-19 của IMF. Truy cập ngày 09/07/2022 tại <https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/COVID-Lending-Tracker>
- ²⁸ N. Abdo. (2022). *Cách thức IMF thúc đẩy phục hồi dựa trên biện pháp thắt lưng buộc bụng*. Oxfam International. <https://medium.com/@OxfamIFIs/how-the-imf-is-pushing-an-austerity-based-recovery-f19c6040e918>
- ²⁹ Ứng phó hoạt động của Nhóm Ngân hàng Thế giới với COVID-19. Truy cập ngày 09/07/2022 tại <https://www.worldbank.org/en/about/what-we-do/brief/world-bank-group-operational-response-covid-19-coronavirus-projects-list>
- ³⁰ P. Buckley, A. Barua và M. Samaddar. (2021). *Bất bình đẳng thu nhập ở Hoa Kỳ hậu đại dịch: Điều gì xảy ra khi chính phủ không còn hỗ trợ?* <https://www2.deloitte.com/us/en/insights/economy/issues-by-the-numbers/covid-impact-on-income-inequality.html>
- ³¹ IMF. (Tháng 4/2022). *Theo dõi tài khóa: Chính sách tài khóa từ đại dịch đến chiến tranh*. <https://www.imf.org/en/Publications/FM/Issues/2022/04/12/fiscal-monitor-april-2022>
- ³² Nhóm Ngân hàng Thế giới. (2021). *Từ cú sốc kép đến phục hồi kép: Các hệ quả và phương án tài trợ y tế trong thời gian COVID-19*. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/35298>
- ³³ Nhóm Ngân hàng Thế giới và UNESCO. (2021). *Báo cáo theo dõi tài chính giáo dục năm 2021*. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/226481614027788096/pdf/Education-Finance-Watch-2021.pdf>
- ³⁴ Diễn đàn Kinh tế Thế giới (Tháng 3/2021). Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu năm 2021.. <https://www.weforum.org/reports/global-gender-gap-report-2021>
- ³⁵ Oxfam. (29/04/2021). COVID-19 khiến phụ nữ trên toàn cầu tổn thất hơn 800 tỷ USD thu nhập trong một năm. Thông cáo báo chí. <https://www.oxfam.org/en/press-releases/covid-19-cost-women-globally-over-800-billion-lost-income-one-year>
- ³⁶ UNDP và UN Women (tháng 11/2021). *Bộ công cụ theo dõi ứng phó về giới trên toàn cầu trong COVID-19; Tờ thông tin toàn cầu*. <https://www.undp.org/publications/covid-19-global-gender-response-tracker-fact-sheets>
- ³⁷ Liên Hợp Quốc. (2022). *Tài chính cho Báo cáo phát triển bền vững năm 2022*. <https://developmentfinance.un.org/fsdr2022>
- ³⁸ I. Ortiz và M. Cummins. (2021). *Cảnh báo thắt lưng buộc bụng toàn cầu: Nhen nhóm cắt giảm ngân sách giai đoạn 2021-2025 và lộ trình thay thế*. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3856299
- ³⁹ Oxfam International. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng cực đoan ở châu Phi: Phục hồi lại công bằng hơn sau COVID-19*. <https://www.oxfam.org/en/research/africas-extreme-inequality-CRIs-building-back-fairer-after-covid-19>
- ⁴⁰ IMF. (Tháng 4/2022). Triển vọng Kinh tế Thế giới. Năm 2022 được dùng làm năm cơ sở cho sự thay đổi trong chỉ tiêu chính phủ giai đoạn 2023-2027. Để có chỉ tiêu tính theo đồng đô-la Mỹ hiện hành, chỉ tiêu (theo tỷ lệ phần trăm GDP) được nhân với giá trị GDP (tính bằng USD). Cả GDP và chỉ tiêu đều tính theo giá đồng USD hiện hành. <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/weo-database/2022/April>.
- ⁴¹ N. Tamale (2021). *Thêm dầu vào lửa: Cách thức IMF yêu cầu thắt lưng buộc bụng sẽ đẩy mạnh bất bình đẳng trên khắp thế giới*. Oxfam. <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621210/bp-covid-loans-imf-austerity-110821-en.pdf?sequence=1>
- ⁴² N. Abdo (tháng 4/2022). *Cách thức IMF thúc đẩy phục hồi dựa trên biện pháp thắt lưng buộc bụng*. Oxfam International. <https://medium.com/@OxfamIFIs/how-the-imf-is-pushing-an-austerity-based-recovery-f19c6040e918>
- ⁴³ Oxfam International. (19/04/2022). *IMF phải bỏ yêu cầu thắt lưng buộc bụng vì khủng hoảng chi phí sinh hoạt thúc đẩy nghèo đói trên khắp thế giới*. <https://www.oxfam.org/en/press-releases/imf-must-abandon-demands-austerity-cost-living-CRIs-drives-hunger-and-poverty>
- ⁴⁴ G. Lopez-Acevedo, M.C. Nguyen, N. Mohammed và J. Hoogeveen. (Ngày 30/06/2022). *Giá tăng lạm phát sẽ ảnh hưởng đến nghèo đói ở Trung Đông và Bắc Phi như thế nào*. World Bank Blogs. <https://blogs.worldbank.org/arabvoices/how-rising-inflation-mena-impacts-poverty>
- ⁴⁵ J. Laghmari và S. Karam. (07/06/2022). *Tunisia dự kiến cắt giảm trợ cấp, tiền lương là biện pháp cấp thiết cho các thỏa thuận với IMF*. Bloomberg Anh Quốc. <https://www.bloomberg.com/news/articles/2022-06-07/tunisia-plans-gradual-subsidy-cuts-in-2023-as-imf-deal-in-focus#xj4y7vzkq>
- ⁴⁶ C. Mariotti. (2021). *Học thuyết cho vay chính sách: Tài trợ chính sách phát triển trong ứng phó với COVID-19 của Ngân hàng Thế giới*. <https://assets.nationbuilder.com/eurodad/pages/2551/attachments/original/1632903437/dpf-report-final.pdf?1632903437>
- ⁴⁷ IMF. (Tháng 4/2022). *Theo dõi tài khóa: Chính sách tài khóa từ đại dịch đến chiến tranh*.
- ⁴⁸ IMF. (2022). *Cộng hòa Congo. Yêu cầu thỏa thuận 3 năm theo Chương trình tín dụng mở rộng*. <https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2022/02/17/Republic-of-Congo-Request-for-a-Three-Year-Arrangement-Under-the-Extended-Credit-Facility-513260>
- ⁴⁹ N. Abdo (tháng 4/2022). *Cách thức IMF thúc đẩy phục hồi dựa trên biện pháp thắt lưng buộc bụng*.

- ⁵⁰ IMF. (2022). *Cộng hòa Dân chủ Congo: Tham vấn Điều IV năm 2022, đánh giá lần thứ 2 theo Thỏa thuận Tín dụng Mở rộng, yêu cầu sửa đổi tiêu chí hiệu quả và xem xét các đảm bảo tài chính*. <https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2022/07/05/Democratic-Republic-of-the-Congo-Staff-Report-for-the-2022-Article-IV-Consultation-Second-520400>
- ⁵¹ S. Razavi, H. Schwarzer, F. Duran Valverde, I. Ortiz và D. Dutt. (2021). *Tư vấn chính sách xã hội của Quỹ Tiền tệ Quốc tế cho các quốc gia trong cuộc khủng hoảng COVID-19: Tiếp tục và thay đổi*. Báo cáo nghiên cứu số 42 của ILO. https://www.ilo.org/global/publications/working-papers/WCMS_831490/lang--en/index.htm
- ⁵² UNICEF. (2021). *Đánh giá của Chính phủ Mông Cổ về mở rộng trợ giúp xã hội theo chiều dọc theo hướng đáp ứng các cú sốc trong ứng phó với COVID-19*. <https://www.unicef.org/mongolia/sites/unicef.org.mongolia/files/2021-12/CMP%20top-up%20assessment-ENG.pdf>
- ⁵³ IMF. (12/05/2022). *Mông Cổ: Tuyên bố kết thúc chuyến thăm của cán bộ IMF năm 2022*. <https://www.imf.org/en/News/Articles/2022/05/12/mongolia-concluding-statement-2022-imf-staff-visit>
- ⁵⁴ IMF (tháng 4/2022) Triển vọng Kinh tế Thế giới. <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/weo-database/2022/April>
- ⁵⁵ Tất cả dữ liệu lấy từ Matthew Martin, báo cáo *Giải pháp của khu vực Bắc Âu với cuộc khủng hoảng nợ mới xuất hiện ở các nước đang phát triển*, 2022 cho tổ chức Norwegian Church Aid, sắp xuất bản (sẽ xuất bản cùng khoảng thời gian công bố báo cáo CRI).
- ⁵⁶ UNCTAD. (2022). *Thu hẹp trong thời gian xung đột*. https://unctad.org/system/files/official-document/tdr2021-update1_en.pdf
- ⁵⁷ A. Shalal. (10/07/2022). *Georgieva của IMF đưa ra cảnh báo đối với “sự bằng lòng” trong vấn đề nợ toàn cầu*. Reuters. <https://www.reuters.com/markets/us/imfs-georgieva-warns-against-complacency-global-debt-problems-2022-07-11/>
- ⁵⁸ S. Maki. (07/07/2022). *Chuỗi vỡ nợ lịch sử đang tiến đến các thị trường mới nổi*. Bloomberg. <https://www.bloomberg.com/news/articles/2022-07-07/why-developing-countries-are-facing-a-debt-default-crisis>. For the list of over 30 countries which have sought relief, see Matthew Martin, báo cáo *Giải pháp của khu vực Bắc Âu với cuộc khủng hoảng nợ mới xuất hiện ở các nước đang phát triển*, 2022 cho tổ chức Norwegian Church Aid, sắp xuất bản.
- ⁵⁹ Xem Sáng kiến Đình chỉ nghĩa vụ trả nợ. <https://www.worldbank.org/en/topic/debt/brief/covid-19-debt-service-suspension-initiative#:~:text=The%20World%20Bank%20and%20the%20IMF%20supported%20the,or%20economic%20spending%20in%20response%20to%20the%20CRI%20sis>
- ⁶⁰ Dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. (2021). *Thống kê nợ quốc tế năm 2022*. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/36289>
- ⁶¹ Xem Miễn trừ nghĩa vụ nợ của Quỹ ủy thác cứu trợ và ngăn chặn thảm họa (CCRT). <https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/COVID-Lending-Tracker#CCRT>
- ⁶² T. Jones. (23/01/2022). *Cuộc khủng hoảng nợ toàn cầu ngày càng trầm trọng khi lãi suất tăng*. Debt Justice. <https://debtjustice.org.uk/press-release/growing-debt-CRI-sis-to-worsen-with-interest-rate-rises>
- ⁶³ M. Estavao. (18/07/2022). *Với những quốc gia nghèo đang kiệt quệ vì nợ, cuộc khủng hoảng lương thực đang nhen nhóm*. World Bank Blogs. <https://blogs.worldbank.org/voices/poor-countries-already-facing-debt-distress-food-CRI-sis-looms>
- ⁶⁴ Để biết thêm đề xuất chi tiết về việc thực hiện miễn trừ nợ, xem Martin (2022). *Giải pháp của khu vực Bắc Âu với cuộc khủng hoảng nợ mới xuất hiện ở các nước đang phát triển* (sắp xuất bản).
- ⁶⁵ Tham khảo: N. Lustig. (2015). *Tác động tái phân bổ của chi tiêu chính phủ cho giáo dục và y tế: Bằng chứng từ 13 quốc gia đang phát triển trong dự án Cam kết đối với Bình đẳng*. Bộ tài liệu của CEQ, Đại học Tulane. https://commitmenttoequity.org/publications_files/Comparative/CEQWPNo30%20RedisImpactGovntSpendEducHealth%20March%202015.pdf; J. Martinez-Vazquez, V. Vulovic và B. Moreno Dodson. (2014). *Tác động của các Chính sách Thuế và Chi tiêu đối với việc Phân bổ Thu nhập: Bằng chứng từ Nhiều Quốc gia*. https://scholarworks.gsu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1036&context=econ_facpub; E. Seery. (2014). *Phục vụ cho nhiều người: Dịch vụ công giải quyết vấn đề bất bình đẳng*. Oxfam. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/working-for-the-many-public-services-fight-inequality-314724/>
- ⁶⁶ Tham khảo Lưu ý về Phương pháp luận kèm theo để xem mô tả đầy đủ về các chỉ số này: <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621419/mn-cri-2022-methodology-111022-en.pdf?sequence=1&isAllowed=y>
- ⁶⁷ Do dữ liệu còn hạn chế, Chỉ số này chưa phản ánh đầy đủ về việc ứng phó với đại dịch, nhưng phân tích của chúng tôi phân biệt rõ nhất có thể giữa dữ liệu và chính sách trước và sau đại dịch.
- ⁶⁸ UNDESA. (2022). *Báo cáo Mục tiêu Phát triển Bền Vững 2022*. <https://unstats.un.org/sdgs/report/2022/>
- ⁶⁹ T. Robertson, E.D. Carter, V.B. Chou, A.R. Stegmuller, B.D. Jackson, Y. Tam, T. Sawadogo-Lewis và N. Walker. (2020). *Ước tính sớm về tác động gián tiếp của đại dịch COVID-19 đến tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ em ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình: Nghiên cứu lập mô hình*. Tạp chí *The Lancet Global Health*, 8(7). [https://doi.org/10.1016/S2214-109X\(20\)30229-1](https://doi.org/10.1016/S2214-109X(20)30229-1)
- ⁷⁰ Tổ chức Cứu trợ Trẻ em. (2021). *Báo cáo Toàn cầu về Trẻ em gái năm 2021: Quyền của Trẻ em gái trong Khủng hoảng*. <https://resourcecentre.savethechildren.net/document/global-girlhood-report-2021-girls-rights-CRI-sis/>

⁷¹ Dựa trên phân tích 115 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, UNFPA ước tính vào năm 2020, đại dịch đã ảnh hưởng đến việc sử dụng biện pháp tránh thai đối với khoảng 12 triệu phụ nữ, dẫn đến 1,4 triệu người mang thai ngoài ý muốn. Xem: UNFPA. (2021). *Tác động của COVID-19 đến Kế hoạch hoá Gia đình: Chúng ta biết những gì sau một năm đại dịch*. Ghi chú Kỹ thuật. Ngày 11/03/2021. https://www.unfpa.org/sites/default/files/resource-pdf/COVID_Impact_FP_V5.pdf

⁷² Water Aid. (2020). *Sự an toàn và phúc lợi của công nhân vệ sinh trong đại dịch COVID-19 ở khu vực Nam Á*. <https://washmatters.wateraid.org/sites/q/files/jkxoo256/files/safety-and-wellbeing-of-sanitation-workers-during-covid-19-in-south-asia-synthesis-report.pdf>

⁷³ UN Women. (2020). *Từ thông tin chi tiết đến hành động: Bình đẳng giới trong thời kỳ bùng nổ COVID-19*. <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/09/gender-equality-in-the-wake-of-covid-19#view>

⁷⁴ Tham khảo: UN Women. (2020). *Ai sẽ dành thời gian chăm sóc: Chăm sóc không lương và công việc gia đình trong đại dịch COVID-19*. <https://data.unwomen.org/publications/whose-time-care-unpaid-care-and-domestic-work-during-covid-19>; và M. Bolis và cộng sự (2020). Chăm sóc trong thời kỳ Coronavirus: Tại sao công việc chăm sóc cần trở thành trung tâm của tương lai nữ quyền sau COVID-19. Oxfam. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/care-in-the-time-of-coronavirus-why-care-work-needs-to-be-at-the-centre-of-a-po-621009/>

⁷⁵ C. Coffey và cộng sự (2020). *Thời gian chăm sóc: Công việc chăm sóc không được trả lương và được trả lương thấp và cuộc khủng hoảng bất bình đẳng toàn cầu*. Oxfam International. <https://www.oxfam.org/en/research/time-care>

⁷⁶ C. Coffey và cộng sự (2020). *Thời gian chăm sóc: Công việc chăm sóc không được trả lương và được trả lương thấp và cuộc khủng hoảng bất bình đẳng toàn cầu*. Oxfam International. <https://www.oxfam.org/en/research/time-care>

⁷⁷ L. Addati, U. Cattaneo, V. Esquivel và I. Valarino. (2018). *Công việc chăm sóc và việc làm liên quan đến chăm sóc vì một công việc ổn định trong tương lai*. Geneva: Tổ chức Lao động Quốc tế. https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_633135/lang--en/index.htm

⁷⁸ L. Addati, U. Cattaneo, V. Esquivel và I. Valarino. (2018). *Công việc chăm sóc và việc làm liên quan đến chăm sóc vì một công việc ổn định trong tương lai*. Geneva: Tổ chức Lao động Quốc tế. https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_633135/lang--en/index.htm

⁷⁹ Để xem tất cả các ví dụ được thảo luận ở đây và phân tích trên phạm vi rộng hơn về các biện pháp chính sách công và can thiệp chương trình để giải quyết vấn đề công việc chăm sóc không được trả lương và được trả lương, tham khảo: Oxfam và cộng sự (2021). *Đánh giá bằng chứng về chính sách chăm sóc*. <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621287/bp-evidence-effective-policy-measures-240921-en.pdf?sequence=11>

⁸⁰ Xem trang web của ANSES (Cơ quan Quản lý An sinh Xã hội Quốc gia Argentina): <https://www.anses.gob.ar/reconocimiento-de-aportes-por-tareas-de-cuidado>

⁸¹ Oxfam Philippines. (2021). *Công việc chăm sóc là vấn đề quan trọng*. <https://philippines.oxfam.org/latest/policy-paper/care-work-matters-participatory-approach>

⁸² Ủy ban Nhà nước về Tình trạng Phụ nữ, Bộ Nguồn nhân lực, Nhà nước Hawaii. (2020). *Xây dựng cầu nối, Không đi thụt lùi: Kế hoạch Khôi phục Kinh tế Nam nữ Bình quyền cho COVID-19*. <https://humanservices.hawaii.gov/wp-content/uploads/2020/04/4.13.20-Final-Cover-D2-Feminist-Economic-Recovery-D1.pdf>; LSE. (2021). *Rà soát nhanh Chính sách Khôi phục Kinh tế của Hawaii: Sự giao thoa của nền kinh tế nam nữ bình quyền và quản trị tốt*. <https://blogs.lse.ac.uk/gender/2021/03/22/a-cursory-glance-at-hawaiis-economic-revival-policy-the-intersection-of-feminist-economics-and-good-governance/> 22 March 2021

⁸³ Một điều quan trọng cần lưu ý là chỉ số này xem xét một số chỉ số cụ thể để đánh giá hiệu quả của các dịch vụ công và không bao gồm các cân nhắc về khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cũng như quyền của phụ nữ hoặc quyền của người LGBTQI+. Đây là những vấn đề quan trọng ở Ba Lan.

⁸⁴ C. Ekuful. (Ngày 24/4/2022). *Ghana áp dụng các biện pháp khắc nghiệt theo sau các tổn thất do phong toả*. News Africa. <https://www.newsafrika.net/business-economy/ghana-introduces-austerity-following-lockdown-losses>

⁸⁵ Dữ liệu do Oxfam Mỹ Latinh cung cấp.

⁸⁶ Yemen thậm chí còn tụt hạng nhiều hơn nữa trong bảng xếp hạng, tụt xuống 47 bậc so với Chỉ số năm 2020. Tuy nhiên, dữ liệu chỉ tiêu hiện có gần đây nhất đã quá lạc hậu (từ năm 2013 về giáo dục và 2015 về y tế và an sinh xã hội), điều này khiến chúng tôi không cập nhật được các xu hướng gần đây.

⁸⁷ Tuyên bố Incheon (được thống nhất trong quá trình xây dựng các Mục tiêu Phát triển Bền vững) đặt ra tiêu chuẩn phân bổ ngân sách cho giáo dục là 15-20%, mặc dù xã hội dân sự vẫn tiếp tục vận động chính phủ đáp ứng mức trần của phạm vi này, phù hợp với chương trình "Giáo dục cho tất cả các mục tiêu" trước đây. Xem UNESCO: *Giáo dục năm 2030: Tuyên bố Incheon và Khung hành động hướng tới giáo dục bao trùm và chất lượng công bằng và học tập suốt đời cho tất cả mọi người*. <https://iite.unesco.org/publications/education-2030-incheon-declaration-framework-action-towards-inclusive-equitable-quality-education-lifelong-learning/>, và tuyên bố của tổ chức Hợp tác Toàn cầu về Giáo dục: <https://www.globalpartnership.org/news/gce-and-gpe-joint-statement-call-more-and-better-education-financing>

⁸⁸ UNESCO. (2022). *Chúng ta ở đâu trên hành trình khôi phục giáo dục?* <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381091>

- ⁸⁹ Tổ chức Cứu trợ Trẻ em. (2021). *Báo cáo Toàn cầu về Trẻ em gái năm 2021*. <https://resourcecentre.savethechildren.net/document/global-girlhood-report-2021-girls-rights-CRI sis/>
- ⁹⁰ UNESCO. (2020). *Ứng phó về Giáo dục trong COVID-19 của UNESCO: có bao nhiêu học sinh có nguy cơ không thể trở lại trường học?* <https://unesdoc.unesco.org/ark:/148223/pf0000373992>
- ⁹¹ UNESCO. (2022). *Giám sát Tài chính Giáo dục năm 2022*. <https://www.unesco.org/gem-report/en/2022-efw>
- ⁹² Trong cả hai trường hợp, việc cắt giảm diễn ra từ năm 2019 (báo cáo chỉ số CRI lần 3 – CRI I3) đến năm 2021 (CRI I4). Trong trường hợp Morocco (quốc gia cắt giảm nhiều nhất), dữ liệu so sánh năm 2017 với năm 2019 (tức là trước COVID) và rất tiếc, chúng tôi không thể lấy dữ liệu cho CRI I4 từ cùng một nguồn với CRI I3, vì vậy một số mức cắt giảm trong trường hợp đó cũng có thể được tính do chúng tôi phải sử dụng các nguồn khác nhau.
- ⁹³ N. Tamale. (2021). *Thêm dầu vào lửa: Cách thức IMF yêu cầu thắt lưng buộc bụng sẽ đẩy mạnh bất bình đẳng trên khắp thế giới*. Oxfam. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/adding-fuel-to-fire-how-imf-demands-for-austerity-will-drive-up-inequality-world-621210/>
- ⁹⁴ M. Martin. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng cực đoan ở SADC: Chống lại yêu cầu khắc nghiệt và đại dịch*. Oxfam, DFI và Norwegian Church Aid. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/the-CRI sis-of-extreme-inequality-in-sadc-fighting-austerity-and-the-pandemic-621370/>
- ⁹⁵ A. Kamande và M. Martin. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng ở Đông Phi: Chống lại yêu cầu khắc nghiệt và đại dịch*. Oxfam và DFI. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/the-inequality-CRI sis-in-east-africa-fighting-austerity-and-the-pandemic-621348/>
- ⁹⁶ Mức tăng này diễn ra trong giai đoạn 2018 (báo cáo chỉ số CRI lần 3 – CRI I3) đến 2020 (CRI I4), do đây là dữ liệu mới hơn có sẵn khi tính toán các Chỉ số CRI.
- ⁹⁷ WHO. (07/03/2021). *Công cuộc cải cách đưa Cộng hòa Síp đến gần hơn với mục tiêu Bao phủ Y tế Toàn dân*. Bản tin. <https://www.who.int/europe/news/item/07-03-2021-reforms-move-cyprus-closer-to-universal-health-coverage>
- ⁹⁸ Thế giới trong Dữ liệu của Chúng ta. *Đại dịch Coronavirus: Số ca mắc và tử vong lũy kế do COVID-19 đã xác nhận tại Việt Nam*. <https://ourworldindata.org/grapher/cumulative-deaths-and-cases-covid-19?country=-VNM>
- ⁹⁹ Dữ liệu mở của Ngân hàng Thế giới. Chi tiêu cho y tế trên đầu người hiện tại (USD hiện tại). Truy xuất ngày 27/07/2022. <https://data.worldbank.org/indicator/SH.XPD.CHEX.PC.CD?locations=VN>
- ¹⁰⁰ Xem: Oxfam và DFI. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng cực đoan ở Châu Phi: Xây dựng lại công bằng hơn sau COVID-19*. <https://www.oxfam.org/en/research/africas-extreme-inequality-CRI sis-building-back-fairer-after-covid-19>; và A. Kamande và M. Martin. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng ở Đông Phi: Chống lại yêu cầu khắc nghiệt và đại dịch*. Oxfam và DFI. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/the-inequality-CRI sis-in-east-africa-fighting-austerity-and-the-pandemic-621348>
- ¹⁰¹ M. Martin. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng cực đoan ở Đông Phi: Chống lại yêu cầu khắc nghiệt và đại dịch*. Oxfam, DFI và Norwegian Church Aid. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/the-CRI sis-of-extreme-inequality-in-sadc-fighting-austerity-and-the-pandemic-621370/>
- ¹⁰² M. Martin. (2022). *Cuộc khủng hoảng bất bình đẳng cực đoan ở Đông Phi: Chống lại yêu cầu khắc nghiệt và đại dịch*. Oxfam, DFI và Norwegian Church Aid. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/the-CRI sis-of-extreme-inequality-in-sadc-fighting-austerity-and-the-pandemic-621370/>
- ¹⁰³ Ngân hàng Thế giới. (2022). *Các biện pháp ứng phó với COVID-19 về bảo trợ xã hội và việc làm: Đánh giá các biện pháp của quốc gia theo thời gian thực*. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/37186>
- ¹⁰⁴ UNICEF. (2021). *Đánh giá chương trình mở rộng theo chiều dọc để ứng phó với cơn sốt khi đối phó với đại dịch Covid-19 của Chính phủ Mông Cổ*. <https://www.unicef.org/mongolia/sites/unicef.org.mongolia/files/2021-12/CMP%20top-up%20assessment-ENG.pdf>
- ¹⁰⁵ UNESCO, UNICEF, Ngân hàng Thế giới. (2021). *Thực trạng của cuộc khủng hoảng giáo dục toàn cầu: Hành trình phục hồi*. <https://www.worldbank.org/en/topic/education/publication/the-state-of-the-global-education-CRI sis-a-path-to-recovery>
- ¹⁰⁶ UNESCO, UNICEF, Ngân hàng Thế giới. (2021). *Thực trạng của cuộc khủng hoảng giáo dục toàn cầu: Hành trình phục hồi*. <https://www.worldbank.org/en/topic/education/publication/the-state-of-the-global-education-CRI sis-a-path-to-recovery>
- ¹⁰⁷ UNESCO, UNICEF, Ngân hàng Thế giới. (2021). *Thực trạng của cuộc khủng hoảng giáo dục toàn cầu: Hành trình phục hồi*. <https://www.worldbank.org/en/topic/education/publication/the-state-of-the-global-education-CRI sis-a-path-to-recovery>
- ¹⁰⁸ Tổ chức Theo dõi Nhân quyền. (29/09/2021). *Châu Phi: Tiến bộ về quyền cho học sinh mang thai*. Bài báo. <https://www.hrw.org/news/2021/09/29/africa-rights-progress-pregnant-students>
- ¹⁰⁹ WHO. (2021). *Theo dõi thực trạng Bao phủ Y tế Toàn dân: Báo cáo giám sát toàn cầu năm 2021*. https://cdn.who.int/media/docs/default-source/world-health-data-platform/events/tracking-universal-health-coverage-2021-global-monitoring-report_uhc-day.pdf?sfvrsn=fd5c65c6_5&download=true

- ¹¹⁰ Tham khảo: N. Lustig. (2015). *Tác động tái phân bổ của chi tiêu chính phủ cho giáo dục và y tế: Bằng chứng từ 13 quốc gia đang phát triển trong dự án Cam kết đối với Bình đẳng*. Bộ tài liệu của CEQ, Đại học Tulane. https://commitmenttoequity.org/publications_files/Comparative/CEQWPNo30%20RedisImpactGovntSpendEducHealth%20March%202015.pdf; J. Martinez-Vazquez, V. Vulovic và B. Moreno Dodson (2014). *Tác động của các Chính sách Thuế và Chi tiêu đối với việc Phân bổ Thu nhập: Bằng chứng từ Nhiều Quốc gia*. https://scholarworks.gsu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1036&context=econ_facpub; E. Seery. (2014). *Phục vụ cho nhiều người: Dịch vụ công giải quyết vấn đề bất bình đẳng*. Oxfam. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/working-for-the-many-public-services-fight-inequality-314724/>
- ¹¹¹ Để biết mô tả chi tiết hơn về các chỉ số được sử dụng, cách tính và nguồn dữ liệu của các chỉ số đó, vui lòng xem trong tài liệu phương pháp luận của CRI trong <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621419/mn-cri-2022-methodology-111022-en.pdf?sequence=1&isAllowed=y>
- ¹¹² Sự cải thiện đáng kể của Morocco chủ yếu là nhờ vào phân tích tác động hơn là nhờ sự cải thiện HTP
- ¹¹³ Bộ Doanh thu và Hải quan. <http://portal.drc.gov.bt/drc/node/25>
- ¹¹⁴ Orbitax. (2019). Hoá đơn thuế thu nhập của Maldives bao gồm thuế thu nhập cá nhân và thuế khấu trừ tại nguồn rộng hơn. Tin tức và cảnh báo thuế của Orbitax. <https://www.orbitax.com/news/archive.php/Maldives-Income-Tax-Bill-Inclu-39964>
- ¹¹⁵ Ingresos Tributarios al Primer Semestre 2021. https://repositorio.economiayfinanzas.gob.bo/documentos/2018/VPT/DIRECCIONES/DGET/BOLETIN_BEIGT/2021/Boletin%20Economico%20de%20Ingresos%20Tributarios%201%20semestre%202021.pdf
- ¹¹⁶ Oxfam. (Tháng 01/2022). *Bất bình đẳng đang giết chết chúng ta*. <https://policy-practice.oxfam.org/resources/inequality-kills-the-unparalleled-action-needed-to-combat-unprecedented-inequal-621341/>
- ¹¹⁷ Oxfam. (2021). *Virus bất bình đẳng*, trang 22: <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621149/bp-the-inequality-virus-250121-en.pdf>
- ¹¹⁸ Oxfam. (2022). *Thu lợi từ Nỗi đau*. <https://oi-files-d8-prod.s3.eu-west-2.amazonaws.com/s3fs-public/2022-05/Oxfam%20Media%20Brief%20-%20EN%20-%20Profiting%20From%20Pain%2C%20Davos%202022%20Part%202.pdf>
- ¹¹⁹ Oxfam 2022 (sắp xuất bản). *Sharing the windfall*. (Chia sẻ lợi nhuận bất ngờ.)
- ¹²⁰ IMF. (2021). *Góp phần phục hồi sau COVID-19*. <https://www.imf.org/-/media/Files/Publications/covid19-special-notes/en-special-series-on-covid19-recovery-contributions.ashx>
- ¹²¹ Reuters. (2021). *LHQ thúc đẩy đánh thuế đối với người giàu hưởng lợi trong đại dịch*. <https://www.reuters.com/article/us-health-coronavirus-un-idUSKBN2BZ281>
- ¹²² Bloomberg Tax. (2022). *Sử dụng thuế lợi tức phụ thu để giảm bớt tác động của việc tăng giá điện*. OECD. <https://news.bloombergtax.com/daily-tax-report/windfall-tax-to-ease-impact-of-power-price-surge-oecd>
- ¹²³ Để biết thêm thông tin về tình trạng áp dụng hiện tại và trước đây của thuế tài sản, thuế đoàn kết và thuế lợi tức phụ thu, hãy xem Matthew Martin, *Tài trợ cho phục hồi hậu COVID-19: Vai trò của chính sách thuế lũy tiến*, báo cáo cho liên minh Thách thức bất bình đẳng và tình trạng loại trừ, Trung tâm Hợp tác Quốc tế của Đại học New York, tháng 6/2021.
- ¹²⁴ Để biết thêm thông tin, hãy xem lưu ý về phương pháp luận trong <https://oxfamlibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/621419/mn-cri-2022-methodology-111022-en.pdf?sequence=1&isAllowed=y>
- ¹²⁵ Xem *New York Times*. (2019). *Chile thức dậy: Di sản bất bình đẳng của chế độ độc tài chôn ngòi cho các cuộc biểu tình rầm rộ*. <https://www.nytimes.com/2019/11/03/world/americas/chile-protests.html>
- ¹²⁶ J. Kaplan. (2021). *Các nhà phê bình cho rằng thuế tài sản không hiệu quả. Argentina vừa thu về 2,4 tỷ USD bằng chính sách thuế này*. <https://www.businessinsider.com/one-time-wealth-tax-in-argentina-brought-in-24-billion-2021-5?r=US&IR=T>
- ¹²⁷ KPMG. (2021). *Argentina: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mới*. <https://home.kpmg/us/en/home/insights/2021/06/tnf-argentina-new-corporate-income-tax-rates.html>
- ¹²⁸ Reuters. (2022). *Argentina đề xuất thuế "Thu nhập bất thường" trong bối cảnh đạt thu nhập phụ trội từ ngũ cốc*. <https://www.investing.com/news/commodities-news/argentina-proposes-extraordinary-income-tax-amid-grains-windfalls-2834121>
- ¹²⁹ N. Risso. (2020). *Bolivia: Thuế cố định đánh vào tài sản lớn*. <https://resumen-english.org/2020/12/bolivia-a-permanent-tax-on-large-fortunes/>
- ¹³⁰ Reuters. (01/07/2022). *Kế hoạch tăng thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đồng và cải cách hệ thống thuế tại Chile*. <https://www.reuters.com/world/americas/chile-plans-raise-copper-mining-royalties-reform-tax-system-2022-07-01/>
- ¹³¹ Thông qua một ủy ban rà soát doanh thu Vanuatu năm 2017 đề xuất áp dụng thuế TNDN 17% – xem https://revenuereview.gov.vu/images/Publications/RevenueReviewFINALReport_10072017.pdf. Bahrain đánh thuế lợi nhuận ròng ở mức 46% cho các công ty trong lĩnh vực hydrocarbon.
- ¹³² Để biết các phân tích về tác động tiềm tàng, hãy xem *Tác động đến nguồn thu của mức thuế tối thiểu toàn cầu: Ước tính theo từng quốc gia*. <https://www.taxobservatory.eu/wp-content/uploads/2021/10/Note-2-Revenue-Effects-of-the-Global-Minimum-Tax-October->

- 2021.pdf#:~:text=We%20find%20that%20the%20European%20Union%20can%20increase,States%20would%20gain%20about%20%E2%82%AC57%20billion%20a%20year; và *Thoả thuận bất lợi đối với quá trình phát triển: Đánh giá tác động của thoả thuận thuế trong khuôn khổ bao trùm mới đối với các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình*. https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2022/05/Tax-and-Bad-Deal-for-Development_Final.pdf
- ¹³³ Oxfam. (2021). *Thoả thuận thuế của OECD là sự công bằng giả tạo: Oxfam*. <https://www.oxfam.org/en/press-releases/oecd-tax-deal-mockery-fairness-oxfam>
- ¹³⁴ Antigua và Barbuda, Úc, Canada, Honduras, Ấn Độ, Jamaica, Nhật Bản, Malaysia, Maldives, Myanmar, New Zealand, Panama, Papua New Guinea, Singapore, Timor-Leste và Hoa Kỳ. Đặc khu hành chính Hồng Kông là lãnh thổ duy nhất trong CRI không áp dụng thuế GTGT hay thuế tiêu thụ. Ngoài ra, trong số các quốc gia không được xem xét trong CRI, Iraq áp dụng thuế tiêu thụ và Kuwait, Libya và Qatar không áp dụng thuế tiêu thụ hay thuế GTGT.
- ¹³⁵ Na-Uy cũng giảm thuế GTGT đối với thực phẩm trong thời kỳ đại dịch COVID trong giai đoạn 2020-2021 và điều này được phản ánh trong CRI hiện tại, nhưng chính sách này đã kết thúc vào năm 2022.
- ¹³⁶ Chỉ số CRI chỉ bao gồm các thực hành thuế có hại liên quan đến việc trốn thuế doanh nghiệp, chiếm khoảng hai phần ba số vụ lạm dụng thuế trên toàn cầu. Đề thảo luận về việc trốn thuế cá nhân và cách các quốc gia hành động để ngăn chặn tình trạng này, hãy xem báo cáo Tình trạng Công bằng Thuế năm 2021 tại <https://taxjustice.net/reports/the-state-of-tax-justice-2021/> and the Financial Secrecy Index at <https://fsi.taxjustice.net/>
- ¹³⁷ Báo cáo Tình trạng Công bằng Thuế năm 2021 cho biết mức độ tránh thuế doanh nghiệp đã tăng từ 245 tỷ USD lên 312 tỷ USD trong giai đoạn 2020-2021. Xem <https://taxjustice.net/reports/the-state-of-tax-justice-2020/> và <https://taxjustice.net/reports/the-state-of-tax-justice-2021/>
- ¹³⁸ Mức tăng thuế của Burundi phản ánh sự điều chỉnh giảm về dữ liệu GDP và Lithuania được OECD phân loại lại nguồn thu.
- ¹³⁹ Nguồn dữ liệu về hệ số Gini trước thuế: Dữ liệu của Viện nghiên cứu Bất bình đẳng Thế giới tại <https://wid.world/data/>
- ¹⁴⁰ Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng không có sẵn dữ liệu cho chỉ số phụ L1a (quyền lao động trong pháp luật và hành nghề) và do đó, chúng tôi chỉ có điểm trung lập về chỉ số này. Cần lưu ý rằng sự xung đột và vấn đề về việc làm hiện đang tồn tại ở Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng đã khiến ITUC cho rằng họ "không có sự đảm bảo" về quyền của lao động và công đoàn "do sự phá vỡ pháp quyền". Xem: <https://survey.ituc-csi.org/Palestine.html?lang=en>
- ¹⁴¹ Những cải thiện ở Bahamas, St Lucia và Uruguay phản ánh những đánh giá tích cực và gần đây hơn của OECD và Ngân hàng Thế giới.
- ¹⁴² Dữ liệu dựa trên các Chỉ số về Quyền Lao động được lập riêng cho MPTBV 8.8 bởi Trung tâm Quyền của Người lao động Toàn cầu (CGWR) tại Đại học Bang Pennsylvania. Dự kiến sẽ có một bản phát hành dữ liệu mới trong năm nay bao gồm từ 2018 đến 2020, nhưng vẫn chưa hoàn tất vào thời điểm biên soạn Chỉ số.
- ¹⁴³ H. Ferrari. (2022). *Công tác thu Liên phí giảm 97.5% kể từ năm 2017*. <https://www.poder360.com.br/economia/arrecadacao-com-contribuicao-sindical-cai-975-desde-2017/>
- ¹⁴⁴ Chính sách Số 13467. Xem: <https://www.globalrightsindex.org/en/2022/countries/bra>
- ¹⁴⁵ B. Allinger và G. Adam. (2021). *Những tác động không đồng nhất của COVID-19 đối với việc Đối thoại Xã hội và Thương lượng Tập thể vào năm 2020*. <https://www.eurofound.europa.eu/publications/article/2021/mixed-impacts-of-covid-19-on-social-dialogue-and-collective-bargaining-in-2020>
- ¹⁴⁶ Một số quốc gia đã được phân loại lại trong cả hai nguồn dữ liệu thứ cấp chính của chúng tôi (cơ sở dữ liệu OECD SIGI và WBL - xem Tài liệu Phương pháp luận để biết chi tiết), do công tác xác định các tài liệu mới hoặc các cuộc thảo luận chi tiết hơn với các chính phủ về khuôn khổ pháp lý. Do đó, một số thay đổi về điểm số phản ánh những đánh giá đã thay đổi này.
- ¹⁴⁷ Z. Ahad. (2022). *Hãy cử một người đàn ông làm công việc của bạn để chúng tôi có thể sa thải bạn, Taliban nói với các quan chức nữ*. *The Guardian*. <https://www.theguardian.com/global-development/2022/jul/18/send-us-a-man-to-do-your-job-so-we-can-sack-you-taliban-tell-female-officials>
- ¹⁴⁸ Đạo luật của EU về việc nghỉ phép việc gia đình và cân bằng giữa công việc và cuộc sống. https://ec.europa.eu/info/policies/justice-and-fundamental-rights/gender-equality/women-labour-market-work-life-balance/eu-rights-work-life-balance_en
- ¹⁴⁹ Công ước số 183 quy định rằng thời gian nghỉ thai sản đối với nữ không được dưới 14 tuần.
- ¹⁵⁰ Quy tắc về tiền lương năm 2019. <https://egazette.nic.in/WriteReadData/2019/210356.pdf>
- ¹⁵¹ Xem: *Deccan Herald*. (2019). *Giới thiệu về Khảo sát kinh tế cho hệ thống tiền lương được thiết kế tốt*. <https://www.deccanherald.com/business/budget-2019/economic-survey-pitches-for-well-designed-wage-system-744766.html>
- ¹⁵² Tỷ lệ Uganda là 0,02% (không cập nhật từ năm 1984).
- ¹⁵³ Đường trung vị và đường trung bình giải quyết các yếu tố hơi khác nhau (tức là mức lương ở những nơi làm việc cao cấp kéo mức lương của yếu tố trước cao hơn nhưng không kéo mức lương của yếu tố sau). T. Muller và T. Schulten. (2022). *Chỉ thị về mức lương tối thiểu - Lịch sử hình thành*. <https://socialeurope.eu/minimum-wages-directive-history-in-the-making>
- ¹⁵⁴ M.F. Rahman và R.U. Mirdha. (2020). *Mức lương thực tế của Bangladesh phải chịu cú lao dốc sâu nhất ở châu Á: ILO*. *The Daily Star*. <https://www.thedailystar.net/business/news/bangladeshs-real-wage-suffers-steepest-plunge-asia-ilo-2004945>; D. Cooper, E. Gould và B. Zipperer. (2019). *Người lao động có mức lương thấp đang phải gánh chịu mức lương tối thiểu bị sụt giảm giá trị thực của liên bang*. Viện chính sách kinh tế. <https://www.epi.org/publication/labor-day-2019-minimum-wage/>
- ¹⁵⁵ Định nghĩa "công việc dễ bị tổn thương" của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được sử dụng như chỉ báo thể hiện người đi làm không được bảo vệ bởi quyền lao động. Việc này thường gắn liền với "lao động trong gia đình" và "lao

động tự làm chủ” - dựa theo Phân loại quốc tế về vị thế công việc (ICSE) - bao gồm cả lao động khu vực phi chính thức và lao động không có hợp đồng. Xem ghi chú về phương pháp để biết thêm thông tin. Đây là bộ dữ liệu xuyên quốc gia tốt nhất về người đi làm không được hưởng quyền người lao động.

- ¹⁵⁶ ILO. (2022). *COVID-19 và các Mục tiêu Phát triển Bền vững: (COVID-19 and the Sustainable Development Goals):* Đảo ngược tiến độ hướng tới công việc tốt cho tất cả mọi người. <https://ilostat.ilo.org/covid-19-and-the-sustainable-development-goals-reversing-progress-towards-decent-work-for-all/#:~:text=In%202021%2C%20the%20global%20unemployment,level%20until%20at%20least%202023.>
- ¹⁵⁷ Independent. (2022). Phụ nữ trong ngành may mặc của Lesotho mất việc, hy vọng vào COVID. <https://www.independent.co.uk/news/lesotho-ap-maseru-south-africa-american-b2046198.html>
- ¹⁵⁸ Chương trình quốc gia làm việc hiệu quả của Cộng hòa Tajikistan 2020-2024. https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_mas/---program/documents/genericdocument/wcms_774558.pdf
- ¹⁵⁹ Chương trình Phát triển Liên hợp quốc. (2021). *Hiện tượng của một nền kinh tế và việc làm phi chính thức trong bối cảnh của Đại dịch Covid-19.* <https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/md/Raport-UNDP-Eng-neformal.pdf>
- ¹⁶⁰ OECD. (2021). *Theo OECD. Việc làm phải là trọng tâm của sự phục hồi để tránh những vết sẹo sâu trong kinh tế và xã hội.* <https://www.oecd.org/employment/jobs-must-be-at-heart-of-recovery-to-avoid-deep-scars-in-economy-and-society-says-oecd.htm>
- ¹⁶¹ Đối với chỉ số phụ này, chúng tôi sử dụng dữ liệu của ILO và không có sẵn dữ liệu cho Iran, Kiribati, Tonga và Tuvalu; như vậy, chúng tôi đã sắp xếp các thứ hạng từ dưới lên thiếu bốn quốc gia, bắt đầu từ 157 (thay vì từ tập dữ liệu 161 quốc gia đầy đủ).
- ¹⁶² T. Piketty. (2017). *Capital in the Twenty-First Century. (Nguồn vốn trong thế kỷ 21).* Cambridge, MA: Harvard University Press.
- ¹⁶³ OECD. (2012). *Triển vọng Việc làm 2012 của OECD.* https://read.oecd-ilibrary.org/employment/oecd-employment-outlook-2012/labour-losing-to-capital-what-explains-the-declining-labour-share_empl_outlook-2012-4-en#page4
- ¹⁶⁴ Điều này dựa trên bộ dữ liệu có sẵn từ năm 1990 (103 quốc gia) và xem liệu điều này có giảm đến năm 2010 hay không (trong một số trường hợp, dữ liệu này chỉ có sẵn cho đến năm 2000). Dựa trên tính toán của chính tác giả. Xem M. Guerriero. (2019). *Tỷ lệ thu nhập của lao động quanh thế giới* www.adb.org/sites/default/files/publication/484346/adbi-wp920.pdf
- ¹⁶⁵ *Thống kê về Thu nhập lao động và Bất bình đẳng.* <https://ilostat.ilo.org/topics/labour-income/>
- ¹⁶⁶ The Economist. (2022). *Lao động và Vốn trong nền kinh tế hậu phong tỏa.* <https://www.economist.com/finance-and-economics/labour-v-capital-in-the-post-lockdown-economy/21807700>
- ¹⁶⁷ OECD. (2015). *Tỷ lệ lao động trong các nền kinh tế G20.* <https://www.oecd.org/g20/topics/employment-and-social-policy/The-Labour-Share-in-G20-Economies.pdf>
- ¹⁶⁸ Như LHQ đã làm trong Báo cáo Tiến trình đạt MPTBV - xem https://unstats.un.org/sdgs/report/2022/Progress_Chart_Technical_Note_2022.pdf, trang 33-35.
- ¹⁶⁹ Ngân hàng Thế giới (2022), *Triển vọng Kinh tế Toàn cầu*, Tháng 1. Số liệu này được tính dựa trên sự gia tăng trung bình của hệ số Gini về thu nhập khả dụng là 0,03, thể hiện 8% trung bình bất bình đẳng trước COVID-19 tại châu Á. <https://patrioticmillionaires.org/wp-content/uploads/Annual-Wealth-Tax-Factsheet.pdf>
- ¹⁷⁰ Trong báo cáo này, các khu vực bao gồm các quốc gia sau (trừ khi không có dữ liệu cho chỉ số cụ thể): Bắc Á và Trung Á - Trung Quốc, Hồng Kông - Trung Quốc, Kazakhstan, Cộng hòa Kyrgyz, Mongolia, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, các nước OECD: Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản và New Zealand; Khu vực Thái Bình Dương - Fiji, Kiribati, Marshall Islands, Micronesia, Papua New Guinea, Samoa, Quần đảo Solomon, Tonga, Tuvalu, Vanuatu, Nam Á - - Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Maldives, Nepal, Pakistan and Sri Lanka, Đông Nam Á - các nước thành viên ASEAN (Brunei, Cambodia, Indonesia, CHDCND Lào, Malaysia, Myanmar Philippines, Singapore, Thái Lan and Việt Nam) và Timor-Leste
- ¹⁷¹ Cơ sở dữ liệu Bất bình đẳng Thế giới (2021). <https://wid.world/>
- ¹⁷² Các ước tính của Ngân hàng Thế giới cho thấy tình trạng nghèo đói cùng cực gia tăng liên tục ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi trong giai đoạn 2013-2020: R. Andres Castaneda Aguilar, T. Fujs, C. Lakner, D. Gerszon Mahler, M. Cong Nguyen, M. Schoch and M. Viveros. (16/03/2021). Tháng 3/2021 *Cập nhật Nghèo đói Toàn cầu*. Washington DC: Ngân hàng Thế giới. Truy xuất ngày 18/10/2021. <https://blogs.worldbank.org/opendata/march-2021-global-poverty-update-world-bank>
- ¹⁷³ R. Jawad. (2015). *An sinh xã hội và Hệ thống Chính sách xã hội tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi: Những xu hướng mới nổi.* New York: Phòng Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc (UNDESA). Truy xuất ngày 18/10/2021. <https://www.un.org/esa/socdev/csocd/2016/RJawad-MENA.pdf>
- ¹⁷⁴ Chỉ số Quyền Toàn cầu. (2022). Trung Đông và Bắc Phi. Truy xuất ngày 21/09/2022. <https://www.globalrightsindex.org/en/2021/regions/middle-east>

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được thực hiện bởi Jo Walker và Matthew Martin từ DFI, và Emma Seery, Nabil Abdo, Anthony Kamande và Max Lawson từ Oxfam với sự đóng góp của Chiara Putaturo.

Tại DFI, Matthew Martin lãnh đạo nhóm tổng hợp dữ liệu về lao động và viết chương về thuế. Jo Walker là Giám đốc Dự án Chỉ số CRI và là tác giả của chương về lao động. David Waddock đã thiết kế và triển khai cơ sở dữ liệu tổng thể và lãnh đạo nhóm tổng hợp dữ liệu về thuế. Maria Holloway dẫn dắt nhóm tổng hợp dữ liệu dịch vụ công. Tại Oxfam, Anthony Kamande là Giám đốc điều hành, điều phối công việc của Oxfam và hỗ trợ nghiên cứu. Nabil Abdo đã viết nội dung về COVID-19 và Chương về các Tổ chức Quốc tế. Chiara Putaturo, Susana Rodriguez, Martin-Brehm Christensen đã tổng hợp dữ liệu về các hành vi đánh thuế có hại. Anthony Kamande và Jonas đã tham gia vào việc kiểm tra cơ sở dữ liệu. Nguyễn Quang Thái đã hỗ trợ nghiên cứu. Alvic Padilla trước đây làm việc với Christina Aid ở Philippines đã có những đóng góp xuất sắc.

Anthony Kamande, Charlotte Friar, David Waddock, Diana Kallas, Didier Jacobs, Gerald Byarugaba, Grazielle Custódio, Helen Buntin, Ivan Nikolic, Jo Walker, Jonas Giefeldt, Kwesi Obeng, Lusungu Kacheche, Maria Holloway, Matthew Martin, Max Lawson, Nabil Abdo, Nadia Daar, Romao Xavier và Ruud Huurman đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát dự án và cải thiện phương pháp luận của Chỉ số CRI. Những đóng góp quan trọng đã được thực hiện bởi nhiều chi nhánh Oxfam và văn phòng quốc gia, cũng như các chuyên gia đầu ngành trong Oxfam, cải thiện chất lượng dữ liệu với các nguồn dữ liệu gần đây hơn, cũng như làm rõ các xu hướng chính sách quốc gia.

Giulio Caperna, Oscar Smallembroek, Matija Kovacic và Eleni Papadimitriou tại Trung tâm năng lực về các chỉ số và bảng điểm tổng hợp (COIN), một phần của Trung tâm nghiên cứu hỗn hợp của Ủy ban Châu Âu đã cung cấp hỗ trợ và tư vấn tổng thể tuyệt vời về chỉ số và đánh giá mức độ mạnh mẽ có sẵn dưới phụ lục riêng.

Cuối cùng, Tổ chức Phát triển Tài chính Quốc tế và Oxfam vô cùng biết ơn Quỹ Xã hội Mở (Open Society) và các tổ chức thành viên của Oxfam đã tài trợ cho công việc thực hiện Cam kết Giảm Chỉ số Bất bình đẳng.

Để biết thêm thông tin về Cam kết Giảm Chỉ số Bất bình đẳng và các hành động bạn có thể thực hiện để chống bất bình đẳng trên toàn thế giới, đồng thời để xem dữ liệu và phương pháp cơ bản cho báo cáo, vui lòng xem www.inequalityindex.org

Để biết thêm thông tin, hay đóng góp ý kiến cho báo cáo này, vui lòng gửi email tới matthew.martin@dri.org.uk và max.lawson@oxfam.org

© Development Finance International và Oxfam International, tháng 10/2020

Ấn phẩm này được đăng ký bản quyền, tuy nhiên nội dung có thể được sử dụng miễn phí cho mục đích vận động tuyên truyền, trong các chiến dịch, giáo dục và nghiên cứu, với điều kiện trích dẫn nội dung xin ghi rõ nguồn. Bên sở hữu bản quyền yêu cầu việc sử dụng tài liệu cần được đăng ký trước với đối với cho mục đích đánh giá tác động. Việc sao chép trong bất kỳ trường hợp nào, hay tái sử dụng trong các ấn phẩm, dịch hoặc chuyển thể tài liệu cần có sự cho phép và có thể bị tính phí. E-mail gửi về policyandpractice@oxfam.org.uk

Thông tin trong ấn phẩm này là chính xác tại thời điểm xuất bản.

Xuất bản bởi Oxfam Anh, đại diện cho Oxfam International theo giấy phép số

ISBN 978-1-78748-956-1 tháng 10 năm 2020.

DOI: 10.21201/2022.9325

Oxfam Anh, Nhà xuất bản Oxfam, John Smith Drive, Cowley, Oxford, OX4 2JY, Vương quốc Anh.

ẢNH BÌA: Các tòa nhà bên bờ sông ở Colombo, Sri Lanka. Trong thập kỷ qua, bất bình đẳng kinh tế ở Sri Lanka đang gia tăng. Hiện đang chìm trong bất ổn kinh tế và chính trị, Sri Lanka đã giảm 17 bậc trong chỉ số CRI năm nay. Trong giai đoạn đại dịch diễn ra, Sri Lanka cắt giảm thuế đối với các tập đoàn và những người giàu nhất. Ảnh của Nazly Ahmed trên Flickr. Được cấp phép theo CC BY-NC-SA 2.0.

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

Tổ chức Tài chính Phát triển Quốc tế là một tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng năng lực, vận động chính sách, tư vấn và nghiên cứu. Hiện tổ chức đang hợp tác với hơn 50 chính phủ quốc gia, các tổ chức quốc tế và các tổ chức xã hội dân sự trên toàn thế giới để giúp tài trợ phát triển giải quyết đói nghèo và bất bình đẳng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập www.development-finance.org và www.governmentspendingwatch.org

OXFAM

Oxfam là một liên minh quốc tế gồm 21 tổ chức, cùng làm việc với các đối tác và liên minh khác, tiếp cận tới hàng triệu người trên thế giới. Cùng nhau, chúng ta giải quyết bất bình đẳng để chấm dứt nghèo đói và bất công, hiện tại và lâu dài - vì một tương lai bình đẳng. Vui lòng gửi thư cho bất kỳ cơ quan nào để biết thêm thông tin hoặc truy cập www.oxfam.org.

